



Sustainable Natural Resource Management Project

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG
DỰ ÁN QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN BỀN VỮNG
TIÊU HỢP PHẦN CÁC HOẠT ĐỘNG THÍ ĐIỂM REDD+ TẠI TỈNH HÒA BÌNH



Nguyễn Hữu Tiến – Điều phối viên Dự án tại tỉnh Hòa Bình

Nguyễn Tuấn Anh – Cán bộ Quản lý rừng

Trần Thị Huyền – Cán bộ Phát triển sinh kế

Hòa Bình, tháng 8 năm 2018



Sustainable Natural Resource Management Project

Mục lục

I. Quan hệ đối tác trong quản lý và thực hiện Dự án tại tỉnh Hòa Bình	1
1. Quan hệ đối tác với Ban Quản lý dự án trung ương (CPMU)	1
2. Quan hệ đối tác với Ban QLDANLN và Ban Quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU).....	2
3. Quan hệ đối tác với UBND huyện Tân Lạc và các đơn vị chức năng liên quan	3
4. Quan hệ đối tác với UBND xã Thanh Hối.....	3
5. Quan hệ đối tác với Nhóm Thúc đẩy viên Dự án.....	4
6. Quan hệ đối tác với Ban Quản lý dự án cấp xóm	4
II. Các vấn đề lồng ghép vào các hoạt động của Dự án (Cross-cutting issues).....	5
1. Lồng ghép giới	5
2. Không gây phương hại (Do-no-harm)	6
III. Đánh giá kết quả các hoạt động thí điểm về REDD+ tại tỉnh Hòa Bình	6
1. Thiết lập các tổ chức cộng đồng và phát triển thể chế	6
2. Tổ chức bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng	11
3. Phát triển trồng rừng	23
4. Xây dựng bản đồ lưu vực rừng đầu nguồn	34
5. Hỗ trợ trồng rau	37
6. Hỗ trợ trồng cây ăn quả.....	42
7. Hỗ trợ nuôi ong	45
8. Hỗ trợ trồng cỏ cho chăn nuôi.....	51
9. Phát triển Năng lượng tiết kiệm củi	53
Tài liệu tham khảo	81



Sustainable Natural Resource Management Project

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BVTV: Bảo vệ thực vật

LSNG: Lâm sản ngoài gỗ

NN&PNNT: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

QLDA: Quản lý dự án

QLDATW: Quản lý dự án trung ương

QLDALN: Quản lý dự án lâm nghiệp

QLDANLN: Quản lý dự án nông lâm nghiệp

REDD+: Giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon tại các nước đang phát triển

TNMT: Tài nguyên môi trường

TTBVR: Tuần tra bảo vệ rừng

UBND: Ủy ban nhân dân



Sustainable Natural Resource Management Project



Sustainable Natural Resource Management Project

I. Quan hệ đối tác trong quản lý và thực hiện Dự án tại tỉnh Hòa Bình

Giống như các chương trình, dự án khác đang hoạt động tại Việt Nam, quan hệ đối tác là một phần không thể thiếu trong suốt quá trình kể từ khi dự án bắt đầu cho đến khi kết thúc. Quan hệ đối tác là nhằm đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng và sự hỗ trợ kịp thời, có hiệu quả của các bên liên quan trong việc quản lý, thực hiện, giám sát và đánh giá dự án. Dự án Quản lý tài nguyên thiên bền vững (sau đây gọi tắt là Dự án) được quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương theo một hệ thống có tính hệ thống và chặt chẽ để đảm bảo rằng Dự án được quản lý, thực hiện và giám sát một cách chặt chẽ và hiệu quả nhất. Ở mỗi cấp hành chính Dự án có các cơ quan đối tác khác nhau, các cơ quan này có thể là cơ quan có liên quan như UBND tỉnh, Sở NN&PTNT... hoặc cơ quan được thành lập ra để quản lý Dự án như Ban QLDATEW, Ban QLDA tỉnh, Ban Quản lý cấp xóm về Quản lý và Phát triển sinh kế... Làm việc và phối hợp với các cơ quan đối tác là một yêu cầu bắt buộc trong triển khai các hoạt động của Dự án tại địa phương. Dự án không thể triển khai các hoạt động của mình tại địa phương mà thiếu đi sự phối hợp với các cơ quan đối tác. Do vậy, Dự án xác định phát triển quan hệ đối tác với các bên liên quan là một nhiệm vụ quan trọng đóng góp vào sự thành công của Dự án. Tại tỉnh Hòa Bình kể từ khi khởi động Dự án đến nay, mối quan hệ với các cơ quan đối tác luôn được xây dựng, vun đắp và phát triển dựa trên nguyên tắc lắng nghe và tôn trọng. Sự phối hợp và hỗ trợ của các cơ quan đối tác trong quản lý và thực hiện Dự án đã có những đóng góp không nhỏ vào thành công chung của Dự án tại tỉnh Hòa Bình trong thời gian qua.

1. Quan hệ đối tác với Ban Quản lý dự án trung ương (CPMU)

Trước khi Ban QLDATEW được thành lập, Dự án đã phát triển và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp với vai trò được giao là Cơ quan chủ Dự án. Ban QLDATEW đã có những hỗ trợ rất thiết thực trong quá trình khởi động và triển khai Dự án trong giai đoạn đầu. Mọi vướng mắc, khó khăn Dự án gặp phải trong giai đoạn này đều đã nhận được sự tư vấn và hỗ trợ kịp thời từ Ban QLDATEW để đảm bảo Dự án được khởi động và thiết lập đúng kế hoạch đề ra. Ban Quản lý Dự án Trung ương được thành lập ngày 27/3/2017 tại Quyết định số 1002/QĐ-BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT. Ban là cơ quan đại diện cho Ban QLDATEW chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Dự án ở cấp quốc gia và chịu trách nhiệm đảm bảo tiến tiến độ, chất lượng và mục tiêu của Dự án. Kể từ khi Ban QLDATEW được thành lập Dự án luôn chú trọng xây dựng và phát triển quan hệ đối tác chặt chẽ với cơ quan này. Nhờ mối quan hệ tốt đẹp với Ban QLDATEW cũng như Ban QLDATEW các hoạt động của Dự án tại tỉnh Hòa Bình luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ có hiệu quả của các đơn vị này trong suốt thời gian qua. Cụ thể, tính từ tháng 8 năm 2016 đến nay Ban QLDATEW và Ban QLDATEW đã có hàng chục chuyến thăm và làm việc tại tỉnh Hòa Bình



Sustainable Natural Resource Management Project

để chỉ đạo, tham dự cũng như giám sát đánh giá các hoạt động của Dự án trên địa bàn tỉnh như hoạt động Xây dựng kế hoạch hành động cấp tỉnh về REDD+, các hoạt động thí điểm về REDD+. Bên cạnh đó, Ban QLDATEW đã tổ chức các cuộc họp giao ban và đánh giá kết quả hoạt động của Dự án, các đại diện của Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình và Ban QLDATEW tỉnh Hòa Bình đã được mời và cử đại diện tham gia các cuộc họp này. Ngoài ra, để hỗ trợ cho các đơn vị quản lý Dự án một cách thống nhất và hiệu quả, tháng 12 năm 2017 với sự tham mưu của Ban QLDATEW Bộ NN&PTNT đã ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Dự án, đây là một căn cứ quan trọng để các Ban QLDATEW tỉnh xây dựng quy chế quản lý và phối hợp với các bên liên quan trên địa bàn tỉnh.

2. Quan hệ đối tác với Ban QLDATEW và Ban Quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU)

Ban Quản lý các dự án nông lâm nghiệp trực thuộc Sở NN&PTNT tỉnh Hòa Bình là đơn vị được giao làm đầu mối quản lý Dự án tại tỉnh Hòa Bình cho đến khi Ban QLDATEW tỉnh được thành lập. Do vậy, trong giai đoạn khởi động Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình đã phối hợp chặt chẽ với Ban QLDATEW để tổ chức các hoạt động khởi động cũng như thiết lập các thể chế phục vụ quản lý và thực hiện Dự án trên địa bàn tỉnh như Tổ công tác xây dựng Kế hoạch hành động cấp tỉnh về REDD+, thiết lập đội ngũ cộng tác viên Dự án... Ban Quản lý dự án tỉnh Hòa Bình được thành lập vào tháng 3 năm 2017 với tổng số 12 thành viên, có nhiệm vụ chính là chịu trách nhiệm về việc quản lý và tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn tỉnh Hòa Bình nhằm đảm bảo Dự án được quản lý và thực hiện theo đúng tiến độ, mục tiêu và đạt được các kết quả đã đề ra. Kể từ khi được thành lập, Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình luôn phối hợp chặt chẽ với Ban QLDATEW tỉnh trong việc quản lý và thực hiện các hoạt động của Dự án. Các cuộc họp giao ban giữa Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình và Ban QLDATEW tỉnh được tổ chức định kỳ theo từng quý. Do Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Dự án được ban hành muộn (tháng 12/2017) nên các cuộc họp giao ban giữa Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình và Ban QLDATEW tỉnh Hòa Bình chưa được tổ chức thường xuyên trong năm 2017, tuy nhiên hai bên đã thiết lập một kênh tham vấn thường xuyên để phối hợp trong việc quản lý và triển khai các hoạt động của Dự án. Nhờ có mối quan hệ đối tác bền chặt, Dự án đã nhận được rất nhiều sự hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả từ Ban QLDATEW tỉnh trong việc triển khai các hoạt động của Dự án như các hoạt động thí điểm REDD+, các hoạt động theo dõi diễn biến rừng, các hoạt động xây dựng Kế hoạch hành động cấp tỉnh về REDD+... Bên cạnh đó, Ban QLDATEW tỉnh cũng đã phối hợp rất chặt chẽ với Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình trong việc đón tiếp các chuyên gia, các đoàn khách đến thăm và việc với Dự án tại tỉnh. Ngoài ra, Ban QLDATEW tỉnh đã phối hợp với Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình trong việc đăng ký, quản lý và sử dụng các phương tiện của Dự án (xe máy, xe ô tô). Có thể nói quan hệ đối tác tốt đẹp với Ban QLDATEW tỉnh Hòa Bình đóng vai trò then chốt và có ý nghĩa rất lớn trong việc triển khai nghiệp vụ và có hiệu quả các hoạt động của Dự án trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.



Sustainable Natural Resource Management Project

3. Quan hệ đối tác với UBND huyện Tân Lạc và các đơn vị chức năng liên quan

Mặc dù UBND huyện Tân Lạc và các ban ngành liên quan không tham gia trực tiếp vào việc quản lý Dự án, tuy nhiên các đơn vị này đã rất chủ động trong việc hỗ trợ triển khai các hoạt động của Dự án trên địa bàn huyện trong thời gian qua. Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình đã thường xuyên tham vấn UBND huyện và các đơn vị liên quan như Hạt Kiểm lâm huyện Tân Lạc, Phòng NN&PTNT huyện Tân Lạc, Trạm Khuyến nông huyện Tân Lạc, Phòng TN&MT huyện Tân Lạc... khi triển khai các hoạt động trên địa bàn huyện. Thông tin tham vấn với các đối tác của Dự án tại huyện Tân Lạc có ý nghĩa rất quan trọng giúp Dự án lập kế hoạch cũng như triển khai các hoạt động can thiệp vừa đáp ứng được nhu cầu của người dân hưởng lợi vừa đảm bảo đạt được mục tiêu của Dự án và phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. UBND huyện Tân Lạc và các phòng ban liên quan đã tích cực tham gia vào các hoạt động của Dự án trong suốt thời gian qua như các hội nghị tham vấn xây dựng Kế hoạch hành động cấp tỉnh về REDD+, các hoạt động theo dõi diễn biến rừng và đặc biệt thường xuyên cử cán bộ tham gia các hoạt động thí điểm về REDD+ tại xã Thanh Hối. Bên cạnh đó, mối quan hệ đối tác tốt đẹp với UBND huyện Tân Lạc và các phòng ban liên quan còn được thể hiện qua việc các chuyên gia Nhật Bản đã được chào đón và tạo điều kiện thuận lợi khi về làm việc tại huyện.

4. Quan hệ đối tác với UBND xã Thanh Hối

Xã Thanh Hối là xã duy nhất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình được chọn làm xã thí điểm triển khai các hoạt động REDD+. Đây là cấp cơ sở trực tiếp triển khai cũng như hưởng lợi từ các hoạt động thí điểm của Dự án nên mối quan hệ đối tác UBND xã Thanh Hối sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai các hoạt động thí điểm của Dự án tại cơ sở. Đánh giá được tầm quan trọng của việc xây dựng mối quan hệ đối tác với địa phương, Dự án đã luôn chủ động trong việc xây dựng và phát triển mối quan hệ đối tác với UBND xã Thanh Hối. Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình đã thường xuyên tham vấn và trao đổi với lãnh đạo UBND xã về mọi hoạt động của Dự án tại xã qua đó vừa tăng cường mối quan hệ đối tác, vừa đảm bảo sự tham gia sâu rộng của chính quyền địa phương vào các hoạt động của Dự án trên địa bàn xã. Nhờ có mối quan hệ tốt đẹp với chính quyền địa phương nên UBND xã Thanh Hối đã thường xuyên cử các lãnh đạo cũng như cán bộ có liên quan tham gia tích cực vào các hoạt động của Dự án, từ khâu lập kế hoạch đến thực hiện và giám sát. Đặc biệt, sau khi kế hoạch hoạt động của Dự án tại mỗi xóm được xây dựng, UBND xã đã tham gia vào việc rà soát và đối chiếu với các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã và tiến hành phê chuẩn kế hoạch các hoạt động của Dự án tại mỗi xóm. Tiến trình này giúp cho làm tăng tính sở hữu của xã cũng như cộng đồng đối với các hoạt động của Dự án tại xã, vừa đảm bảo tính lồng ghép và kết nối giữa các hoạt động của Dự án



Sustainable Natural Resource Management Project

với các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội chung của xã. Bên cạnh đó, lãnh đạo xã Thanh Hối đã tham dự đầy đủ vào các sự kiện hay hội nghị liên quan đến Dự án được tổ chức tại cấp huyện hay cấp tỉnh. Ngoài ra, khi Dự án triển khai các hoạt động thí điểm tại các xóm, UBND xã Thanh Hối đã hỗ trợ bằng cách thường xuyên chỉ đạo và đôn đốc các trưởng xóm và các Ban QLDA cấp xóm trong việc phối hợp chặt chẽ với Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình để tổ chức và thực hiện có hiệu quả các hoạt động nhằm mang lại tối đa lợi ích cho người dân.

5. Quan hệ đối tác với Nhóm Thúc đẩy viên Dự án

Để hỗ trợ Dự án trong việc triển khai các hoạt động thí điểm tại xã Thanh Hối, UBND huyện Tân Lạc đã ra quyết định thành lập Nhóm Thúc đẩy viên Dự án vào tháng 9 năm 2016 với tổng số 13 thành viên, trong đó có 5 thành viên là cán bộ chuyên môn của UBND xã Thanh Hối và 8 thành viên đến từ các phòng ban chức năng của huyện Tân Lạc như Phòng NN&PTNT, Trạm Khuyến nông huyện, Hạt Kiểm lâm huyện... Phòng NN&PTNT được giao là cơ quan thường trực chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và báo cáo UBND huyện về các hoạt động của Dự án trên địa bàn huyện. Hoạt động của Nhóm Thúc đẩy viên Dự án dựa trên nguyên tắc kiêm nhiệm. Nhiệm vụ chính của Nhóm Thúc đẩy viên Dự án là hỗ trợ Dự án trong việc triển khai các hoạt động thí điểm tại xã Thanh Hối và tham mưu cho UBND huyện Tân Lạc trong việc tổ chức kiểm tra và giám sát các hoạt động của Dự án trên địa bàn huyện. Xác định được tầm quan trọng của Nhóm Thúc đẩy viên Dự án, Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình luôn coi trọng xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ chặt chẽ với tổ chức này. Cộng tác viên luôn được mời và tham gia vào tất cả các hoạt động thí điểm của Dự án tại xã Thanh Hối, kể từ khâu lập kế hoạch cho đến khâu thực hiện và giám sát luôn có sự tham gia của các Thúc đẩy viên Dự án. Sự tham gia sâu rộng của các Thúc đẩy viên Dự án đã giúp cho các hoạt động của Dự án được thực hiện một cách nhịp nhàng và hiệu quả, bên cạnh những đóng góp mang tính kỹ thuật các Thúc đẩy viên Dự án còn đóng vai trò cầu nối giữa Cán bộ Dự án với các bên liên quan cũng người dân hưởng lợi trực tiếp từ các hoạt động của Dự án. Có thể nói, sự tham gia và hỗ trợ của các Thúc đẩy viên Dự án đã làm tăng tính bền vững cho các hoạt động của Dự án và đóng góp tích cực vào thành công của các hoạt động thí điểm tại xã Thanh Hối trong thời gian qua.

6. Quan hệ đối tác với Ban Quản lý dự án cấp xóm

Ban quản lý cấp xóm về Quản lý rừng và Phát triển sinh kế (sau đây gọi tắt là Ban QLDA cấp xóm) được thành lập dựa trên nguyên tắc dựa vào cộng đồng do dân bầu, hoạt động dưới sự giám sát của người dân và các bên liên quan. Nhiệm vụ chính của các Ban QLDA cấp xóm là phối hợp với các Cán bộ Dự án và các Thúc đẩy viên Dự án để thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Dự án tại cộng đồng. Hiện nay, tại xã Thanh Hối có



Sustainable Natural Resource Management Project

9 Ban QLDA cấp xóm đã được thành lập theo hướng dẫn của Dự án. Quy chế hoạt động của các Ban QLDA cấp xóm đã được xây dựng với sự phê chuẩn của UBND xã Thanh Hối. Các hoạt động thí điểm chủ yếu được triển khai tại cộng đồng, do vậy Ban QLDA xóm đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc huy động sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động của Dự án. Nhận thức được điều này, Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình đã xây dựng mối quan hệ rất gần gũi, bền chặt với các Ban QLDA cấp xóm thông qua việc thường xuyên trao đổi và thống nhất với thành viên các Ban QLDA xóm về các nội dung liên quan trước khi triển khai mỗi hoạt động. Tất cả các hoạt động của Dự án tại cộng đồng đều có sự tham gia của các Ban QLDA cấp xóm với vai trò tổ chức và huy động cộng đồng. Bên cạnh đó, các Ban QLDA cấp xóm còn đóng vai trò như những người giám sát, thường xuyên phản ánh và thông báo về các kết quả của Dự án tại cộng đồng cho các Thúc đẩy viên Dự án và các Cán bộ Dự án. Mối quan hệ bền chặt giữa Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình và các Ban QLDA cấp xóm là nhân tố làm tăng tính hiệu quả của hoạt động của Dự án tại cộng đồng, giúp cho các hoạt động của Dự án đáp ứng đúng nhu cầu của người dân dựa trên cơ sở các mục tiêu của Dự án đã được thiết kế. Thêm vào đó, ngoài việc nâng cao năng lực cho các thành viên Ban QLDA cấp xóm thông qua các khóa tập huấn, Văn phòng tư vấn tỉnh Hòa Bình còn thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban với các Ban QLDA cấp xóm để cập nhật các kết quả và thống nhất kế hoạch hoạt động trước khi thực hiện. Các Cán bộ Dự án cũng giữ các kênh liên lạc thường xuyên với các Ban QLDA cấp xóm để hướng dẫn, thúc đẩy việc triển khai các hoạt động của Dự án tại cộng đồng cũng như giám sát tiến độ và chất lượng các hoạt động của Dự án.

II. Các vấn đề lồng ghép vào các hoạt động của Dự án (Cross-cutting issues)

1. Lồng ghép giới

Vấn đề giới luôn được Dự án quan tâm và lồng ghép vào mọi hoạt động của Dự án, từ việc lập kế hoạch, thực hiện các hoạt động đến theo dõi và giám sát. Dự án không định hướng hoạt động nào chỉ dành cho nam giới hay hoạt động nào chỉ dành cho nữ giới, tất cả các hoạt động của Dự án là dành cho mọi đối tượng hưởng lợi, không phân biệt về giới. Khi tổ chức các hoạt động, Dự án luôn nhận thức và thúc đẩy để huy động sự tham gia bình đẳng của cả hai giới, các sáng kiến hay ý kiến đóng góp của nam giới và nữ giới đều được tôn trọng và lắng nghe. Tuy nhiên, do đặc thù của một số hoạt động sự tham gia của mỗi giới có sự khác nhau, ví dụ đối với hoạt động nuôi ong có đến 100% người tham gia là nam giới, nhưng với hoạt động hỗ trợ trồng rau có đến 80% người tham gia là nữ giới. Điều này không cho thấy sự phân biệt về giới trong các hoạt động của Dự án mà nó thể hiện sự tôn trọng đối với lợi thế và thế mạnh của từng giới trong mỗi hoạt động cụ thể. Ngoài ra, các hoạt động của Dự án cũng đã tạo ra những tác động tích cực đóng góp vào việc bình đẳng giới như hoạt động hỗ trợ bếp cải tiến và biogas. Với bếp cải tiến và biogas



Sustainable Natural Resource Management Project

đã giúp giảm lượng củi tiêu thụ của mỗi hộ gia đình khoảng 50% so với các loại bếp thông thường, và chúng cũng giúp giảm thời gian nấu nướng của mỗi hộ gia đình, qua đó góp phần giảm công lao động của chị em phụ nữ dành cho việc lấy củi và nấu ăn, những công việc chủ yếu do chị em phụ nữ đảm trách. Thời gian tiết kiệm được có thể được chị em phụ nữ dành cho các công việc khác như chăm sóc con cái hay vui chơi giải trí.

2. Không gây phương hại (Do-no-harm)

Không phương hại luôn là tôn chỉ xuyên suốt trong các hoạt động của Dự án, mỗi hoạt động đều được Dự án cân nhắc và xem xét kỹ lưỡng trước khi thực hiện để đảm bảo chúng không mang lại những tác động không mong muốn cho các bên hưởng lợi, cộng đồng và các bên có liên quan khác. Dự án luôn cố gắng hài hòa hóa lợi ích của các bên liên quan trong mỗi hoạt động của mình nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra và tối đa hóa các lợi ích mang lại cho cộng đồng. Bằng phương pháp tiếp cận và can thiệp phù hợp thông qua huy động sự tham gia của các bên liên quan và ra quyết định có sự tham gia đã làm giảm thiểu các nguy cơ xung đột trong cộng đồng được tạo ra từ các tác động không mong muốn khi thực hiện các hoạt động của Dự án. Dự án không có sự phân biệt giữa những hộ gia đình tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động của Dự án với những hộ còn lại trong cộng đồng. Ví dụ, khi thúc đẩy xây dựng Quy chế quản lý Quỹ xóm, Dự án đã can thiệp để đảm bảo Quỹ xóm là nguồn lực chung của cộng đồng chứ không phải chỉ của hộ tham gia vào các hoạt động của Dự án, mọi hộ dân đều được tiếp cận nguồn tín dụng nhỏ từ Quỹ xóm để phát triển các hoạt động quản lý rừng hay các hoạt động sinh kế. Bên cạnh đó, khi thực hiện các hoạt động Dự án cũng đã hướng đến các đối tượng dễ bị tổn thương trong cộng đồng (nhóm hộ nghèo, nhóm người cao tuổi...) thông qua việc ưu tiên cho các hộ hộ nghèo, hộ yếu thế, những hộ sống gần rừng và có hoạt động sinh kế phụ thuộc vào rừng... để tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động của Dự án.

III. Đánh giá kết quả các hoạt động thí điểm về REDD+ tại tỉnh Hòa Bình

1. Thiết lập các tổ chức cộng đồng và phát triển thể chế

a. Giới thiệu

Xây dựng, phát triển tổ chức và thể chế là một cách tiếp cận được Dự án lựa chọn nhằm triển khai các hoạt động của Dự án một cách hiệu quả và bền vững. Các tổ chức và thể chế dựa vào cộng đồng được Dự án thúc đẩy và thiết lập tại xã Thanh Hối bao gồm các Ban quản lý cấp xóm về Quản lý và Phát triển sinh kế (gọi tắt là Ban QLDA cấp xóm), Quy chế Bảo vệ và Phát triển rừng, Quỹ xóm về Quản lý rừng và Phát triển sinh kế (gọi tắt là Quỹ xóm). Mục tiêu thiết lập các tổ chức và thể chế này là để: i) Tăng cường sự tham gia và nâng cao tính sở hữu của cộng đồng đối với các hoạt động của Dự án nhằm đảm bảo rằng các hoạt động của Dự án là do cộng đồng và vì cộng đồng; ii) Nhằm quản



Sustainable Natural Resource Management Project

lý chặt chẽ và có hiệu các hoạt động của Dự án và các kết quả mà Dự án đã tạo ra ngay từ cộng đồng.

b. Bối cảnh

Là một dự án hỗ trợ kỹ thuật thông qua các hoạt động thí điểm nên sự tham gia của cộng đồng vào việc quản lý và triển khai cũng như giám sát các hoạt động của Dự án là một yếu tố quan trọng. Bên cạnh đó, phần lớn các hoạt động thí điểm của Dự án được xây dựng dựa vào nhu cầu của cộng đồng và được triển khai trực tiếp tại cộng đồng. Do vậy, không thể thiếu sự tham gia của cộng đồng vào toàn bộ tiến trình của mỗi hoạt động từ quá trình lập kế hoạch đến triển khai, giám sát và đánh giá. Để sự tham gia của cộng đồng đảm bảo tính thống nhất và có tổ chức nên Dự án đã thúc đẩy các cộng đồng thành lập các tổ chức dựa vào cộng đồng như Ban QLDA cấp xóm, Quỹ xóm. Bên cạnh đó, để cộng đồng trở nên chủ động và tự chủ hơn trong việc giải quyết các vấn đề của mình, đồng thời khai thác và phát huy các khía cạnh tích cực của luật tục (lệ làng) trong cộng đồng, Dự án đã thúc đẩy xây dựng các Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng tại mỗi xóm mục tiêu của Dự án. Mục tiêu chính của Quy ước là nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng vào bảo vệ và phát triển rừng dựa trên những quy định và ràng buộc được thống nhất bởi cộng đồng. Các quy ước này đã xây dựng dựa trên nguyên tắc dựa vào nhu cầu của cộng đồng, do cộng đồng tự xây dựng, Dự án chỉ đóng vai trò thúc đẩy. Do vậy, có thể nói các quy ước này là một sản phẩm của cộng đồng, yếu tố này là rất quan trọng để đảm bảo các nội dung của quy ước không bị áp đặt từ ‘bên ngoài’, góp phần nâng cao tinh thần tự nguyện và chủ động trong việc tuân thủ quy ước của người dân và các thành viên cộng đồng.

c. Các hoạt động đã thực hiện

Do các tổ chức và thể chế nêu trên đều được thiết lập và xây dựng dựa trên nguyên tắc của cộng đồng và do cộng đồng nên tất cả các hỗ trợ của Dự án trong quá trình thiết lập các tổ chức cộng đồng và phát triển thể chế đều được thực hiện dựa vào cộng đồng. Cộng đồng đóng vai trò quyết định, Dự án chỉ đóng vai trò hỗ trợ và tư vấn trong những trường hợp cần thiết. Để thiết lập các tổ chức cộng đồng và phát triển thể chế cho cộng đồng, Dự án đã xây dựng một chương trình hỗ trợ mang tính tổng thể và toàn diện. Cụ thể, trong quá trình thiết lập Ban QLDA cấp xóm và Quỹ xóm Dự án đã có các hoạt động hỗ trợ như bình bầu thành viên tham gia các tổ chức, xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức, nâng cao năng lực cho các thành viên của tổ chức.



Sustainable Natural Resource Management Project

Đề thiết lập các tổ chức cộng đồng các cuộc họp xóm đã được tổ chức với sự tham gia của tất cả hoặc phần lớn đại diện các hộ gia đình trong xóm cũng như lãnh đạo xóm (bí thư chi bộ và trưởng xóm) và các tổ chức chính trị, đoàn thể của xóm như Chi hội Phụ nữ, Chi đoàn Thanh niên... Cán bộ Dự án và các Thúc đẩy viên Dự án cũng tham gia các cuộc họp xóm và đóng vai trò là những người thúc đẩy và tư vấn. Tại các cuộc họp này chủ



Ảnh 1: Hội dân xây dựng Quy chế quản lý Quỹ xóm

trương về thành lập các tổ chức cộng đồng được đưa ra thảo luận, bàn bạc một cách dân chủ và công khai. Sau khi đạt được sự đồng thuận trong cuộc họp, thành viên Ban QLDA cấp xóm sẽ được giới thiệu và bình bầu bởi chính những người tham dự cuộc họp. Tùy theo quy mô dân số của mỗi xóm mà số lượng thành viên Ban QLDA cấp xóm có sự thay đổi cho phù hợp, thông thường số thành viên của mỗi Ban QLDA cấp xóm giao động từ 3-5 người. Sau đó, chức năng và nhiệm vụ của mỗi thành viên cũng được xác định rõ ràng thông qua hiệp thương hoặc bình bầu trong cuộc họp đầu tiên của mỗi Ban QLDA cấp xóm. Các chức danh chủ chốt trong mỗi Ban QLDA cấp xóm bao gồm trưởng ban, kế toán và thủ quỹ. Sau khi Ban QLDA cấp xóm được thành lập, một Quy chế hoạt động của Ban QLDA cấp xóm cũng được thảo luận và xây dựng bởi những tham dự cuộc họp xóm. Quy chế là một căn cứ quan trọng để đảm bảo rằng Ban QLDA cấp xóm được quản lý, vận hành một cách hiệu quả. Trong Quy chế nhiệm vụ chức năng của Ban QLDA cấp xóm được xây dựng một cách chi tiết, rõ ràng. Bên cạnh đó, một Quy chế Quản lý Quỹ xóm cũng được xây dựng để đảm bảo Quỹ xóm được quản lý, vận hành và sử dụng một cách chặt chẽ, hiệu quả và minh bạch. Sau khi các Ban QLDA cấp xóm và Quỹ xóm được thành lập, Dự án đã tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho các thành viên của Ban thông qua các hoạt động tập huấn về và tham quan học tập kinh nghiệm. Ngoài ra, để đảm bảo Ban QLDA cấp xóm và Quỹ xóm hoạt động một cách hiệu quả, vận hành đúng quy chế, Dự án đã thương xuyên phối hợp với các Thúc đẩy viên Dự án có các hoạt động hướng dẫn, kèm cặp và giám sát. Qua đó, vừa nâng cao năng lực cho các thành viên Ban QLDA cấp xóm vừa phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của Ban QLDA cấp xóm và Quỹ xóm.

Hỗ trợ các cộng đồng xây dựng các thể chế có tính hiệu lực cao nhằm bảo vệ và phát triển tốt diện tích rừng của mỗi xóm là một trong những hoạt động trọng tâm của Dự án. Sau khi tham vấn cộng đồng, Dự án đã thực hiện một chuỗi các hoạt động để hỗ trợ 13 xóm mục tiêu tại xã Thanh Hối xây dựng 13 Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng. Ở mỗi xóm



Sustainable Natural Resource Management Project

mục tiêu Dự án đã tổ chức 2 vòng họp dân để thúc đẩy các xóm soạn thảo Quy ước của mình, sau đó Dự án là cầu nối để tham vấn các bên liên quan như UBND xã Thanh Hối, Hạt Kiểm lâm huyện Tân Lạc về nội dung Quy ước của mỗi xóm nhằm đảm bảo rằng các điều khoản của Quy ước không phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi Quy ước được UBND xã phê chuẩn, Dự án đã có các hoạt động tuyên truyền để đồng đạo người dân nắm bắt được các quy định của Quy ước và tự giác chấp hành. Bên cạnh đó, Cán bộ Dự án cũng thường xuyên đôn đốc, thúc đẩy và giám sát để đảm bảo cộng đồng áp dụng có hiệu quả các Quy ước vào công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Chức năng, nhiệm vụ của Ban QLDA cấp xóm

1. Huy động và triệu tập các hộ gia đình tham gia cuộc họp xóm và các hoạt động cộng đồng về Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của xóm. Thông báo kết quả của các cuộc họp, kết quả các hoạt động cộng đồng cho cộng đồng dân cư của thôn được biết thông qua các cuộc họp xóm hay các bản tin về công tác quản lý rừng và phát triển sinh kế.
2. Điều phối, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của xóm theo kế hoạch đã được phê duyệt, bao gồm cả hoạt động của Tổ bảo vệ Rừng của xóm. Đảm bảo việc thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của xóm được thực hiện tốt.
3. Quản lý, sử dụng Quỹ xóm hiệu quả, bền vững theo quy định.
4. Phối hợp với các bên có liên quan xử lý các trường hợp vi phạm Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng của xóm, thu các khoản tiền bồi thường thiệt hại từ các đối tượng vi phạm Quy ước bảo vệ và phát triển rừng của xóm trong phạm vi chức trách của mình, bổ sung vào Quỹ xóm theo quy định của Quy ước bảo vệ và Phát triển rừng của xóm;
5. Xử lý các trường hợp vi phạm cam kết thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của xóm, thu các khoản tiền bồi thường thiệt hại từ các đối tượng vi phạm cam kết trong phạm vi chức trách của mình, bổ sung vào Quỹ xóm. Đảm bảo các nguồn lực để thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của xóm được sử dụng hiệu quả;
6. Tổ chức và giám sát các hoạt động của Tổ bảo vệ Rừng của xóm; đảm bảo tài nguyên rừng của xóm được quản lý, phát triển, sử dụng đúng quy định theo Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng cũng như Kế hoạch quản lý phát triển rừng 5 năm và hàng năm (nếu có) của xóm cũng như các quy định khác của Nhà nước.

(Trích: Quy chế Hoạt động của Ban QLDA xóm Sung 2, xã Thanh Hối)

Chức năng nhiệm vụ Ban quản lý Quỹ xóm

Ban QLDA cấp xóm và Ban Quản lý xóm (đối với các xóm không thành lập BQLDA cấp xóm), chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và vận hành Quỹ Quản lý rừng và Phát triển sinh kế xóm (sau đây được gọi tắt là Quỹ xóm), cụ thể như sau

1. Xây dựng kế hoạch thu – chi hàng năm của Quỹ xóm với sự tham gia của các hộ gia đình trong xóm và được UBND xã phê chuẩn. Kế hoạch này sẽ được điều chỉnh vào đầu quý 3 hàng năm nếu có sự thay đổi lớn về nguồn vốn bổ sung nộp



Sustainable Natural Resource Management Project

vào Quỹ. Kế hoạch sử dụng Quỹ theo năm điều chỉnh cũng phải được thông qua cộng đồng dân cư và trình UBND xã phê chuẩn.

2. Thực hiện thu – chi các khoản vào và từ Quỹ xóm theo kế hoạch đã xây dựng.
3. Làm báo cáo thu – chi của Quỹ xóm theo kỳ 6 tháng/lần.
4. Lưu giữ các hoá đơn, chứng từ theo các quy định về quản lý tài chính đảm bảo mọi khoản thu chi đều có bằng chứng và ghi chép rõ ràng trong Sổ thu chi.
5. Đảm bảo sự minh bạch trong việc thu - chi của Quỹ dự án xóm.
6. Đảm bảo sự phối hợp, lồng ghép việc quản lý và sử dụng Quỹ dự án xóm với các quỹ khác của xóm.

(Trích: Quy chế Quản lý quỹ xóm, xóm Nhót, xã Thanh Hối)

d. Theo dõi và giám sát

Các Ban QLDA cấp xóm đã họp giao ban định kỳ 3 tháng/lần theo đúng quy định của Quy chế Hoạt động của Ban, bên cạnh đó các cuộc họp bất thường cũng được tổ chức khi có các công việc phát sinh. Nội dung chính của các cuộc họp giao ban là nhằm cập nhật kế hoạch thực hiện và kết quả các hoạt động của Dự án trong xóm, đồng thời xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Ban như xử lý các trường hợp vi phạm Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng, quản lý Quỹ xóm... Sau khi các Ban QLDA cấp xóm được thành lập và đi vào hoạt động công tác quản lý bảo vệ rừng của các xóm đã được tăng cường và chú trọng hơn, kết quả từ đầu năm 2017 đến 6/2018 đã có 10 trường hợp vi phạm bảo vệ rừng đã được phát hiện và xử lý (tổng diện tích vi phạm khoảng 6ha). Bên cạnh đó, hoạt động của Quỹ xóm đã có những kết quả nổi bật, tổng thu Quỹ xóm trong cho đến tháng 6/2018 đã đạt 450 triệu đồng, do được thiết lập và quản lý một cách chặt chẽ và bài bản nên Quỹ xóm đã có những tác động tích cực đến công tác bảo vệ và phát triển rừng và phát triển sinh kế của cộng đồng, nguồn lực từ Quỹ xóm đã được sử dụng để hỗ trợ cho các thành viên Ban QLDA cấp xóm và các Tổ tuần tra bảo vệ rừng (50.000 đồng/người/tháng) qua đó thúc đẩy công tác bảo vệ rừng của địa phương và cộng đồng. Ngoài ra, Quỹ xóm đã được sử dụng để cho vay tính dụng nhỏ, tính đến tháng 6/2018 đã có khoảng 50 hộ gia đình được vay vốn từ Quỹ xóm để thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế, với tổng số dư cho vay là 233 triệu đồng. Định kỳ 6 tháng, Dự án đã tổ chức kiểm tra việc quản lý Quỹ xóm của các Ban QLDA cấp xóm để đảm bảo rằng Quỹ xóm được quản lý theo đúng Quy chế Quản lý Quỹ xóm, và tư vấn hướng dẫn giải quyết những khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình quản lý và vận hành Quỹ xóm.

e. Những vấn đề gặp phải

- Hiện nay, theo quy định của Nhà nước tại mỗi xóm đã có các hệ thống quản lý và thiết kế tổ chức cộng đồng đang tồn tại bao gồm bí thư chi bộ, trưởng xóm, Chi hội Phụ nữ, Chi đoàn Thanh Niên, Mặt trận Tổ quốc... Do vậy, việc thành lập tại



Sustainable Natural Resource Management Project

mỗi xóm mục tiêu một Ban QLDA cấp xóm gây ra chông chéo và không phát huy hết hệ thống quản lý sẵn có tại mỗi xóm.

- Thành viên của một số Ban QLDA cấp xóm chưa chủ động trong các hoạt động của Ban, phần lớn các công việc và hoạt động của Ban chủ yếu tập trung vào trưởng ban mà chưa có sự tham gia và hỗ trợ tích cực từ các thành viên khác.
- Việc tuân thủ Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng của cộng đồng có lúc, có nơi còn chưa tốt. Việc tuyên truyền để người dân hiểu và tuân thủ theo đúng các quy định của Quy ước chưa hiệu quả dẫn đến nhiều người dân không nắm rõ các quy định của Quy ước.
- Việc ghi chép các khoản thu, khoản chi của Quỹ xóm đôi khi không đầy đủ, kịp thời và chính xác một số khoản chi được thực hiện không đúng theo Quy chế Quản lý Quỹ xóm.

f. Bài học kinh nghiệm

- Khi thiết lập các tổ chức và thể chế tại cộng đồng cần phải phù hợp với và đáp ứng đúng nhu cầu của cộng đồng. Luôn đặt cộng đồng vào vị trí trung tâm và làm cho cộng đồng nhận thức được rằng các tổ chức hay thể chế tại cộng đồng là của cộng đồng và vì cộng đồng.
- Không áp đặt tư duy và ý chí chủ quan từ Cán bộ Dự án hay các bên liên quan lên cộng đồng, Dự án cần các định rõ vai trò của mình là hỗ trợ và tư vấn chứ không làm thay và quyết định thay cộng đồng.
- Cần làm cho cộng đồng tự chủ, tự lực và tự tin để giải quyết các vấn đề mà mình gặp phải trong quá trình phát triển, tránh phụ thuộc vào các nguồn lực từ bên ngoài, tránh để cho cộng đồng các hoạt động của Dự án là của Dự án và dành cho Dự án chứ không phải cho cộng đồng và vì cộng đồng.
- Khi thực hiện các hoạt động của Dự án tại cộng đồng cần phải có kế hoạch và phương pháp tiếp cận khoa học và bài bản, tránh các hoạt động mang tính dàn trải và chấp vá, thiếu tính hệ thống và chiến lược.

2. Tổ chức bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng

a. Giới thiệu

Theo kết quả Kiểm kê rừng năm 2015, tại xã Thanh Hối có trên 1.872,39 ha đất lâm nghiệp trên tổng số 2.656,11 ha tổng diện tích đất tự nhiên (chiếm 70,49 %)¹. Rừng và đất lâm nghiệp chiếm vị trí rất quan trọng đối với đời sống của người dân của xã Thanh

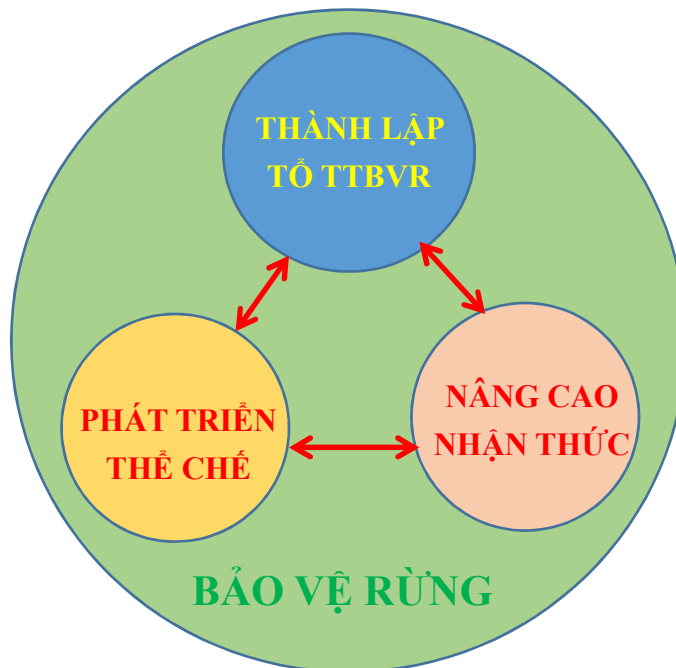
¹ Kết quả kiểm kê 3 loại rừng xã Thanh Hối, h. Tân Lạc, t. Hòa Bình năm 2015.



Sustainable Natural Resource Management Project

Hồi cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân nên diện tích rừng và đất lâm nghiệp tại xã Thanh Hối đang có chiều hướng suy giảm, nhất là đối với diện tích rừng và đất rừng tự nhiên. Điều này ảnh hưởng tiêu cực tới công tác bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế bền vững. Một trong những nguyên nhân dẫn đến việc suy thoái rừng và mất rừng tại xã Thanh Hối là do hệ thống tổ chức và bộ máy tuần tra bảo vệ rừng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Trong nhiều năm tại xã Thanh Hối hầu hết các xóm (trừ xóm Nhót) không có Tổ TTBVR cấp thôn/xóm; nhiệm vụ bảo vệ rừng được giao cho chủ rừng (đối với rừng và đất rừng có chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, tổ chức) và giao (bảo vệ không được trả công) cho cộng đồng thôn/xóm (đối với rừng và đất rừng do UBND xã làm chủ). Để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ rừng tại địa phương, Dự án đã triển khai các hoạt động để thúc đẩy công tác bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng thông qua các can thiệp cụ thể như thành lập các tổ TTBVR thôn xóm, xây dựng thể chế và nâng cao nhận thức cho người dân...

Sơ đồ 01: Sơ đồ bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng tại xã Thanh Hối



b. Bối cảnh

Tại Việt Nam, vấn đề quản lý bảo vệ rừng luôn được Chính phủ và các Ban ngành có liên quan quan tâm thực hiện. Đặc biệt là trong những năm trở lại đây khi vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra hết sức phức tạp. Việt Nam là một trong những quốc gia phải gánh chịu hậu quả nặng nề nhất vì biến đổi khí hậu toàn cầu. Kinh nghiệm trong công tác Bảo vệ rừng tại Việt Nam nhiều năm qua đã được đúc rút và luật hóa thành các văn bản pháp luật để thực hiện trên toàn quốc.



Sustainable Natural Resource Management Project

- Điều 9 trong Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 nêu rõ: “Bảo vệ rừng là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân”, bởi: Rừng có tầm quan trọng đặc biệt của rừng đối với đời sống kinh tế – xã hội của người dân. Ở nhiều nơi, rừng gắn liền với đời sống, sinh hoạt hàng ngày của nhân dân; Người dân là người ở gần với rừng nhất nên là những người bảo vệ rừng tốt nhất. Không có một lực lượng bảo vệ nào mạnh bằng nhân dân. Việc huy động toàn dân vào việc bảo vệ rừng là nhằm tạo sức mạnh tổng hợp của người dân, các cơ quan tổ chức, các cấp chính quyền ở mọi địa bàn, mọi nơi, mọi lúc nhằm ngăn chặn có hiệu quả và xử lý các hành vi phá hoại rừng, xâm hại đến tài nguyên và hệ sinh thái rừng bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Trên cơ sở Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004; Quyết định số 1641/QĐ/BNN-HTQT, ngày 05/6/2006, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án “Chương trình thí điểm lâm nghiệp cộng đồng 2006-2007”. Ngày 27/11/2006, Bộ Nông nghiệp và PTNT ra Quyết định số: 106/2006/QĐ-BNN về việc Ban hành bản Hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn. Đây được coi là cẩm nang hướng dẫn về quản lý và bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng.

- Gần đây, ngày 25/8/2016, Tổng cục Lâm nghiệp ra quyết định số 373-QĐ-TCLN-KL về việc ban hành Hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng Dự án “Bảo vệ và quản lý tổng hợp các hệ sinh thái rừng thuộc các tỉnh Quảng Nam, Kon Tum và Gia Lai” (Dự án KfW10). Theo đó hướng dẫn đầy đủ các nội dung và các bước thực hiện trong công tác bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng trong khuôn khổ Dự án KfW10.

Điều đó cho thấy rằng, quản lý rừng dựa vào cộng đồng tại Việt Nam đang là một xu thế tất yếu và đúng đắn, được thực hiện dựa trên cơ sở là các khung pháp lý do Quốc hội, Chính phủ và cơ quan đầu ngành về lĩnh vực lâm nghiệp ban hành.

Kết quả thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng ở nhiều nơi tại Việt Nam cũng cho thấy rằng để bảo vệ và phát triển rừng thành công cần phát huy sức mạnh của cộng đồng dân cư địa phương nơi có rừng.

- Tại tỉnh Nghệ An, khi tìm hiểu thành công của mô hình quản lý và bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng ở xã Tam Đình và xã Xá Lượng huyện Tương Dương, tác giả đã rút ra được bài học kinh nghiệm: “Theo đó, cốt lõi của việc quy hoạch là giữ rừng từ gốc, nghĩa là dựa vào truyền thống, tâm huyết của người dân địa phương đối với việc bảo vệ. Từ đó, có những cơ chế hỗ trợ để lan tỏa tinh thần trong toàn cộng đồng”².

- Tại Thanh Hóa, mô hình quản lý và bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng cũng được thực hiện có hiệu quả ở nhiều thôn bản, trong đó có bản Bàu, bản Lỡ, xã Nam Động (huyện Quan Hóa) và bản Sủ, xã Sơn Điện (huyện Quan Sơn). Đây là các bản thuộc khu vực vùng đệm Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý hiếm Nam Động. Mô hình này không chỉ nâng cao được nhận thức cho người dân về công tác bảo vệ và phát triển rừng mà còn hạn chế tình trạng khai thác rừng. Triển khai bảo vệ rừng dựa vào cộng

² Mô hình quản lý và bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng tại Nghệ An - Ngân Phạm - Website:

<http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/31544202-mo-hinh-quan-ly-va-bao-ve-rung-dua-va-o-cong-dong-tai-nghe-an.html>



Sustainable Natural Resource Management Project

đồng giúp: “Các hộ gia đình trong bản đã nhận thức rõ trách nhiệm trong việc quản lý và bảo vệ rừng, coi đây là nhiệm vụ chung, nên đến nay diện tích rừng của bản được bảo vệ và phát triển ổn định. Nhiều năm Tổ Bảo vệ rừng không để xảy ra tình trạng chặt phá, xâm hại đến khu bảo tồn. Được sự phân công, các thành viên trong Tổ Bảo vệ rừng của bản luôn nỗ lực hết mình, vượt qua khó khăn để bảo vệ rừng và môi trường sinh thái. Việc quản lý, bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng không chỉ nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân trong công tác bảo vệ rừng, mà còn góp phần bảo vệ sự đa dạng sinh học và môi trường sinh thái của khu bảo tồn thiên nhiên”³.

- Việc áp dụng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng hay tham gia thị trường các-bon trong tương lai giúp người dân nhận thức được quyền lợi và trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng. Tỉnh Sơn La là một trong những địa phương đầu tiên trong cả nước thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Thông qua việc thụ hưởng chính sách này, cộng đồng đã nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; các hiện tượng chặt phá, khai thác rừng trái phép được phát hiện và xử lý kịp thời, bảo vệ tốt diện tích rừng của địa phương. Tìm hiểu về vấn đề này tại bản Hùn, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La, tác giả đã nhận thấy: “Thông qua chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, diện tích rừng đã giao khoán quản lý, bảo vệ sinh trưởng ngày càng tốt hơn. Tình hình khai thác rừng, phá rừng và lấn chiếm đất rừng trái phép trên diện tích giao khoán đã giảm. Các hộ nhận khoán đã tổ chức thành tổ nhận khoán, tổ bảo vệ rừng, nên bước đầu đã liên kết được sức mạnh trong công tác bảo vệ rừng; đồng thời thu hút người dân nhất là đồng bào dân tộc thiểu số tham gia công tác bảo vệ rừng, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập”⁴.

- Khi đánh giá kết quả công tác bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng do Dự án Caritas (Thụy Sĩ) tài trợ từ tháng 6/2013 tại thôn Nậm Lương, xã Quyết Tiến huyện Quỳnh Bạ tỉnh Hà giang. Tác giả Hiền Long kết luận: “Mô hình quản lý rừng cộng đồng bước đầu đã đem lại hiệu quả; những cánh rừng ở thôn dường như được hồi sinh nhờ ý thức trong công tác bảo vệ rừng của người dân... Trưởng thôn, công an viên và trưởng các đoàn thể trong thôn chịu trách nhiệm tuyên truyền, vận động người dân BVR, không chặt phá rừng. Theo đó, những người trong các tổ luân phiên tuần tra trên diện tích rừng đã được giao quản lý, không cho người lạ vào rừng khai thác, săn bắn; về mùa khô, chủ động các phương án trực phòng cháy rừng, khoanh vùng những nơi có nguy cơ cháy cao rồi tham mưu với UBND xã, Kiểm lâm địa bàn xây dựng các phương án chống cháy rừng... Trên cơ sở thực tiễn và những kết quả bước đầu trong công tác quản lý bảo vệ rừng ở thôn Nậm Lương, có thể khẳng định việc quản lý rừng dựa vào cộng đồng và bảo vệ rừng bằng Quy ước đã mang lại những hiệu quả nhất định. Mô hình này cần được nhân rộng, góp phần nâng cao ý thức về công tác quản lý, bảo vệ rừng đầu nguồn, tăng độ che phủ, tạo nguồn thu nhập, ổn định cuộc sống cho người dân”⁵.

Tuy nhiên, công tác bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng trong thực tế cũng gặp không ít khó

³ [Bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng](http://www.baothanhhoa.vn/vn/kinh-te/n175972/Bao-ve-rung-dua-vao-cong-dong) - Lê Hối - Website: <http://www.baothanhhoa.vn/vn/kinh-te/n175972/Bao-ve-rung-dua-vao-cong-dong>

⁴ Bảo vệ rừng: Giữ rừng bền vững dựa vào cộng đồng – Theo TTXVN - Website: <https://khcn.mard.gov.vn/congtacmt/Pages/Bao-ve-rung-Giu-rung-ben-vung-dua-vao-cong-dong---.aspx>

⁵ Quản lý và bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng – Hiền Long - Website: <http://www.baohagiang.vn/phap-luat/201408/quan-ly-va-bao-ve-rung-dua-vao-cong-dong-480212/>



Sustainable Natural Resource Management Project

khăn. Ở một số địa phương không có nguồn kinh phí để chi trả cho công tác tuần tra bảo vệ rừng (không có chi trả dịch vụ môi trường rừng; không có ngân sách chi trả công khoán quản lý bảo vệ rừng...) vì thế trách nhiệm của người dân chưa đi đôi với quyền lợi trong công tác bảo vệ rừng. Do phức tạp về địa hình và phân bố dân cư sinh sống; “Số lượng người dân đông, đa phần lại là đồng bào dân tộc, sinh sống xen kẽ trong rừng, dựa vào rừng, cùng những phong tục tập quán ăn sâu vào tiềm thức liên quan đến rừng khiến tình trạng trộm cây rừng nhỏ lẻ vẫn thường xuyên diễn ra”⁶. Những người vi phạm quy định bảo vệ rừng thường chính là người dân trong vùng “nên để việc tố giác, nêu ra những người phá rừng thì rất khó bởi liên quan đến vấn đề anh em, gia đình”⁷. Công tác tổ chức bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng ở nhiều nơi gặp nhiều khó khăn do chưa giao đất, giao rừng cho cộng đồng dân cư do cộng đồng chưa được pháp luật thừa nhận là một tổ chức có đủ tư cách pháp nhân. Điều này làm hạn chế nhiều quyền lợi và quyền hạn của cộng đồng dân cư thôn/xóm trong công tác quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng.

Tại xã Thanh Hối, các nguyên nhân gây suy giảm diện tích và chất lượng rừng có thể kể đến gồm: (1) Thu nhập từ sản xuất lâm nghiệp còn thấp, lợi nhuận từ rừng trồng sản xuất trung bình chỉ đạt khoảng 5 triệu đồng/ha/năm⁸; (2) Thiếu đất sản xuất nông nghiệp, đất chăn thả gia súc và đất cho các ngành nghề sản xuất khác; (3) Nhu cầu sử dụng gỗ, củi, tre nứa, lâm sản ngoài gỗ; (4) Nguồn tài chính cho quản lý bảo vệ rừng hạn chế do xã Thanh Hối là xã không thuộc diện được chi trả phí dịch vụ môi trường rừng (PFES). Do đó, nhiều năm trở lại đây địa phương cũng không có nguồn ngân sách chi trả cho hoạt động khoán quản lý bảo vệ rừng; (5) Các thiết chế làm cơ sở cho quản lý, bảo vệ rừng còn hạn chế, Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng của xóm trước đây (nếu có) đã xây dựng từ lâu nên nhiều điểm không còn phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện hiện tại; Quy ước xóm được xây dựng đầu năm 2017 bao gồm tất cả các lĩnh vực trong đó có một điều về bảo vệ phát triển rừng nhưng các quy định đều giống nhau cho tất cả các xóm, thiếu cụ thể, thiếu chi tiết... để phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của từng xóm.

Trong các nguyên nhân nêu trên, nguyên nhân hệ thống tổ chức, bộ máy tuần tra bảo vệ rừng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn và nguyên nhân hạn chế về các thiết chế làm cơ sở cho quản lý, bảo vệ rừng là hai nguyên nhân chính mang tính chất quyết định cần

⁶ Điện Biên: Bảo vệ rừng cần sự tham gia của người dân - Hoàng Châu – Nam Hương - Website:

<http://www.baotainguyenmoitruong.vn/suc-khoe-doi-song/201710/dien-bien-bao-ve-rung-can-su-tham-gia-cua-nguoi-dan-2853174/index.htm>

⁷ Điện Biên: Bảo vệ rừng cần sự tham gia của người dân - Hoàng Châu – Nam Hương - Website:

<http://www.baotainguyenmoitruong.vn/suc-khoe-doi-song/201710/dien-bien-bao-ve-rung-can-su-tham-gia-cua-nguoi-dan-2853174/index.htm>

⁸ Báo cáo Tình hình Kinh tế xã hội xã Thanh Hối 9 tháng đầu năm 2017



Sustainable Natural Resource Management Project

được hỗ trợ cải thiện.

c. Các hoạt động đã thực hiện

- **Thành lập và nâng cao năng lực cho các Tổ TTBVR**

Trước khi Dự án được triển khai tại xã Thanh Hải không có các Tổ TTBVR cấp xóm. Công tác bảo vệ rừng được giao cho các chủ rừng. Đối với các diện tích rừng do UBND xã làm chủ được giao cho các cộng đồng thôn xóm bảo vệ, tuy nhiên việc giao này không rõ ràng (không có hợp đồng, thỏa thuận hay quyết định), không có một tổ chức, cá nhân cụ thể chịu trách nhiệm tuần tra, bảo vệ các khu rừng này. Vì thế, việc xây dựng, kiện toàn bộ máy tổ chức



Ảnh 2: Thực hiện tuần tra bảo vệ rừng bởi các Tổ TTBVR

về Tuần tra bảo vệ rừng tại các xóm là một việc làm hết sức cần thiết và đã được Dự án triển khai ngay từ giai đoạn đầu. Việc xây dựng, kiện toàn bộ máy tổ chức về Tuần tra Bảo vệ rừng tại các xóm được bàn bạc trực tiếp với cộng đồng dân cư xóm; cộng đồng dân cư xóm là người quyết định mô hình tổ chức bộ máy Tuần tra bảo vệ rừng với sự hỗ trợ của các chuyên gia dự án. Theo đó, ở mỗi xóm có diện tích rừng tự nhiên được UBND xã giao khoán cho cộng đồng dân cư xóm quản lý bảo vệ độc lập, không chung với xóm khác, không đan xen với xóm khác (xóm Nhót, xóm Bào 1) thì thành lập một Tổ TTBVR xóm. Ở các xóm có diện tích rừng tự nhiên được UBND xã giao khoán cho cộng đồng dân cư xóm quản lý bảo vệ đan xen và chung với xóm khác (xóm Tam 1, 2, 3, 4; xóm Sung 1, 2) thì thành lập các Tổ TTBVR liên xóm. Ở các xóm không có diện tích rừng tự nhiên do UBND xã giao khoán cho cộng đồng dân cư xóm quản lý bảo vệ (xóm Bào 2) thì không thành lập Tổ TTBVR xóm. Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, tổ chức khác... tự chịu trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng của mình. Ở các xóm người dân đồng ý giao khoán quản lý bảo vệ rừng trông của hộ gia đình cho Tổ TTBVR thì ngoài nhiệm vụ chính là TTBVR tự nhiên, Tổ TTBVR còn có nhiệm vụ TTBVR của các hộ dân giao khoán (xóm Nhót). Kết quả đã thành lập và đi vào hoạt động được 04 Tổ TTBVR cấp xóm và liên xóm tại 08/13 xóm tham gia Dự án với tổng số 17 thành viên tham gia. Thông thường mỗi Tổ TTBVR có từ 3-5 thành viên, số lượng thành viên phụ thuộc vào diện tích rừng mà tổ chịu trách nhiệm bảo vệ.

Để đảm bảo các Tổ TTBVR được tổ chức, quản lý và vận hành một cách hiệu quả, mỗi tổ có một quy chế hoạt động rõ ràng và minh bạch, quy chế này được xây dựng với sự tham gia của hầu hết các hộ gia đình trong xóm. Bên cạnh đó, ngay sau khi được thành



Sustainable Natural Resource Management Project

lập Dự án đã tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho các Tổ TTBVR về các nghiệp vụ tổ chức tuần tra bảo vệ rừng. Ngoài ra, Dự án đã tổ chức một chuyến tham quan cho thành viên các Tổ TTBVR để học hỏi kinh nghiệm từ các địa phương khác trong công tác tổ chức tuần tra bảo vệ rừng. Đồng thời, Dự án cũng đã trang bị cho các Tổ TTBVR rừng trang thiết bị thiết yếu như bản đồ, ống nhòm, la bàn, trang phục... để phục vụ cho công tác tuần tra bảo vệ rừng.

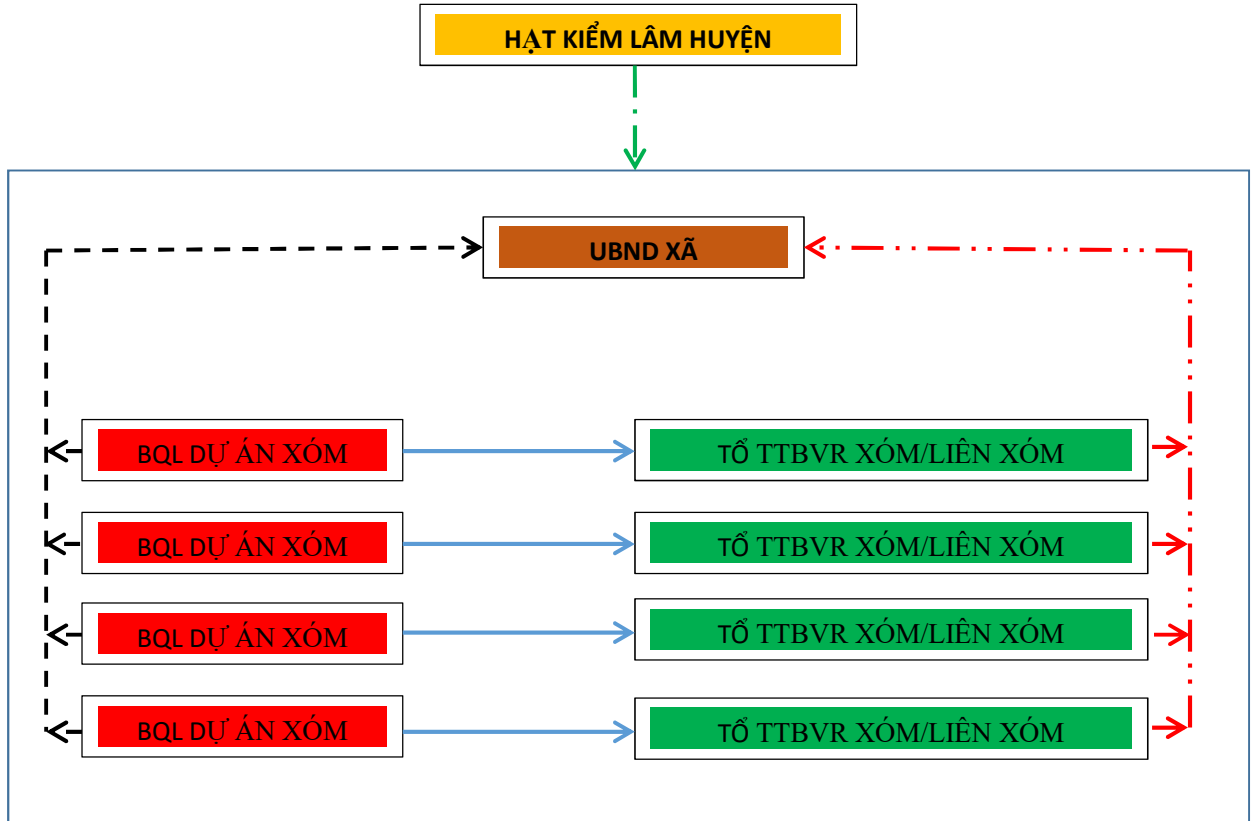
Với sự hỗ trợ của Dự án, các Tổ TTBVR đã xây dựng được kế hoạch tuần tra bảo vệ rừng của mỗi xóm, căn cứ vào kế hoạch các Tổ TTBVR thực hiện tuần tra định kỳ mỗi tháng một lần hoặc tuần tra đột xuất theo nhu cầu thực tế tại những thời điểm khác nhau. Mỗi tháng các Tổ TTBVR làm báo cáo kết quả tuần tra và gửi UBND xã. Bên cạnh đó, việc phối hợp với Cán bộ Kiểm lâm địa bàn trong công tác tuần tra bảo vệ rừng và xử lý những trường hợp vi phạm cũng được chú trọng. Kết quả là, từ tháng 3/2017 đến tháng 6/2018 đã có 10 trường hợp vi phạm bảo vệ rừng được phát hiện và xử lý với diện tích rừng và đất rừng xâm lấn bị xử lý là khoảng 6 ha. Để thúc đẩy và tăng cường sự phối hợp giữa, Dự án đã tổ chức các cuộc họp giao ban hàng quý (3 tháng một lần) giữa Cán bộ Kiểm lâm địa bàn và các Tổ TTBVR, đây là những dịp để hai bên tăng cường sự phối hợp nhằm bảo vệ rừng một cách hiệu quả và bền vững.

Như đã đề cập ở trên, hiện nay công tác bảo vệ rừng tự nhiên tại xã Thanh Hối được tổ chức và thực hiện trên tinh thần tự nguyện và vì cộng đồng mà không có chi trả công bảo vệ rừng cho các Tổ TTBVR. Do vậy, để khuyến khích và thúc đẩy công tác bảo vệ rừng của các Tổ TTBVR hàng hàng Ban QLDA xóm trích từ Quỹ xóm để hỗ trợ cho mỗi thành viên các Tổ TTBVR với số tiền 50.000 đồng/người/tháng. Đây là mức hỗ trợ không cao nhưng nó có tính động viên và ghi nhận những đóng góp của các Tổ TTBVR đối với công tác bảo vệ rừng của mỗi xóm.



Sustainable Natural Resource Management Project

Sơ đồ 02: Sơ đồ tổ chức TTBVR tại xã Thanh Hối



- Giám sát và hỗ trợ tiên công.
- - - → Báo cáo kết quả hoạt động.
- - - → Báo cáo kết quả giám sát.
- . - → Hỗ trợ, thúc đẩy.

- **Xây dựng và phát triển thể chế bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng**

Nhằm dựa vào cộng đồng và huy động sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo vệ rừng, bên cạnh những quy định và chính sách của Nhà nước về công tác bảo vệ rừng, Dự án đã thúc đẩy và hỗ trợ các cộng đồng xây dựng các Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng tại mỗi xóm. Những quy ước này đã xây dựng dựa vào những tập quán và những thiết chế sẵn có của cộng đồng. Để đảm bảo tính hiệu quả và sự tự chủ của cộng đồng, Dự án đã thúc đẩy để đảm bảo rằng các quy ước được xây dựng trên nguyên tắc dân chủ và tự nguyện. Toàn bộ tiến trình xây dựng quy ước đều có sự tham gia của cộng đồng, từ quá trình chuẩn bị đến việc tổ chức thảo luận và xây dựng nội dung quy ước đều được thực hiện với sự tham gia của các thành viên cộng đồng và các hộ gia đình, Dự án chỉ đóng vai trò hỗ trợ và thúc đẩy. Kết quả là tất cả 13 xóm mục tiêu của Dự án đã xây dựng được Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng của xóm.



Sustainable Natural Resource Management Project

Trình tự các bước xây dựng Quy ước gồm:

- + Bước 1: Thu tập các tài liệu liên quan. Nhằm thu thập các tài liệu và thông tin liên quan phục vụ cho việc xây dựng quy ước.
- + Bước 2: Xây dựng khung Quy ước. Một khung quy ước được dự thảo để đảm bảo tính định hướng và mục tiêu của việc xây dựng quy ước.
- + Bước 3: Xây dựng dự thảo quy ước. Trưởng xóm và trưởng các đoàn thể liên quan trong xóm tổ chức cuộc họp để xây dựng dự thảo quy ước với các điều khoản chi tiết.
- + Bước 4: Họp toàn thể người dân trong cộng đồng để công bố nội dung bản dự thảo quy ước và lấy ý kiến của người dân về dự thảo; dựa vào những góp ý của người dân quy ước sẽ được bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện. Cuối cùng, nội dung quy ước phải được biểu quyết thông qua bởi người dân tham gia cuộc họp.
- + Bước 5: Trình duyệt và phê chuẩn. Để tăng tính hiệu lực của quy ước, sau khi được thông qua trong cuộc họp xóm, quy ước cần được trình lên UBND để phê chuẩn.
- + Bước 6: Truyền thông nội dung quy ước tới từng người dân trong xóm (niêm yết công khai nơi công cộng; phát thanh trên hệ thống truyền thanh của xóm; tuyên truyền trong các cuộc họp xóm và hội diễn dưới hình thức thi tìm hiểu pháp luật và nội dung quy ước...). Để tăng tính ràng buộc, tất cả các hộ gia đình trong xóm đều phải ký cam kết tuân thủ quy ước.

- **Nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ rừng**

Một trong những nguyên nhân dẫn đến mất rừng tại xã Thanh Hối là do nhận thức của người dân về công tác bảo vệ rừng, do vậy để công tác bảo vệ hiệu quả cao và bền vững, ngoài việc tổ chức tuần tra bảo vệ rừng, xây dựng thể chế, còn cần nâng cao nhận thức và ý thức chung của mỗi người dân và cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ và phát triển rừng. Với mục tiêu mỗi người



dân là một người bảo vệ rừng, Dự án đã thực hiện hỗ trợ một chuỗi các hoạt động truyền thông dưới nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của mỗi người dân trong cộng đồng về bảo vệ và phát triển rừng như xây dựng bảng áp phích tuyên truyền kiên cố; lắp đặt các biển cảnh báo bảo vệ rừng; in ấn các tờ rơi và poster, tổ chức hội thi về tuyên truyền bảo vệ rừng.

Nhờ các hoạt động nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ và phát triển rừng, trong năm



Sustainable Natural Resource Management Project

2017 thông qua phản ánh của người dân, các tổ TTBVR đã phối hợp với các bên liên quan kiểm tra xác minh 12 tin báo của người dân về các trường hợp nghi vấn vi phạm công tác bảo vệ rừng. Thành công lớn nhất của việc nâng cao nhận thức cho người dân bảo vệ rừng là ý thức trách nhiệm, tinh thần tự giác của người dân trong bảo vệ và phát triển rừng được nâng lên rõ rệt ở tất cả các lứa tuổi, giới tính và các thành phần xã hội trong cộng đồng dân cư.

Bảng 01: Tổng hợp các hoạt động Dự án đã thực hiện để hỗ trợ bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng.

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Thời điểm thực hiện
1	Họp thành lập các Tổ TTBVR	cuộc	8	11-12/2016
2	Tập huấn nâng cao năng lực cho thành viên các Tổ TTBVR	lớp	1	03/2017
3	Thăm quan học tập kinh nghiệm Bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng	cuộc	1	12/2017
4	Cung cấp trang thiết bị, dụng cụ cần thiết phục vụ công tác TTBVR	bộ	4	03/2017
5	Xây dựng Quy ước xóm về Bảo vệ và phát triển rừng	quy ước	13	3-5/2017
6	Hội thi Tuyên truyền Bảo vệ và phát triển rừng	cuộc	1	11/2017
7	Bảng tuyên truyền, biển báo phục vụ Bảo vệ và phát triển rừng (06 loại)	cái	218	6-12/2017
8	Poster tuyên truyền phục vụ Bảo vệ và phát triển rừng	tờ	50	5/2017

d. Theo dõi và giám sát

Thông qua các hoạt động có tính phối hợp và mang tính toàn diện bao gồm thiết lập hệ thống bộ máy bảo vệ rừng (các Tổ TTBVR và Ban QLDA xấp xóm), xây dựng thể chế và nâng cao nhận thức của người dân về công tác bảo vệ rừng đã cho thấy một phương pháp tiếp cận phù hợp và hiệu quả cả Dự án. Việc triển khai các hoạt động bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng của Dự án bước đầu đã thu được những kết quả và có tác động những tác động tích cực đến công tác bảo vệ rừng của địa phương.

Bảng 02: Các chỉ số giám sát hoạt động bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng



Sustainable Natural Resource Management Project

STT	Chỉ số giám sát	ĐVT	Số lượng
1	Diện tích rừng được bảo vệ bởi các Tổ TTĐVR	ha	760,9
2	Tuyến tuần tra rừng	tuyến	12
3	Tần suất tuần tra rừng	lần/tháng	1
4	Trợ cấp trả cho thành viên tổ tuần tra rừng từ Quỹ xóm	đồng/tháng /người	50.000
5	Số trường hợp nghi ngờ vi phạm đã được kiểm tra	vụ	12
6	Số vụ vi phạm bảo vệ rừng được phát hiện, xử lý	vụ	10
7	Diện tích rừng bị vi phạm được phát hiện	ha	5,9
8	Số người trong xã vi phạm bảo vệ rừng	người	6
9	Số người ngoài xã vi phạm bảo vệ rừng	người	2
10	Số vụ xâm lấn đất rừng vì thiếu đất sản xuất	vụ	6
11 ⁹	Số vụ xâm lấn đất rừng vì không rõ ràng ranh giới	vụ	2
12	Kết quả giải quyết những vụ vi phạm đã được báo cáo	vụ	10
13	Tỷ lệ người dân biết xóm có Tổ TTĐVR	%	100
14	Đánh giá công tác BVR tự nhiên của xóm sau khi có Tổ Tuần tra Bảo vệ rừng xóm		
	- <i>Tốt hơn trước</i>	%	84,62
	- <i>Không thay đổi</i>	%	12,82
	- <i>Bị chặt phá, lấn chiếm nhiều hơn</i>	%	0
15 ¹⁰	Mức độ hiểu biết các quy định của Quy ước Bảo vệ và phát triển rừng		
	- <i>Có biết</i>	%	100
	- <i>Có nghe nói nhưng chưa biết</i>	%	0

⁹ Từ 1-11: Số liệu hệ thống giám sát dự án năm 2017.

¹⁰ Từ 12-14: Kết quả phỏng vấn hộ dân tham gia dự án tháng 12/2017.



Sustainable Natural Resource Management Project

	- Không biết có Quy ước xóm về bảo vệ rừng	%	0
--	--	---	---

e. Những vấn đề gặp phải và giải pháp

Trong quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ và thúc đẩy bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng có nhiều vấn đề phát sinh cần được giải quyết, tuy nhiên Dự án cùng các bên liên quan đã làm việc cùng nhau để đưa ra các giải pháp phù hợp.

Bảng 03: Vấn đề gặp phải và giải pháp

STT	VẤN ĐỀ	GIẢI PHÁP
1	Kinh phí cho công tác TTBVR hạn chế	Thành viên Tổ TTBVR là các cán bộ giữ các vị trí chủ chốt ở thôn/xóm, xã kiêm nhiệm.
2	Tình trạng sử dụng sai mục đích đất lâm nghiệp khá phổ biến, khó xử lý và xử lý không triệt để.	- Hỗ trợ UBND xã và cơ quan liên quan xử lý từ các vụ trọng điểm trước. - Phát huy sức mạnh tập thể của cộng đồng thôn xóm trong xử lý vi phạm.
3	Hiểu biết các quy định về quản lý, sử dụng tài nguyên rừng của người dân còn hạn chế.	- Kết hợp nhiều hình thức để tuyên truyền (pano, áp phích, phát thanh, họp dân, hội thi...) để nâng cao nhận thức của người dân về công tác bảo vệ rừng.
4	Người vi phạm không hợp tác trong quá trình xử lý vi phạm.	Mời người vi phạm tới UBND xã để xử lý hoặc tới tận nhà gặp, làm việc để tuyên truyền, thuyết phục...
5	Phối hợp, kết hợp giữa các bên liên quan (Tổ TT.BVR; Ban QLDA xóm; UBND xã; Kiểm lâm địa bàn...) còn hạn chế	Tổ chức họp giao ban hàng quý để tổng kết, đánh giá lại hoạt động quý trước; lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho quý tiếp theo.

f. Bài học kinh nghiệm

Để có được những kết quả như hiện nay trong quá trình thực hiện các hoạt động đã có nhiều bài học kinh nghiệm được rút ra.

- Sự vào cuộc của các cấp chính quyền địa phương và các ban ngành liên quan trong đó nòng cốt là vai trò của UBND xã Thanh Hối và Hạt Kiểm lâm huyện Tân Lạc. Về phía UBND xã Thanh Hối đã có những chỉ đạo sát sao, kịp thời cho các Tổ TTBVR, các trưởng xóm, các bộ phận chức năng có liên quan thuộc UBND xã trong việc phát hiện, xác minh làm rõ từng trường hợp vi phạm và ra quyết định xử lý nghiêm khắc, kịp thời các trường hợp được kết luận là có vi phạm công tác bảo vệ và phát triển rừng. Hạt Kiểm lâm huyện đóng vai trò là đơn vị hỗ trợ kỹ



Sustainable Natural Resource Management Project

thuật cho UBND xã trong công tác quản lý, xác minh các trường hợp nghi vấn vi phạm và tham mưu phương án xử lý các trường hợp vi phạm đã được xác minh kết luận. Sự phối hợp, gắn kết giữa UBND xã và Hạt Kiểm lâm huyện cũng được cải thiện thông qua công tác họp giao ban hàng quý về tuần tra bảo vệ rừng.

- Phát huy tinh thần dân chủ, tự chủ của người dân đã tạo ra sự đồng thuận của cộng đồng trong công tác bảo vệ rừng. Các trường hợp vi phạm công tác bảo vệ rừng không những nhận thức được hành vi vi phạm của mình mà còn cảm nhận được sức ép rất lớn từ cộng đồng dân cư nơi mình sinh sống để phải nghiêm túc thực hiện, chấp hành các phương án xử lý vi phạm mà chính quyền địa phương đã quyết định.

3. Phát triển trồng rừng

a. Giới thiệu

Cùng với bảo vệ rừng, trồng rừng là một trong những hoạt động chính của Dự án nhằm hỗ trợ phát triển rừng bền vững tại xã thí điểm. Do tập quán của người dân và được thúc đẩy bởi nhu cầu của thị trường, lâu nay người trồng rừng tại xã Thanh Hối chủ yếu trồng keo thuần loài và khai thác trắng sau mỗi chu kỳ 5-6 năm. Việc này ảnh hưởng đến chiến lược việc phát triển rừng bền vững và Bộ NN&PTNT đang thúc đẩy thông qua các chính sách được ban hành gần đây. Để thúc đẩy phát triển rừng theo hướng đa mục tiêu vừa mang lại giá trị kinh tế vừa đóng góp vào bảo vệ môi trường một cách bền vững, Dự án đã có cách tiếp cận mới thông qua hỗ trợ trồng rừng hỗn loài tại xã thí điểm. Những hộ hưởng lợi được Dự án hỗ trợ để đảm bảo cơ cấu cây trồng rừng đạt ít nhất 20-30% đối với rừng sản xuất và 50% diện tích đối với rừng phòng hộ là các loài cây lấy gỗ lâu năm như trám, lát, xoan, giổi, lim xanh....

b. Bối cảnh

Trong bối cảnh sự tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu toàn cầu đang ngày càng ra tăng; nền kinh tế các quốc gia có sự hội nhập và gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế thế giới, các yêu cầu khắt khe về chất lượng và quy trình sản xuất các sản phẩm thương mại trong đó có sản phẩm gỗ được mua bán trên thị trường quốc tế ngày càng nâng cao. Vì thế trồng rừng, kinh doanh rừng bền vững tại Việt Nam đang là một xu thế tất yếu góp phần nâng cao thu nhập cho chủ rừng và bảo vệ môi trường.

Dưới góc độ kinh doanh rừng bền vững về kinh tế, đầu tư kinh doanh rừng trồng gỗ lớn, luân kỳ dài, kết hợp với các sản phẩm gỗ nguyên liệu, gỗ nhỏ từ khai thác tía thưa rừng trồng và các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ đang cho thấy tính bền vững, ít bị tổn thương trước những biến động bất lợi từ thị trường tiêu thụ. Mô hình sản xuất kinh doanh rừng này cho ra các sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau của thị trường; thời



Sustainable Natural Resource Management Project

điểm cho thu nhập cũng thường xuyên hơn bao gồm cả những nguồn thu nhập ngắn hạn từ sản phẩm lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng, nguồn thu trung hạn từ các sản phẩm gỗ tía thưa và nguồn thu dài hạn từ sản phẩm gỗ sẽ khai thác ở cuối chu kỳ kinh doanh.

Về khía cạnh môi trường trong nhóm các loại rừng trồng thì rừng trồng hỗn loài nhiều tầng tán, chu kỳ dài có giá trị bảo vệ cải tạo môi trường là lớn nhất. Rừng hỗn loài nhiều tầng tán có khả năng chống lại sự phá vỡ kết cấu đất do công năng của hạt nước mưa là lớn nhất do làm giảm tối đa gia tốc rơi của hạt nước mưa khi tiếp xúc với mặt đất. Các thân cây, gốc cây, bạnh vè, bộ nổi thường có của các loài cây bản địa lâu năm góp phần chia nhỏ và làm giảm tốc độ dòng chảy... giúp hạn chế xói mòn, rửa trôi đất. Hệ rễ ăn sâu, nhiều tầng của rừng hỗn loài giúp nước mưa dễ thấm sâu vào trong lòng đất, gia tăng số lượng và chất lượng nước ngầm giảm dòng chảy bề mặt vừa có tác dụng hạn chế, giảm tác hại của lũ lụt, vừa đảm bảo nguồn nước cho các con suối, sông, hồ... nhất là vào mùa khô. Rừng trồng hỗn loài luân kỳ dài cũng có hiệu quả rất tốt trong việc cố định các bon cả về khối lượng và thời gian lưu trữ. Thông qua đó làm giảm lượng phát thải toàn cầu. Khi Việt Nam tham gia vào thị trường các bon quốc tế (CDM), sau các diện tích rừng tự nhiên thì rừng trồng hỗn loài luân kỳ dài sẽ là những diện tích rừng có giá trị cao nhất về giá trị tích trữ các bon.

Tại Ấn Độ, một dự án nâng cao cố định các bon đang được thực hiện trong thời gian 50 năm, theo tính toán, khi kết thúc dự án có thể cố định được từ 0,4-0,6 Mt các bon, trong đó sau 8 năm, mỗi ha có thể cố định được 25,44 tấn, sau 12 năm có thể cố định được 41,2 tấn và sau 50 năm có thể cố định được 58,8 tấn (tương đương khoảng 3 tấn C/ha). Tại Trung Quốc, một dự án mới được duyệt sẽ thực hiện tại lưu vực đầu nguồn sông Pearl, Quảng Tây với 4 mục tiêu: (i) Nâng cao khả năng cố định carbon của rừng tại lưu vực đầu nguồn, (ii) Tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học rừng tự nhiên, (iii) Cải tạo đất và chống xói mòn và (iv) Nâng cao thu nhập của người dân địa phương. Để đạt được mục tiêu trên, 4.000 ha rừng đa tác dụng sẽ được trồng mới. Hiệu quả mong muốn của dự án là đem lại việc làm cho 18.000 hộ gia đình trong vùng dự án với 110.000 ngày công, đồng thời đến năm 2012 rừng trồng trên có thể hấp thu được 320.000 tấn CO₂. Tại Iceland, lượng carbon dự trữ của một số dạng rừng trồng cũng đã được các nhà khoa học ước tính. Kết quả cho thấy, 1 ha rừng Thông rụng lá Siberi (*Larix sibirica*) khi đến tuổi 32, trung bình có thể cố định được 2,6 tấn/các bon /năm, đối với rừng Bạch dương lông (*Betula pubescens*) một năm có thể cố định được 1,0 tấn các bon/năm và rừng Vân sam Sitka (*Picea sitchensis*) có thể cố định được 3,0 tấn các bon/năm¹¹.

¹¹ Nghiên cứu khả năng tích lũy các bon rừng trồng Keo tai tượng (*Acacia mangium*) tại huyện Định Hóa, tỉnh Thái nguyên – Phạm Cao Bốn - 2014



Sustainable Natural Resource Management Project

Nghiên cứu của trường Đại học Princeton cho thấy vai trò của rừng nhiệt đới trong việc bù đắp sự tích tụ khí các-bon từ nhiên liệu hóa thạch phụ thuộc vào sự đa dạng cây, đặc biệt là ở các khu rừng phục hồi sau khai thác. ... Sự hiện diện của cây họ đậu tại các khu rừng này đảm bảo tăng trưởng rừng nhanh chóng trong 12 năm đầu tiên, do đó giúp tăng đáng kể khả năng lưu trữ các-bon của rừng... Trong 12 năm đầu tiên sau khi được phục hồi, lượng các-bon các khu rừng này lưu trữ được đã lên tới 40% lượng các-bon của các khu rừng trưởng thành. Các loài cây họ đậu đóng góp tới hơn một nửa lượng nitơ cần thiết cho quá trình lưu trữ các-bon này¹².

Như vậy CDM đang mở ra cho ngành lâm nghiệp một hướng mới là dịch vụ môi trường thông qua trồng rừng và bán carbon, đặc biệt đối với các nước đang phát triển, CDM sẽ là cơ hội để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế, đây cũng là cơ hội để chuyển giao công nghệ, nâng cao kiến thức của người dân trong mục tiêu phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Việc phát triển rừng trồng hỗn giao cây gỗ lớn, luân kỳ dài với các loài cây họ đậu như các loài keo là một mô hình kinh doanh rừng trồng đem lại hiệu quả cao cả về kinh tế, sinh học và môi trường nhất là khi Việt Nam tham gia vào thị trường các bon quốc tế.

Tại Việt Nam, hoạt động trồng rừng, nhất là trồng rừng hỗn loài đã được quan tâm thực hiện. Năm 2010, các nhà nghiên cứu của Phân viện điều tra quy hoạch rừng Trung Trung bộ khi nghiên cứu đánh giá kết quả trồng rừng cây bản địa lá rộng vùng Trung Trung Bộ - Việt Nam đã đánh giá: “Trong những năm qua bằng các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, diện tích rừng trồng ngày càng được tăng lên. Bình quân mỗi năm trên toàn vùng trồng được khoảng 15.000 – 20.000 ha rừng. Công tác trồng rừng cây bản địa lá rộng đã được tiến hành từ những năm 1980, đặc biệt trồng nhiều trong vòng 10 năm trở lại đây trong các chương trình trồng rừng 327, dự án 661, và các dự án khác. Diện tích rừng trồng cây bản địa lá rộng đã được trồng tính đến năm 2003 là 34.940 ha, về cơ cấu cây trồng rất đa dạng, nhiều loài cây bản địa đã được đầu tư gây trồng, tạo nên sự đa dạng trong tập đoàn cây trồng. Các loại cây bản địa lá rộng được trồng có thể kể đến như: Huỳnh, Bời lời, Sao đen, Sến trung, Gụ lau, Gụ mật, Dầu rái, Giổi, Ươi, Kiền Kiền, Lát hoa, Lim xanh, Lim xẹt, Long não, Muồng đen, Ràng ràng xanh, Re hương, Sơn huyết, Trường, Trám trắng, Trám hồng, Trâm, Trâm hương,... Phương thức trồng cũng đa dạng: Trồng thuần loài, trồng hỗn giao cây bản địa với cây bản địa, cây bản địa với các loại Keo, cây bản địa trồng hỗn giao với Thông, trồng dưới tán rừng, trồng trên đất trồng, v.v. Mỗi phương thức trồng theo nhiều công thức trồng khác nhau, trên nhiều loại đất khác nhau: Trồng theo băng, trồng theo rạch, trồng theo đám, trồng theo các công thức và mật độ

¹² [Nghiên cứu về sự hấp thu các-bon của rừng nhiệt đới](http://iasvn.org/tin-tuc/Nghien-cuu-ve-su-hap-thu-cac-bon-cua-rung-nhiet-doi) - Website:

<http://iasvn.org/tin-tuc/Nghien-cuu-ve-su-hap-thu-cac-bon-cua-rung-nhiet-doi-3780.html>



Sustainable Natural Resource Management Project

khác nhau trên đất trồng v.v. Bên cạnh những loài sinh trưởng tốt, có triển vọng gây trồng cũng còn nhiều loài đã bộc lộ nhiều nhược điểm, một số cây bản địa không phù hợp, sinh trưởng kém, khả năng thành rừng thấp, phương thức trồng chưa hợp lý, hạn mức đầu tư còn nhiều hạn chế dẫn đến kết quả thành rừng chưa cao”¹³.

Dự án trồng rừng tại 2 tỉnh Thanh Hoá và Nghệ An (Dự án KfW4) do Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức viện trợ không hoàn lại được thực hiện từ năm 2002 đến năm 2012. Các hộ nông dân tham gia dự án sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; được nhận cây con miễn phí; được cấp phân bón miễn phí cho cây trồng rừng trên lập địa xấu; được thanh toán bù hoàn đầu tư công lao động trồng rừng thông qua hệ thống tài khoản tiền gửi. Kết quả thực hiện dự án có 80% rừng liền khoảnh của dự án được trồng với nhiều loài cây trồng, đặc biệt là cây bản địa chiếm tỷ trọng lớn với biện pháp tác động chính là trồng rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh làm giàu rừng. Các lô rừng trồng của dự án được dồn điền đổi thửa tạo thành các lô rừng có diện tích khá lớn, không manh mún¹⁴. Phương pháp hỗn giao khi trồng rừng của dự án là hỗn giao theo hàng, theo băng và theo đám nhằm khắc phục các điểm còn hạn chế của các hộ dân khi trồng rừng hỗn giao như: Điều kiện kinh tế hộ gia đình hạn chế nên ảnh hưởng tới khả năng đầu tư và lựa chọn luân kỳ dài cho rừng trồng; Trình độ kỹ thuật, khả năng thâm canh rừng trồng của các hộ dân còn thấp... nên người dân thường trồng rừng thuần loài cây mọc nhanh có kỹ thuật canh tác đơn giản và nhanh cho thu hoạch;

Dự án phát triển lâm nghiệp (KfW7) là dự án ODA được Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức tài trợ thông qua ngân hàng Tái thiết Đức. Dự án được thực hiện ở 2 tỉnh Hòa Bình và Sơn La từ năm 2006 đến năm 2016. Một trong các mục tiêu của dự án là: Trồng rừng, tái sinh tự nhiên và quản lý bảo vệ rừng 20.356 ha. Trong đó: 16.756 ha ở các xã vùng dự án, 3.600 ha ở vùng lõi các khu bảo tồn thiên nhiên. Tham gia dự án, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn được hỗ trợ tiền công trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng thông qua tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh tại huyện. Dự án đã tạo ra việc làm, tăng thêm thu nhập cho một bộ phận nhân dân trong vùng dự án, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới của tỉnh và tăng trưởng phát triển của địa phương vùng dự án. Một trong những thành công của dự án là bảo vệ và phát triển rừng dựa vào cộng đồng, gắn phát triển rừng với phát triển cộng

¹³ Nghiên cứu đánh giá kết quả trồng rừng cây bản địa lá rộng vùng Trung Trung Bộ- Việt Nam - Website: <http://tongcuclamnghep.gov.vn/tin-tuc/157/a-8/nguyen-cuu-danh-gia-ket-qua-trong-rung-cay-ban-dia-la-rong-vung-trung-trung-bo-viet-nam.html>

¹⁴ Trồng rừng tại các tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An- KfW4 - Website: <https://daln.gov.vn/vi/ac194a463/trong-rung-tai-cac-tinh-thanh-hoa-va-nghe-an-kfw4.html>



Sustainable Natural Resource Management Project

đồng¹⁵.

Như vậy có thể thấy rằng hoạt động trồng rừng trong đó có trồng rừng hỗn loài đã được các chủ rừng và các dự án quan tâm thực hiện từ lâu. Qua đó nhiều bài học kinh nghiệm đã được rút ra để áp dụng cho các chương trình, dự án hỗ trợ trồng rừng khác.

Tại xã Thanh Hối, theo kết quả Kiểm kê rừng năm 2015 xã có trên 1.872,39 ha đất lâm nghiệp trong tổng số 2.656,11 ha tổng diện tích đất tự nhiên (chiếm 70,49%)¹⁶. Trong đó:

- Diện tích đất có rừng tự nhiên: 493,88 ha.
- Diện tích đất có rừng trồng có trữ lượng: 141,83 ha
- Diện tích đất có rừng trồng chưa có trữ lượng: 532,51 ha.
- Diện tích đất khác: 731,17 ha (có 5,7 ha mặt nước và 104,04 ha sử dụng vào mục đích khác ngoài lâm nghiệp).

Như vậy, diện tích đất rừng trồng và đất để trồng rừng tại xã Thanh Hối là khá lớn: 1.399,81 ha, chiếm 74,76% tổng diện tích đất lâm nghiệp toàn xã. Rừng và đất lâm nghiệp chiếm vị trí rất quan trọng đối với đời sống của người dân xã Thanh Hối cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Hàng năm, tại xã Thanh Hối trồng được bình quân 100 ha rừng bao gồm cả rừng sản xuất và rừng phòng hộ¹⁷. Tuy nhiên, cơ cấu loài cây trồng rừng những năm gần đây tập trung chủ yếu là các loài Keo (chiếm gần 100% diện tích rừng trồng, kể cả rừng phòng hộ do các hộ dân tự trồng). Một số diện tích rừng trồng hỗn giao giữa keo và cây gỗ lớn lâu năm do các dự án trước đây hỗ trợ khi khai thác cây keo cũng không còn giữ được các cây trồng bản địa (như ở xóm Tam 4).

Do khả năng đầu tư của người trồng rừng còn hạn chế nên mức độ đầu tư thâm canh cho rừng trồng của hộ gia đình còn thấp: không bón phân; mua cây giống trôi nổi chất lượng thấp hoặc sử dụng cây tự mọc. Trồng rừng độc canh cây keo chu kỳ ngắn lấy gỗ nguyên liệu, chất lượng cây giống thấp, kinh phí đầu tư hạn chế, trình độ thâm canh kém... đã và đang mang lại hiệu quả kinh tế thấp và tạo ra một nền kinh tế lâm nghiệp thiếu bền vững cả về kinh tế lẫn môi trường. Hiệu quả kinh tế thấp, sức ép về nhu cầu sử dụng đất cho các loài cây trồng sản xuất nông nghiệp, cây ăn quả ngày càng tăng cao nên diện tích rừng và đất lâm nghiệp tại xã Thanh Hối có chiều hướng suy giảm. Điều này ảnh hưởng tiêu cực tới công tác bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế bền vững. Vì vậy, hỗ trợ người dân trong công tác trồng rừng và kinh doanh rừng trồng để đảm bảo

¹⁵ Dự án “Phát triển Lâm nghiệp tại các tỉnh Hoà Bình và Sơn La” - Website:

<https://daln.gov.vn/vi/ac194a52/du-an-phat-trien-lam-nghiep-tai-cac-tinh-hoa-binh-va-son-la.html>

¹⁶ Kết quả kiểm kê 3 loại rừng xã Thanh Hối, h. Tân Lạc, t. Hòa Bình năm 2015.

¹⁷ Báo cáo tình hình kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2016 của UBND xã Thanh Hối.



Sustainable Natural Resource Management Project

phát triển lâm nghiệp bền vững là một hoạt động cần được quan tâm, hỗ trợ thực hiện.

c. Các hoạt động đã thực hiện

Để thực hiện hoạt động chính là hỗ trợ trồng rừng, Dự án đã triển khai một chuỗi các hoạt động hỗ trợ có tính toàn diện và hệ thống, từ lập kế hoạch, khảo sát thiết kế trồng, tập huấn kỹ thuật cho đến hỗ trợ cây giống, qua đó nhằm nâng cao sự thành công đối với hoạt động trồng rừng.

Hoạt động đầu tiên được thực hiện là **Họp truyền thông, lập kế hoạch trồng rừng.**

Công tác lập kế hoạch trồng rừng được thực hiện từ dưới lên, dựa trên nhu cầu



Ảnh 4: Tập huấn cho người dân về kỹ thuật trồng rừng

thực tế của các hộ gia đình. Đã có 32 cuộc họp cấp xóm và 4 cuộc họp cấp xã về lập kế hoạch trồng rừng song song với lập kế hoạch thực hiện các hoạt động khác. Tại các cuộc họp này, các hộ gia đình được cung cấp thông tin về Dự án, quyền lợi và trách nhiệm của hộ gia đình và các bên liên quan trong hoạt động trồng rừng; kế hoạch thực hiện từng công đoạn của hoạt động; đăng ký sơ bộ diện tích và vị trí đất trồng rừng...

Nhằm thúc đẩy trồng và kinh doanh rừng theo hướng bền vững, đảm bảo tính đa dạng sinh học, phát huy khả năng bảo vệ môi trường theo mục tiêu REDD+. Ngoài việc phân tích, tuyên truyền, vận động người dân trồng cây lấy gỗ lâu năm cùng với cây keo, Dự án đã thể chế hóa tiêu chí trồng cây bản địa như là một điều kiện bắt buộc để được nhận hỗ trợ trồng rừng. Tỷ lệ cây bản địa trồng trên các diện tích được Dự án hỗ trợ phải đạt tối thiểu 20% đối với rừng sản xuất và tối thiểu 50% đối với rừng phòng hộ. Song song với việc quy định bắt buộc phải trồng một tỷ lệ cây bản địa nhất định, Dự án còn khuyến khích bằng cách đối với rừng sản xuất nếu trồng keo hộ gia đình phải đóng góp ít nhất 20% giá trị mua cây giống keo vào Quỹ xóm, đối với cây giống bản địa người dân không phải đóng góp vào Quỹ xóm. Về kỹ thuật, Dự án thúc đẩy áp dụng phương pháp hỗn giao theo đám, hỗn giao theo băng đối với rừng sản xuất để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc áp dụng biện pháp kỹ thuật vào trồng, chăm sóc và khai thác rừng trồng.

Để đảm bảo tính diện tích rừng trồng với sự hỗ trợ của Dự án tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước về trồng rừng, Dự án đã mời một đơn vị tư vấn có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn để thực hiện **Khảo sát thiết kế trồng rừng** cho diện tích mà các hộ đã đăng ký. Tư vấn đã tiến hành rà soát tất cả các diện tích đăng ký trồng rừng đã đăng ký, loại bỏ các diện tích không đủ tiêu chí tham gia và thực hiện thiết kế trồng rừng cho những diện tích phù hợp theo quy định của ngành. Trong quá trình khảo sát thiết kế, sự



Sustainable Natural Resource Management Project

tham gia của người dân cũng được coi trọng để xác định ranh giới các lô đất, lựa chọn loài cây trồng và phương pháp hỗn giao... Hồ sơ thiết kế trồng rừng được cơ quan chức năng là Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hòa Bình kiểm tra và cho ý kiến kỹ thuật đảm bảo đúng theo các quy định của ngành và địa phương. Dựa trên kết quả công tác khảo sát thiết kế, danh sách các hộ tham gia trồng rừng dự án đã được chính thức phê duyệt.

Để nâng cao năng lực cho người dân về kỹ thuật trồng rừng, Dự án đã tổ chức các chuyên **tham quan học tập kinh nghiệm và đào tạo tập huấn**. Hai chuyến thăm quan học tập kinh nghiệm trồng và chăm sóc rừng trồng cho đại diện các hộ dân trồng rừng đã được tổ chức với 88 hộ dân tham gia. Bốn lớp tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng trồng đã được tổ chức với 191 hộ tham gia. Ngoài tài liệu tập huấn kỹ thuật Dự án còn thiết kế, in ấn, phát tới tận tay từng hộ gia đình trồng rừng các tờ rơi hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng và chăm sóc rừng trồng.

Luân kỳ kinh doanh trong sản xuất lâm nghiệp dài nên chất lượng cây giống trồng rừng ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh tế, vì vậy cần được đặc biệt quan tâm. Vì vậy, **chuẩn bị cây giống trồng rừng** là một hoạt động được Dự án thực hiện hết sức chặt chẽ. Để cung cấp cây giống cho các hộ dân trồng rừng đủ về số lượng, loài cây và đảm bảo về chất lượng, Dự án đã ký hợp đồng cung cấp cây giống với một đơn vị có uy tín và đủ năng lực sản xuất cây giống trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (Trung tâm Giống cây trồng tỉnh Hòa Bình trực thuộc Sở NN&PTNT tỉnh Hòa Bình). Trong quá trình gieo ươm cây giống cung cấp cho Dự án, ngoài các biện pháp quản lý chất lượng cây giống theo quy định của ngành do đơn vị chức năng của tỉnh thực hiện, Dự án còn thường xuyên định kỳ kiểm tra tiến độ và chất lượng các công đoạn sản xuất cây giống. Đảm bảo cây giống được cung cấp đúng thời điểm, đạt chất lượng tốt nhất cho các hộ dân trồng rừng.

Trong hai năm 2017 và 2018, Dự án đã cung cấp được 242.742 cây giống để trồng rừng, trong đó cây bản địa như lim xanh, lát, trám, sấu... chiếm khoảng 36%, còn lại 64% là cây keo. Ngoài diện tích trồng rừng đại trà, Dự án cũng đã thúc đẩy xây dựng các mô hình trồng rừng kết hợp lâm sản ngoài gỗ (Sa nhân tím) và các mô hình trồng trình diễn thâm canh. Kết quả, trong 2 năm 2017 và 2018 đã có 146,41 ha rừng đã được trồng (trong đó có 38,78 ha rừng phòng hộ và 107,63 ha rừng sản xuất). Trong đó có 2 mô hình LSNG và 3 mô hình trình diễn trồng rừng sản xuất.

Nhờ nguồn giống chất lượng và đa dạng loài được Dự án hỗ trợ, 100% diện tích rừng trồng tại xã Thanh Hối đều là rừng trồng cây bản địa hoặc hỗn giao cây bản địa với cây mọc nhanh (Keo).



Sustainable Natural Resource Management Project

Bảng 04: Tổng hợp các chỉ tiêu trồng rừng

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng		
			2017	2018	Tổng
1	Thống kê diện tích theo cơ cấu loài cây trồng rừng		113,40	33,01	146,41
1.1	Diện tích rừng trồng 100% cây bản địa	ha	18,89	2,72	22,61
1.2	Diện tích rừng trồng hỗn giao cây bản địa và cây keo	ha	94,51	29,29	123,8
2	Thống kê số hộ trồng rừng	hộ	148	41	189
3	Thống kê số lô trồng rừng theo diện tích lô	lô	241	45	286
1.1	Số lô trồng rừng có DT lô < 0,5 ha/lô (không thiết kế)	lô	157	29	186
2.2	Số lô trồng rừng có DT lô >= 0,5 ha/lô (có thiết kế)	lô	84	16	100
4	Thống kê theo loại rừng trồng	ha	113,4	33,01	146,41
4.1	Trồng rừng đại trà	ha	110	33,01	143,01
4.2	Trồng rừng Mô hình thâm canh	ha	2,4	0	2,4
4.3	Trồng rừng Mô hình Lâm sản ngoài gỗ	ha	1,0	0	1,0

d. Theo dõi và giám sát

• **Về tỷ lệ cây sống sau khi trồng**

Chưa có số liệu chính thức đánh giá tỷ lệ cây sống rừng trồng do Dự án hỗ trợ. Số liệu phỏng vấn hộ về tỷ lệ cây sống chỉ mang tính chất tham chiếu do người dân chỉ ước lượng tỷ lệ cây sống trên lô trồng rừng. Theo đó tỷ lệ cây sống bình quân đạt 85,40%.

Có sự khác biệt tương đối rõ rệt về tỷ lệ cây sống giữa các xóm có các hộ dân trồng rừng được phỏng vấn. Nhóm các xóm có tỷ lệ cây sống được người dân tự đánh giá thấp hơn 85% gồm: xóm Đông 2; xóm Bào 2 và xóm Tam 3 với tổng diện tích trồng rừng năm 2017 là 18,93 ha (chiếm 16,69% tổng diện tích trồng rừng do Dự án hỗ trợ trong năm



Sustainable Natural Resource Management Project

2017 tại xã Thanh Hối). Điều này phần nào phản ánh đúng thực tế về điều kiện tự nhiên của khu vực trồng rừng tại các xóm với những nguyên nhân sau: (1) Đối với xóm Đông 2, khu vực trồng rừng (đồi Na) có lập địa rất xấu, tầng đất mỏng, lầy đá; thời điểm trồng rừng ít mưa... (2) Đối với xóm Bào 2, khu vực trồng rừng (2,8 ha thuộc đồi Na/tổng 5,5 ha rừng trồng của xóm) có lập địa rất xấu, tầng đất mỏng, lầy đá... (3) Đối với xóm Tam 3, khu vực trồng rừng có lập địa xấu; Ban quản lý dự án xóm còn chưa tích cực trong việc chỉ đạo, đôn đốc các hộ dân trồng rừng.

- ***Về sinh trưởng của cây trồng rừng***

Kết quả phỏng vấn cho thấy có 85,42% số người được hỏi đánh giá sinh trưởng rừng trồng do Dự án hỗ trợ đạt mức độ tốt; 14,58% ở mức trung bình; so với rừng trồng không do Dự án hỗ trợ có 83,33% số người được hỏi đánh giá rừng trồng do Dự án hỗ trợ sinh trưởng tốt hơn; 16,67% đánh giá sinh trưởng như nhau. Đánh giá của người dân về sinh trưởng cây trồng cho thấy giống cây trồng rừng Dự án đã hỗ trợ có chất lượng tốt và được trồng, chăm sóc đúng thời vụ, đúng kỹ thuật.

- ***Về vị trí trồng cây bản địa trên lô trồng rừng***

Kết quả phỏng vấn cho thấy không có sự khác biệt quá lớn về tỷ lệ số hộ lựa chọn vị trí trồng cây bản địa trên lô trồng rừng. Thế đó, đối với trồng rừng phòng hộ đã tuân thủ quy định của nhà nước về trồng hỗn giao các loài cây trồng. Đối với trồng rừng sản xuất việc lựa chọn phương pháp hỗn loài theo đai (băng) trên đỉnh đồi hay dưới chân đồi; hỗn loài theo đám, hoặc theo ranh giới lô được xem như là một giải pháp kỹ thuật để giải quyết một số vấn đề khó khăn gặp phải khi người dân trồng rừng hỗn giao như kỹ thuật canh tác hạn chế nên ảnh hưởng đổ gãy cây bản địa khi khai thác cây mọc nhanh...

- ***Về mức độ chấp nhận cây bản địa trong trồng rừng***

Do được thúc đẩy bởi mục tiêu thu nhập trong ngắn hạn nên cơ cấu cây trồng rừng tại xã Thanh Hối thường tập trung chủ yếu vào các loài cây có chu kỳ ngắn như Keo. Việc tuyên truyền, thuyết phục người dân trồng xen cây bản địa nhằm kinh doanh rừng bền vững cả về môi trường lẫn kinh tế là rất khó khăn và cần một chuỗi các giải pháp đồng bộ. Dự án đã tiến hành song song nhiều giải pháp nhằm tăng tỷ lệ cây bản địa trong cơ cấu loài cây trồng rừng như Tuyên truyền cho người dân hiểu được lợi ích của trồng rừng bằng cây bản địa; tham quan; đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng; cho phép trồng hỗn giao theo hình thức linh hoạt theo đám, theo đai hay theo băng... đối với rừng sản xuất nhằm giảm độ khó về kỹ thuật trong trồng, chăm sóc và khai thác rừng. Kết quả giám sát cho thấy:

+ Về số lô trồng rừng: 100% lô trồng rừng có trồng cây bản địa, trong đó có 43,15% số lô trồng toàn bộ là cây bản địa; 56,85% số lô trồng hỗn giao cây bản địa với các loài cây



Sustainable Natural Resource Management Project

mọc nhanh khác (Keo).

+ Về diện tích trồng rừng: 100% diện tích trồng rừng có trồng cây bản địa, trong đó có 15,45% diện tích trồng toàn bộ là cây bản địa; 84,55% diện tích trồng hỗn giao cây bản địa với các loài cây mọc nhanh khác (Keo)¹⁸.

+ Về số hộ trồng rừng: Số hộ thích trồng cây bản địa và trồng hỗn giao cây bản địa với cây Keo chiếm 70,84%; Số hộ trồng cây bản địa cũng được, không trồng cũng được chiếm 14,58%; Số hộ trồng cây bản địa do Dự án khuyến khích chiếm 14,58% so với tổng số 48 hộ được hỏi¹⁹.

Giá trị các chỉ tiêu đánh giá nêu trên phần nào cho thấy hiệu quả của Dự án đem lại trong việc làm thay đổi nhận thức của người dân về trồng cây bản địa. Tuy nhiên, đây là một vấn đề chịu ảnh hưởng rất nhiều từ hoàn cảnh khách quan (tự nhiên, kinh tế, xã hội...), khó thay đổi hoàn toàn trong ngắn hạn. Nên việc thay đổi nhận thức cũng như tập quán canh tác của người dân về trồng rừng bằng cây bản địa cần được thực hiện liên tục bằng nhiều giải pháp đồng bộ.

Bảng 05: Các chỉ số giám sát thực hiện hoạt động trồng rừng

STT	Chỉ số giám sát	ĐVT	Số lượng
1	Tỷ lệ cây sống trung bình ²⁰	%	85,40
2	Tăng trưởng của cây trồng so với rừng trồng ngoài dự án ²¹		
	<i>Tốt hơn</i>	%	83,33
	<i>Như nhau</i>	%	16,67
	<i>Kém hơn</i>	%	0,00
3	Vị trí các loại cây bản địa được trồng ²²		
	<i>Trồng xen hàng cách hàng, hoặc cây cách cây</i>	%	43,75
	<i>Trồng theo đai dưới chân đồi</i>	%	16,67
	<i>Trồng theo đai trên đỉnh đồi</i>	%	18,75

¹⁸ Số liệu hệ thống giám sát dự án năm 2017

¹⁹ Kết quả phỏng vấn hộ gia đình trồng rừng dự án tháng 12/2017.

²⁰ Kết quả phỏng vấn hộ gia đình trồng rừng dự án tháng 12/2017.

²¹ Kết quả phỏng vấn hộ gia đình trồng rừng dự án tháng 12/2017.

²² Kết quả phỏng vấn hộ gia đình trồng rừng dự án tháng 12/2017.



Sustainable Natural Resource Management Project

	<i>Trồng theo đường ranh giới lô</i>	%	20,83
4	Mức độ chấp nhận cây bản địa của người dân địa phương		
	<i>Thích trồng cây bản địa</i>	%	70,83
	<i>Trồng cũng được, không trồng cũng được</i>	%	14,58
	<i>Do Dự án khuyến khích nên mới trồng</i>	%	14,58
5	Đóng góp cho Quỹ xóm (29.325.000 đồng/448.310.000 đồng tổng Quỹ xóm) ²³	%	6,5

e. Những vấn đề gặp phải và giải pháp

Dự án đã gặp không ít những thách thức khi thúc đẩy trồng và kinh doanh rừng một cách bền vững, cả về mục tiêu kinh tế cũng như mục tiêu môi trường, thông qua khuyến khích trồng cây gỗ lâu năm hoặc trồng rừng hỗn loài giữa cây gỗ lâu năm và cây mọc nhanh. Tuy nhiên, bằng phương pháp tiếp cận phù hợp thông qua phân tích lợi ích của trồng cây gỗ lớn, khuyến khích và thúc đẩy người dân các vấn đề gặp phải đã được giải quyết một cách thuyết phục.

Bảng 06: Vấn đề gặp phải và giải pháp đã áp dụng

VẤN ĐỀ	GIẢI PHÁP
Thói quen trồng rừng với mức độ thâm canh thấp, ít đầu tư (không bón phân, ít chăm sóc)	Tuyên truyền, tập huấn, thăm quan, xây dựng mô hình.
Thói quen trồng rừng sản xuất bằng 100% cây keo chu kỳ ngắn, lấy gỗ nguyên liệu	- Truyền thông, thăm quan, tập huấn về trồng rừng hỗn giao cây bản địa, trồng rừng luân kỳ dài lấy gỗ lớn. - Yêu cầu trồng tối thiểu 20-30% cây bản địa như là một tiêu chí để được nhận hỗ trợ từ Dự án. - Không phải đóng góp quỹ xóm cho phần cây bản địa. - Hỗ trợ phát triển các hoạt động sinh kế như nuôi ong, bếp cải tiến...
Một số khu vực đất xấu, trồng keo đến 2 năm tuổi thì chết dần	Kiểm tra lập địa, tư vấn cho hộ dân chọn loài cây phù hợp (bản địa) để trồng rừng.
Trồng rừng hỗn giao đòi hỏi kỹ	- Cho phép trồng hỗn giao cây bản địa một cách

²³ Số liệu hệ thống giám sát dự án năm 2018



Sustainable Natural Resource Management Project

thuật cao trong trồng, chăm sóc, khai thác rừng.	linh hoạt theo đám, theo đai hay theo băng... đối với rừng sản xuất nhằm giảm độ khó về kỹ thuật trong trồng, chăm sóc và khai thác rừng. - Tập huấn kỹ thuật cho người trồng rừng.
--	--

f. Bài học kinh nghiệm

- Để thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn cần có sự phân tích, thuyết phục và thúc đẩy người dân để họ thấy được những lợi ích lâu dài của trồng và kinh doanh rừng bền vững qua đó tự nguyện áp dụng. Bên cạnh đó, cũng cần xây dựng cơ chế để khuyến khích người dân như trồng cây bản địa không phải đóng góp vào Quỹ xóm, linh hoạt về phương pháp trồng hỗn giao, được ưu tiên hưởng lợi từ các hoạt động khác của Dự án. Bài học quan trọng nhất rút ra sau khi thực hiện hoạt động này đó là phải thảo luận một cách dân chủ để đi đến đồng thuận trong cộng đồng, tránh áp đặt từ bên ngoài và duy ý chí.
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ các hộ gia đình trong quá trình trồng và chăm sóc rừng để đảm bảo hoạt động trồng rừng được tuân thủ theo đúng thiết kế kỹ thuật và kế hoạch đề ra.

4. Xây dựng bản đồ lưu vực rừng đầu nguồn

a. Giới thiệu

Tại xã Thanh Hối rừng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ nguồn nước tưới dành cho sản xuất cũng như nước sinh hoạt của người dân. Hầu hết nước dành cho sản xuất nông nghiệp và dành cho sản xuất được cung cấp từ các khu vực rừng đầu nguồn. Trong những năm gần đây, việc bảo vệ rừng nói chung và bảo vệ rừng đầu nguồn nói riêng gặp không ít những thách thức do việc khai thác rừng trái phép, xâm lấn đất rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng trái phép. Những hoạt động này tạo ra nhiều sức ép và đe dọa đến các khu vực rừng đầu nguồn xung yếu của địa phương. Do vậy, Dự án đã hỗ trợ để xây dựng bản đồ các khu vực rừng đầu nguồn nước, qua đó để quản lý và bảo vệ có hiệu hơn các khu vực rừng này và tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ rừng đầu nguồn.

b. Bối cảnh

Thông tư số 60/2012/TT-BNNPTNT ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2012 đã nêu rõ lưu vực là một vùng diện tích tự nhiên được giới hạn bởi đường phân thủy đón nhận nước rơi và hội tụ về một dòng sông, suối, đầm, hồ, được xác định bởi đường ranh giới khép kín theo đường phân thủy từ điểm đầu ra của lưu vực; trong mỗi lưu vực có thể bao gồm nhiều lưu vực nhỏ hơn gọi là tiểu lưu vực. Việc xác định được các lưu vực ưu tiên, cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất cho người dân địa phương là hết sức có ý nghĩa. Để xác



Sustainable Natural Resource Management Project

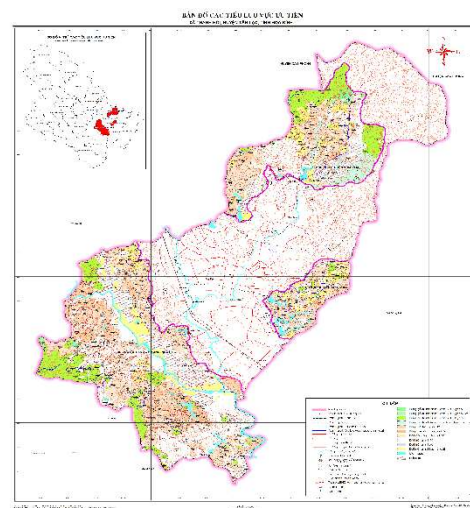
định được lưu vực ưu tiên, cần thực hiện một số công việc sau: (1) Xác định vị trí địa lý các điểm đầu ra có vai trò quan trọng trong cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất, (2) Phân định ranh giới lưu vực của các điểm đầu ra dựa trên mô hình số độ cao, (3) Hoàn thiện và xây dựng hệ thống bản đồ và dữ liệu.

Xã Thanh Hối là một xã nông thôn miền núi, nền kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi. Thanh Hối chưa có hệ thống nước sạch, phần lớn người dân phải sử dụng nước từ các mỏ nước tại các con suối để làm nước phục vụ sinh hoạt. Nước phục vụ sản xuất nông nghiệp tại xã chủ yếu lấy từ hệ thống 9 chứa hồ nước lớn được cung cấp nước bởi các khu vực rừng đầu nguồn nằm trong lưu vực các hồ chứa.

Trong bối cảnh tình trạng biến đổi khí hậu đang diễn ra hết sức phức tạp. Tình hình hạn hán xảy ra thường xuyên vào mùa khô với mức độ ngày càng nghiêm trọng. Nhu cầu sử dụng đất cho sản xuất nông nghiệp và trồng trọt đang tạo nên một sức ép lớn khiến cho diện tích đất lâm nghiệp ngày càng bị thu hẹp, ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Vì vậy, vấn đề bảo vệ nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất là một vấn đề cực kỳ quan trọng đối với đời sống người dân tại xã Thanh Hối. Để giúp người dân và chính quyền địa phương nhận thức được sự cần thiết của việc bảo vệ rừng trên các lưu vực ưu tiên; nhận biết những khu vực rừng thuộc diện cần bảo vệ và phát triển tốt để cung cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất; từ đó sử dụng các nguồn nhân lực hợp lý, hiệu quả để đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng.

c. Các hoạt động đã thực hiện

Việc xây dựng bản đồ rừng đầu nguồn được thực hiện theo phương pháp có sự tham gia của tất cả các bên liên quan từ chính quyền địa phương, đến các xóm và người dân. Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng bản đồ rừng đầu nguồn là rất qua trọng quan trọng, nó vừa phản ánh nhu cầu và sự cần thiết của việc xây dựng bản đồ rừng đầu nguồn vừa đảm bảo tính dân chủ vừa xác định vai trò làm chủ của chính quyền và cộng đồng đối với hoạt động này, Dự án chỉ đóng vai trò thúc đẩy và hỗ trợ. Các cuộc họp tham vấn với các bên liên



Ảnh 5: Bản đồ các lưu vực chính xã Thanh Hối.

quan như cán bộ kiểm lâm địa bàn, cán bộ địa chính xã, trưởng xóm và lãnh đạo UBND xã... đã được tổ chức để lập kế hoạch thực hiện, thu thập thông tin cần thiết, lấy ý kiến góp ý. Bên cạnh đó, việc thu thập thông tin và số liệu trên thực địa cũng được thực hiện



Sustainable Natural Resource Management Project

để đảm bảo tính chính xác. Kết quả, bản đồ của 3 khu vực rừng đầu nguồn xung yếu đã được xây dựng.

d. Theo dõi và giám sát

Bảng 07: Chỉ số giám sát quá trình thực hiện

Stt	Chỉ số	Kết quả
1	Điểm đầu ra (mó nước sinh hoạt và các hồ đập cung cấp nước cho sản xuất)	20 mó nước sinh hoạt và 14 hồ đập
2	Diện tích lưu vực	1.892,67 ha
	<i>Lưu vực 1: Xóm Tam</i>	<i>792,51 ha</i>
	<i>Lưu vực 2: Xóm Đông</i>	<i>141,32 ha</i>
	<i>Lưu vực 3: Xóm Sung và Nhót</i>	<i>958,84 ha</i>
3	Hệ thống bản đồ khu vực rừng đầu nguồn	4 bản đồ lưu vực (bản đồ các lưu vực chung toàn xã, bản đồ lưu vực 1, bản đồ lưu vực 2, bản đồ lưu vực 3)

e. Những vấn đề gặp phải và giải pháp đã áp dụng

Nhận thức của người dân và các bên liên quan về tầm quan trọng của rừng đầu nguồn đối với bảo vệ nguồn nước cho sinh hoạt và sản xuất còn khá mơ hồ, rất khó để người dân hiểu và nhận thức được mối quan hệ giữa diện tích rừng và chất lượng rừng với khả năng bảo vệ nguồn nước. Do vậy, làm cho bên liên quan thấy rõ được tầm quan trọng của của bảo vệ khu vực rừng đầu nguồn và chuyển biến từ nhận thức đến những hành động cụ thể là một thách thức không nhỏ. Để từng bước nâng cao nhận thức cho người dân về việc bảo vệ rừng đầu nguồn, Dự án sẽ tổ chức tuyên truyền cho người dân thông qua việc xuất bản các bản đồ của các khu vực rừng đầu nguồn để treo ở những nơi công cộng và giải thích cho người dân hiểu được nội dung các bản đồ này.

f. Bài học kinh nghiệm

Đảm bảo sự tham gia của chính quyền địa phương và các bên liên quan ngay từ quá trình khởi sướng đến lập kế hoạch và thực hiện xây dựng bản đồ rừng đầu nguồn là yếu tố quan trọng để đưa kết quả của hoạt động vào áp dụng. Sự nhận thức mơ hồ của các bên liên quan về sự cần thiết phải xây dựng bản đồ rừng đầu nguồn sẽ dẫn đến tác động không như mong đợi đến công tác quản lý và bảo vệ các khu vực rừng đầu nguồn một cách hiệu



Sustainable Natural Resource Management Project

qua và bền vững.

5. Hỗ trợ trồng rau

a. Giới thiệu

Hoạt động hỗ trợ trồng rau hướng đến mục tiêu đa dạng hóa và nâng cao thu nhập cho hộ gia đình đồng thời góp phần vào giảm phụ thuộc kinh tế hộ vào nguồn thu từ rừng. Dự án đã thực hiện các hoạt động thúc đẩy và hỗ trợ việc trồng và kinh doanh rau tại xã Thanh Hối với 3 xóm tham gia là xóm Bào 2, Sung 1 và Sung 2. Những xóm này có truyền thống canh tác rau theo hướng sản xuất hàng hóa và có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai. Các hoạt động hỗ trợ của Dự án bao gồm hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ giống và vật tư, hỗ trợ thông tin tiếp cận thị trường.

b. Bối cảnh

Thu nhập từ ngành trồng trọt của người dân tại xã Thanh Hối chủ yếu tập trung vào một số cây trồng chủ lực như lúa, bưởi, mía, rau. Trong đó, lúa là cây trồng đảm bảo nguồn an ninh lương thực, mía là cây mang lại thu nhập hàng năm đáng kể cho người dân. Thời gian từ khi trồng cho tới khi thu hoạch mía khoảng 1 năm và yêu cầu đầu tư lớn về phân bón, công chăm sóc và giá bán mía thương phẩm phụ thuộc nhiều vào thương lái. Bưởi là cây trồng mang lại thu nhập đáng kể cho người dân. Tuy nhiên, thời gian từ lúc trồng tới khi cho lần thu hoạch đầu tiên khoảng 4 năm với yêu cầu đầu tư lớn về đầu vào và công chăm sóc. Do đó, nguồn thu nhập từ hoạt động trồng rau là nguồn thu đặc biệt có ý nghĩa trong thời gian giáp vụ với mức đầu tư đầu vào thấp và mang lại thu nhập trong thời gian ngắn (từ 30 ngày sau gieo hạt).

Do gần các thị trường tiêu thụ lớn như Thành phố Hòa Bình, Hà Nội do vậy sản xuất rau theo hướng hàng hóa là một thế mạnh của địa phương. Để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động sản xuất rau tại xã Thanh Hối, lâu nay đã có nhiều đơn vị hay các chương trình, dự án đầu tư vào sản xuất rau như Dự án P-SARD, Chương trình phát triển nghề trồng rau thuộc Sở NN & PTNT tỉnh Hòa Bình, Trạm BVTV huyện Tân Lạc. Năm 2016, Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ và Tổ chức Phát triển nông nghiệp ADDA đã triển khai Dự án “Tăng cường khung sản xuất và thị trường cho sản phẩm nông nghiệp hữu cơ phía Bắc Việt Nam”. Dự án có thời gian thực hiện từ năm 2016 – 2018 với mục tiêu đầu ra của dự án là xây dựng mô hình nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và nông dân tham gia dự án về quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, quản lý hoạt động theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao đời sống người dân, bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường. Dự án này đã giúp người trồng rau ở các xóm Sung 1 và Sung 2 xây dựng tổ hợp tác trồng rau củ quả nhóm Sung với tổng số 73 thành viên. Ngoài ra dự án này cũng đã phối hợp với tổ hợp tác trồng rau của xóm Sung tổ chức 1 khóa tập huấn kỹ thuật canh tác theo



Sustainable Natural Resource Management Project

hướng hữu cơ cho 30 hộ tiêu biểu trong nhóm và 1 hội nghị đầu bờ với sự tham gia của các hộ trong tổ hợp tác và một số chuyên gia về rau. Tuy nhiên, các hoạt động của dự án “Tăng cường khung sản xuất và thị trường cho sản phẩm nông nghiệp hữu cơ phía Bắc Việt Nam” chỉ tập trung vào khâu hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng tổ nhóm sản xuất, khâu phát triển thị trường hiện nay chưa được chú trọng đầu tư đúng mức²⁴. Bên cạnh đó, các hộ trồng rau của xóm Sung còn nhận được các khóa tập huấn kỹ thuật canh tác trong khuôn khổ các chương trình hỗ trợ trồng rau từ trạm BVTV huyện Tân Lạc. Tuy nhiên, hoạt động hỗ trợ mới chỉ dừng lại ở khâu tập huấn kỹ thuật cho người dân. Ngoài ra, Chương trình hỗ trợ ngành hàng rau của Sở NN & PTNT tỉnh Hòa Bình cũng đã được thực hiện tại xã Thanh Hối với hoạt động hỗ trợ hạt giống cho người dân, tuy nhiên, số lượng hạt giống ít và loại giống không phù hợp với yêu cầu của người dân.

Mặc dù việc sản xuất rau tại xã Thanh Hối đã có nhiều thay đổi tích cực trong những năm gần đây, tuy nhiên, sản phẩm rau tại xã Thanh Hối chưa được cấp chứng chỉ PGS (Participatory Guarantee System) do vùng sản xuất phải được kiểm nghiệm về chất lượng đất và nước. Nên sản phẩm rau sạch tại xã Thanh Hối vẫn chưa được nhiều người biết đến, thị trường tiêu thụ chỉ trong phạm vi huyện và tại các chợ xã, chợ huyện là chủ yếu. Việc chăm sóc rau hữu cơ mất nhiều thời gian hơn so với canh tác rau truyền thống, nhưng sản phẩm rau hữu cơ được bán lẫn lộn với các sản phẩm rau tại các chợ phiên, chợ cóc với giá thành sản phẩm bằng với rau sản xuất truyền thống. Giá thành sản phẩm không tương xứng chất lượng sản phẩm rau sạch và công sức bỏ ra dẫn tới tổ hợp tác sản xuất rau an toàn xóm Sung đã quay trở lại sản xuất sản phẩm theo hướng truyền thống¹.

Thực tế cho thấy, những hỗ trợ từ các chương trình và dự án được thực hiện riêng lẻ, không có sự phối hợp và lồng ghép với nhau dẫn tới việc chồng chéo trong thực hiện và kết quả mang lại không như mong đợi. Do đó, Dự án đã xây dựng và thực hiện một chuỗi các hoạt động có tính toàn diện và bao trùm để hỗ trợ hoạt động sản xuất rau tại xã Thanh Hối bao gồm cải thiện kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ giống và vật tư sản xuất, và thúc đẩy tiếp cận thị trường tiêu thụ.

¹ <http://baohoabinh.com.vn/PrintPreview/56816>

²⁴ <http://www.adda.vn/index.php/vi/tin-tuc/ban-tin1/313-hiep-hoi-nong-nghiep-huu-co-va-to-chuc-adda-tham-mo-hinh-rau-huu-co-tai-luong-son-tan-lac>



Sustainable Natural Resource Management Project

Bảng 08: Mùa vụ một số loại cây trồng chính tại xã Thanh Hối

Stt	Loại cây trồng	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
1	Lúa	Làm đất, gieo mạ cấy		Chăm		Thu hoạch – gieo mạ	Làm đất – cấy	Chăm sóc			Thu hoạch		
2	Mía	Thu hoạch	Làm đất – trồng	Chăm sóc							Thu hoạch rải rác		
3	Rau	Làm đất, trồng, chăm sóc, thu hoạch			Sản xuất rau phục vụ nhu cầu gia đình						Làm đất, trồng, chăm sóc, thu hoạch		
4	Bưởi	Chăm sóc									Thu hoạch		

(Nguồn: Kết quả khảo sát kinh tế xã hội xã Thanh Hối, 2016)



Sustainable Natural Resource Management Project

c. Các hoạt động đã thực hiện

• *Hỗ trợ kỹ thuật*

Dự án đã tổ chức một khóa tập huấn kỹ thuật trồng rau cho các nông dân nông cốt nhằm cải thiện và nâng cao kỹ thuật canh tác rau theo hướng an toàn với 80 nông dân tham gia, từ đó tạo tiền đề để nâng cao giá trị sản phẩm rau so với giá trị rau đang được bán tại các chợ và thương lái. Cán bộ từ Trạm Bảo vệ thực vật huyện Tân Lạc – đơn vị chuyển giao kỹ thuật canh tác - được mời làm giảng viên tập huấn kỹ thuật canh tác rau vụ xuân hè cho các hộ trồng rau. Nội dung khóa tập huấn bao gồm cả lý thuyết và thực hành trên đồng ruộng. Hộ trồng rau được hướng dẫn kỹ thuật canh tác một số loại rau phổ biến, sử dụng thuốc BVTV đúng kỹ thuật và thực hành chuẩn bị đất,



Ảnh 6: Tập huấn kỹ thuật trồng rau cho người

bón phân và gieo hạt rau. Hộ canh tác rau đồng thời được hướng dẫn kỹ thuật sử dụng màng phủ nông nghiệp che phủ mặt luống cho một số loại rau ăn quả như bí xanh, dưa chuột, cà tím... nhằm mục tiêu giảm công lao động như làm cỏ, bón phân và hạn chế một số loại sâu bệnh hại từ đó giảm lượng thuốc BVTV và chi phí đầu vào.

• *Hỗ trợ giống vật tư*

Sau khi được tập huấn về kỹ thuật canh tác rau, Dự án đã cung cấp giống rau và màng phủ nông nghiệp cho hộ gia đình. Giống rau được cấp cho bà con với cơ cấu giống rau vụ hè bao gồm: rau muống, đậu đũa, bí xanh, và 2 loại rau trái vụ cải ngọt, cải ngồng; giống rau vụ đông bao gồm: Cải bắp, su hào và súp lơ xanh. Giống rau được mua từ các nhà cung cấp có uy tín, hạt giống nhập khẩu nhằm tạo thói quen sử dụng hạt giống chất lượng phục vụ sản xuất như cải bắp – hạt giống F1 nhập khẩu từ Nhật, su hào và súp lơ xanh – hạt giống F1 nhập khẩu từ Hàn Quốc. Số hộ trồng rau đã được cấp giống rau vụ hè và vụ đông là 80 hộ với tổng khối lượng rau đã cấp là 20,52 kg hạt giống. Lượng giống rau Dự án cung cấp cho các hộ gia đình trong năm 2017 trung bình khoảng 241,5g/hộ. Song song với cấp giống rau, Dự án cũng đã hỗ trợ màng phủ nông nghiệp cho bà con có nhu cầu (tổng số 550kg). Sử dụng màng phủ nông nghiệp trong sản xuất rau an toàn nhằm tiết kiệm thời gian tưới nước, làm cỏ, phòng trừ sâu bệnh và tăng năng suất cây trồng thông qua tăng cường khả năng quang hợp của cây. Hộ nhận màng phủ đã đóng góp trở lại Quỹ xóm với mức tương đương 100.000 VNĐ/10 - 12 kg màng phủ nông nghiệp/hộ (tương ứng 17% giá trị màng phủ nông nghiệp), mỗi hộ chỉ được nhận hỗ trợ màng phủ



Sustainable Natural Resource Management Project

1 lần. Việc đóng góp lại Quỹ xóm nhằm tăng trách nhiệm của hộ với vật tư được hỗ trợ và tạo nguồn quỹ sẵn có tại địa phương hỗ trợ hoạt động bảo vệ rừng và các hoạt động phát triển sinh kế.

Bảng 09: Tổng hợp hỗ trợ vật tư trồng rau cho các hộ

Stt	Tên xóm	Tổng số hộ nhận hỗ trợ	Khối lượng vật tư đã cấp (kg)			Số tiền đóng góp vào Quỹ xóm (VND)
			Vụ hè	Vụ đông	Tổng	
1	Bào 2	4	40	0	40	400.000
2	Sung 1	16	70	108	178	1.600.000
3	Sung 2	29	80	252	332	2.900.000
	Tổng	49	190	360	550	4.900.000

- **Hỗ trợ tiếp cận thị trường**

Một chuyến tham quan học hỏi kinh nghiệm về tổ chức sản xuất và tiếp cận thị trường tiêu thụ đã được tổ chức cho các hộ nông dân trồng rau nòng cốt tại xã Thanh Hải. Qua chuyến tham quan này, các hộ nông dân nòng cốt đã có cơ hội tìm hiểu về việc làm thế nào để tổ chức sản xuất nhằm tạo ra được các sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của thị trường, cách thức tổ chức kiểm soát chất lượng sản phẩm, cách thức tổ chức tiêu thụ sản phẩm... Những thông tin thu thập và học hỏi được từ chuyến tham quan có ý nghĩa hết quan trọng giúp các hộ nông dân sản xuất được các sản phẩm mà thị trường đang có nhu cầu và tối đa hóa lợi nhuận thu được từ sản xuất rau.

d. Theo dõi và giám sát

Các hoạt động theo dõi đánh giá được tiến hành theo từng giai đoạn phát triển của cây rau. Thông tin về tình hình sản xuất và tiêu thụ rau hộ gia đình và thị trường tiêu thụ cho rau được thu thập thông qua phiếu điều tra và phỏng vấn sâu hộ gia đình, cán bộ khuyến nông. Qua khảo sát cho thấy, tỷ lệ nảy mầm của hạt rau do Dự án cung cấp khoảng trên 90%, tuy nhiên do một số hộ gieo rau vào thời điểm mưa nhiều dẫn tới việc một số hạt rau bị rửa trôi, cây con bị dập nát và không thể sử dụng được. Theo khảo sát điều tra tình hình sử dụng màng phủ nông nghiệp, hộ trồng rau chủ yếu sử dụng màng phủ cho các loại rau ăn quả có giá trị kinh tế cao như bí xanh, mướp đắng, dưa chuột... Theo đánh giá của các hộ, sử dụng màng phủ nông nghiệp tiết kiệm công làm cỏ, tưới nước, vườn rau ít sâu bệnh hại hơn so với trồng rau không dùng màng phủ.



Sustainable Natural Resource Management Project

e. Những vấn đề gặp phải và giải pháp

Thời gian thực hiện hoạt động vụ xuân hè muộn hơn so với thời vụ trồng rau của bà con do quá trình lập kế hoạch thực hiện và phê duyệt hoạt động năm 2017 tiến hành vào cuối năm 2016. Do đó, diện tích đất trồng rau đã được sử dụng cho cây trồng khác như lúa, ngô... Rút kinh nghiệm từ xuân hè, Dự án đã chủ động cung cấp giống rau sớm vào vụ đông để kịp thời vụ gieo trồng của bà con và đón vụ rau sớm nhằm có giá bán rau cao hơn chính vụ.

f. Bài học kinh nghiệm

Trong quá trình thực hiện các hoạt động của Dự án tại địa phương, cán bộ dự án cần phối hợp chặt chẽ với Cán bộ khuyến nông cấp xã, Ban QLDA xóm trong việc tìm hiểu thông tin về các dự án khác đang thực hiện trên địa bàn để có cơ chế phối hợp cho phù hợp với nhu cầu của người dân. Thực tế từ hoạt động trồng rau tại xã Thanh Hối cho thấy, từ năm 2009, có nhiều dự án hỗ trợ trồng rau đã được thực hiện. Tuy nhiên, hầu hết các dự án chỉ tập trung vào hỗ trợ đầu vào (hạt giống rau) và hỗ trợ kỹ thuật mà chưa chú trọng vào việc khuyến khích các hộ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất rau và chưa chú trọng đến khâu tiếp cận thị trường cho sản phẩm. Dự án chỉ thực hiện một khóa tập huấn kỹ thuật canh tác rau vụ xuân hè cho bà con và không thực hiện tập huấn kỹ thuật canh tác rau vụ đông, hoạt động hỗ trợ đầu vào vẫn tiếp tục được thực hiện trong cả hai vụ; đồng thời thực hiện điều chỉnh hoạt động hỗ trợ canh tác rau cho năm 2018 – tập trung vào mục tiêu tiếp cận thị trường mà không hỗ trợ kỹ thuật và đầu vào.

6. Hỗ trợ trồng cây ăn quả

a. Giới thiệu

Cây ăn quả là một trong những thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của xã Thanh Hối, trong đó bưởi là cây ăn quả được trồng phổ biến nhất hiện nay tại địa phương. Tuy nhiên, do được thúc đẩy bởi thị trường trong ngắn hạn nên việc nên việc trồng bưởi đang được bùng phát một cách thiếu kiểm soát dẫn đến nhiều hệ lụy như tự chuyển đổi đất lâm nghiệp sang trồng bưởi, ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật đến sức khỏe con người và môi trường, thiếu kỹ thuật trồng và chăm sóc, rủi ro về thị trường tiêu thụ... Nhằm góp phần cải thiện những vấn đề nêu trên bên cạnh việc cải thiện kỹ thuật trồng bưởi cho người dân, Dự án đã hỗ trợ phát triển các cây ăn quả khác tại địa phương qua đó đa dạng hóa các loại cây ăn quả, giảm thiểu rủi ro cho việc độc canh cây bưởi.

c. Bối cảnh

Bưởi là cây trồng có diện tích tăng mạnh trong 5 năm trở lại đây tại Thanh Hối, tuy nhiên, kỹ thuật canh tác bưởi của người dân trong xã Thanh Hối chủ yếu là dựa theo kinh nghiệm trồng trọt của bản thân và học hỏi từ các hộ gia đình khác. Việc thiếu kinh nghiệm trong



Sustainable Natural Resource Management Project

canh tác đặc biệt trong khâu quản lý vườn như tạo tán, tỉa cành, xử lý ra hoa và chẩn đoán sâu bệnh hại dẫn tới việc sử dụng thuốc BVTV tràn lan và không tuân theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Bên cạnh đó, giống bưởi tại Thanh Hối chủ yếu do người dân tự sản xuất. Chiết cành đang là phương pháp nhân giống phổ biến và được các hộ áp dụng rộng rãi vì những lợi thế như giá rẻ, dễ thực hiện và có thể tận dụng nguồn cây giống tại nhà. Tuy nhiên, đa số hộ gia đình tiến hành chiết cành khi cây còn quá nhỏ (chiết cành từ cây 2 – 3 năm tuổi) và cây chưa ổn định về phẩm chất quả dẫn tới chất lượng bưởi không đồng nhất. Nhân giống thông qua ghép mắt là phương pháp mang lại nguồn cây giống chất lượng cao nhưng không được áp dụng và do hộ chưa biết kỹ thuật ghép.

Bên cạnh đó, việc diện tích đất nông nghiệp được chuyển đổi sang trồng bưởi tăng lên nhiều trong những năm gần đây đặt ra vấn đề đa dạng hóa cây ăn quả nhằm đa dạng hóa nguồn thu nhập, giảm rủi ro do phụ thuộc vào cây bưởi. Ngoài ra, việc đa dạng hóa cây ăn quả còn ý nghĩa trong việc hạn chế rủi ro do mất mùa do thiên tai, thời tiết và sâu bệnh hại. Việc chọn lựa giống cây ăn quả đưa vào địa phương cần dựa trên một số yếu tố như phù hợp với điều kiện tự nhiên địa phương, phù hợp với kinh nghiệm địa phương, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và có tiềm năng về thị trường tiêu thụ.

c. Các hoạt động đã thực hiện

- **Hỗ trợ kỹ thuật**

Dự án đã thực hiện việc cải thiện kỹ thuật trồng cây ăn quả cho nông dân thông qua các lớp tập huấn kỹ thuật được thực hiện bởi những giảng viên có chuyên môn và giàu kinh nghiệm.

Do kỹ thuật trồng và chăm sóc bưởi của người dân còn có rất nhiều hạn chế, do đó họ có nhu cầu rất lớn về cải thiện và nâng cao kỹ thuật trồng và chăm sóc bưởi. Để đáp ứng nhu cầu



Ảnh 7: Tập huấn cho người dân về kỹ thuật trồng bưởi

thiết thực nêu trên, Dự án đã tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng và chăm sóc bưởi cho người dân tại xã Thanh Hối. Nội dung các lớp tập huấn này tập trung vào (1) Kỹ năng và phương pháp về trồng và chăm sóc bưởi (trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại, thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch...) và (2) Kiến thức về sử dụng thuốc trừ sâu để phòng trừ sâu bệnh trên cây bưởi đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, đúng danh mục thuốc trừ sâu được phép sử dụng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Với mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu nhập cho người dân và dựa trên nhu cầu các hộ gia



Sustainable Natural Resource Management Project

đình tại xã Thanh Hối, Dự án SNRM tiến hành hỗ trợ giống cây ăn quả bao gồm giống nhãn chín sớm (cây ghép), giống na Thái (cây ghép), giống táo Đài Loan (cây ghép), giống mít Thái (cây ghép) và mít Tô Nữ (cây nhân từ hạt). Tuy nhiên, kỹ thuật trồng cây ăn quả tại Thanh Hối chủ yếu dựa trên kinh nghiệm hộ gia đình và còn có rất nhiều hạn chế, đặc biệt là việc quản lý vườn cây ăn quả từ cây ghép. Do đó, Dự án đã tổ chức lớp tập huấn kỹ thuật trồng cây ăn quả cho người dân nhằm cải thiện và nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ăn quả và đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân. Nội dung các lớp tập huấn này tập trung vào (1) Cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ thuật trồng cây ăn quả, bao gồm kỹ thuật chuẩn bị đất (đào hố, bón phân...), kỹ thuật trồng cây ăn quả trên đất dốc, (bao gồm độc canh và trồng xen với cây ăn quả khác), kỹ thuật thiết kế vườn, kỹ thuật trồng.... (2) Cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ thuật chăm sóc cây ăn quả sau khi trồng (bao gồm cả cây ghép và cây thực sinh) như bón phân, làm cỏ, tỉa cành.... (3) Cung cấp cho học viên thông tin về một số loại sâu bệnh hại chính trên cây ăn quả như nhãn chín sớm, na Thái, táo Đài Loan và mít; và phương pháp phòng trừ sâu bệnh hại cho cây ăn quả trong giai đoạn thiết kế cơ bản.

- **Hỗ trợ giống cây ăn quả**

Đề đa dạng hóa các loại cây ăn quả, Dự án đã cung cấp nhiều giống cây ăn quả vừa phù hợp với điều kiện đất đai của đại phương vừa có tiềm năng về thị trường tiêu thụ. Để đảm bảo sự hỗ trợ của Dự án phù hợp với nhu cầu của người dân, các giống cây ăn quả được hộ dân đề xuất và lựa chọn thông qua các cuộc họp xóm lập kế hoạch hoạt động trong năm 2018. Bên cạnh việc kỳ vọng mang lại thu nhập trực tiếp từ việc bán các loại quả, đa dạng hóa các loài cây ăn quả còn được kỳ vọng sẽ cung cấp nguồn thức ăn cho hoạt động nuôi ong mà Dự án đang thúc đẩy và hỗ trợ tại địa phương. Các giống cây ăn quả được người dân lựa chọn bao gồm Nhãn chín sớm, Na Thái Lan, Táo Đài Loan, Mít Thái Lan. Để đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của hoạt động này, Dự án đã thảo luận và thống nhất với người dân một số tiêu chí để nhận được sự hỗ trợ từ Dự án đó là (1) Các hộ nhận cây giống từ Dự án phải đóng góp tối thiểu 30% giá trị mua cây giống vào Quỹ xóm; (2) Định mức hỗ trợ của Dự án là từ 5-20 cây giống/hộ gia đình; (3) Các hộ không được trồng các loại cây ăn quả mà Dự án hỗ trợ trên đất lâm nghiệp. Dự án đã cung cấp 5.947 cây giống cây ăn quả các loại cho 250 hộ gia đình.

d. Theo dõi và giám sát

Tổng số lượng học viên tham gia tập huấn về kỹ thuật trồng bưởi là 112 học viên, trong đó hộ dân là 108 hộ, còn lại là các cán bộ khuyến nông xã và huyện. Các học viên đã tự đánh giá kết quả trước và sau tập huấn theo mẫu phiếu hỏi đưa ra 15 vấn đề về trồng, chăm sóc cây bưởi. Kết quả khảo sát cho thấy, các học viên đã nắm được 15 vấn đề này ở mức rất tốt đến mức tốt đạt tỷ lệ 8%, mức tốt đến đạt là 88%, mức đạt đến chưa đạt là



Sustainable Natural Resource Management Project

4% và học viên có thể tự thao tác được các kỹ thuật, kỹ năng đã được tập huấn. Theo kết quả khảo sát một số hộ sau khóa tập huấn kỹ thuật trồng bưởi cho thấy, một số hộ đã áp dụng các kỹ thuật học được từ lớp tập huấn vào thực tế như kỹ thuật ghép quả, kỹ thuật chăm sóc... Bên cạnh đó, trước khi giao cây giống cây ăn quả Dự án đã tổ chức khóa tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả cho 216 hộ gia đình.

e. Những khó khăn gặp phải và giải pháp

Do nhu cầu về các loại cây ăn quả của người dân là rất đa dạng, mỗi một hộ lại có nhu cầu về các loại giống cây ăn quả khác nhau. Do vậy, để đảm bảo tính tập trung và phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, Dự án đã giới hạn mỗi xóm chỉ được đăng ký tối đa 3 loại giống cây ăn quả, dựa vào điều kiện đất đai và nhu cầu của mỗi xóm. Điều này là rất cần thiết để tránh việc người dân trồng quá nhiều loại giống cây ăn quả, dẫn đến phân tán khó phát triển thành vùng hàng hóa.

f. Bài học kinh nghiệm

Khi hỗ trợ để đa dạng hóa các loại cây ăn quả cần căn cứ vào tiềm năng của thị trường tiêu thụ trong tương lai của những loại quả này, sự phù hợp với thổ nhưỡng đất đai và nhu cầu của người dân, tránh áp đặt từ bên ngoài. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ được thực hiện một cách khoa học, do đó trước khi cung cấp cây giống cho người dân Dự án phải tổ chức tập huấn về kỹ thuật trồng và chăm sóc các loại cây mà Dự án sẽ hỗ trợ để đảm bảo rằng cây giống được trồng và chăm sóc tốt nhất có thể và phù hợp với kỹ thuật.

7. Hỗ trợ nuôi ong

a. Giới thiệu

Xã Thanh Hối với đặc điểm có diện tích đất lâm nghiệp lớn với diện tích rừng tự nhiên trải rộng trên 400ha, là nguồn cung cấp giống ong bản địa tự nhiên và thức ăn dồi dào cho nghề nuôi ong. Nuôi ong nội là một hoạt động đã được người dân thực hiện từ lâu và đã mang lại thu nhập đáng kể cho người dân với chi phí đầu tư không lớn và sản phẩm rất dễ bán ra thị trường. Tuy nhiên, nghề nuôi ong tại xã Thanh Hối chủ yếu là tự phát, nuôi dựa trên kinh nghiệm địa phương, theo lối truyền thống và vì quảng canh nên việc phát triển đàn ong, phòng trừ sâu bệnh và phát triển sản phẩm từ ong còn nhiều hạn chế. Việc Dự án hỗ trợ các hoạt động nuôi ong sẽ giúp người dân phát triển nghề nuôi ong một cách bài bản và bền vững. Dự án đã thực hiện một loạt các hoạt động có tính hệ thống để hỗ trợ phát triển nghề nuôi ong tại địa phương như nâng cao năng lực, hỗ trợ giống và vật tư, thiết lập tổ chức sản xuất...

b. Bối cảnh

Thanh Hối có diện tích đất lâm nghiệp là 1.872,39 ha (chiếm 70.5% tổng diện tích đất tự



Sustainable Natural Resource Management Project

nhiên toàn xã), trong đó diện tích rừng tự nhiên là 493,88 ha và diện tích rừng trồng 674.34 chủ yếu là rừng trồng keo – là nguồn cung cấp dồi dào mật và phấn cho nghề nuôi ong. Keo tai tượng là loài cây lâm nghiệp đang được trồng phổ biến trên diện tích rừng trồng tại xã Thanh Hối và là nguồn cung cấp mật lá quan trọng cho hoạt động nuôi ong. Nuôi ong là một hoạt động không chỉ mang lại thu nhập cho người dân xã Thanh Hối mà còn gắn liền với công tác bảo vệ phát triển rừng, sản phẩm từ ong có nhiều tiềm năng phát triển theo quy mô lớn trong tương lai.

Nghề nuôi ong tại xã Thanh Hối tập trung vào nuôi ong nội do đặc tính thích nghi với điều kiện tự nhiên, ong thường được đặt quanh vườn nhà và nhà lán giáp ranh với khu vực rừng phòng hộ. Số lượng đàn ong đặt quanh vườn nhà ở mức trung bình 7 đàn/hộ, và giới hạn từ 20 đàn trở xuống do xa nguồn mật và nguồn phấn hoặc diện tích vườn nhà không đủ lớn để đặt ong với số lượng lớn hơn. Số lượng đàn ong đặt tại các điểm gần rừng phòng hộ đạt mức trung bình 16 đàn/hộ, đặc biệt một số hộ có số lượng đàn ong lớn từ 30 – 50 đàn ong/hộ.

Ngoài ra, việc canh tác bưởi trong vườn nhà là một nhân tố hạn chế số lượng đàn ong của các hộ do việc sử dụng thuốc BVTV xua đuổi đàn ong hoặc làm đàn ong bị chết do ngộ độc. Sản lượng mật ong của Thanh Hối phần lớn đến từ đàn ong được đặt gần khu vực rừng tự nhiên do thuận lợi về nguồn thức ăn và số lượng đàn ong khai thác từ rừng lớn. Số lượng đàn ong trong tại xã Thanh Hối tăng từ 480 đàn năm 2013, lên 490 đàn năm 2014.

Tuy nhiên, nuôi ong tại Thanh Hối chủ yếu là theo kinh nghiệm địa phương, do đó việc quản lý đàn ong còn nhiều hạn chế đặc biệt là trong những mùa cao điểm của ong bốc bay. Việc chủ động tạo chúa để nhân đàn hoặc phòng từ bệnh cho ong còn rất hạn chế, tăng số lượng đàn ong phụ thuộc vào 2 nguồn là đặt đờ tròn vào hóc đá trong rừng tự nhiên rồi chuyển sang thùng cải tiến và chia đàn tự nhiên. Các hộ đã áp dụng nuôi ong trong thùng cải tiến tuy nhiên thùng đóng thường không đúng kích thước chuẩn, thiếu cửa sổ hoặc cong vênh nên dẫn tới khó khăn trong khi đóng/mở thùng ong kiểm tra hoặc khai thác mật và sáp. Các hộ nuôi ong theo hướng tự nhiên và không có sự đầu tư đầu vào nên việc sử dụng vật tư cho nuôi ong như tầng chân, phấn hoa, mũ trùm đầu hoặc bình hun khói không được áp dụng. Việc cho ong ăn đường hoặc phấn hoa/bột đậu tương bổ sung cho ong trong mùa nóng hoặc mùa đông không được các hộ chú trọng và áp dụng dẫn tới hiện tượng ong bốc bay trong mùa hè (tháng 7, 8, 9) và mùa đông.

Mật ong tại Thanh Hối đã được khai thác và bán trên thị trường trong thời gian dài, tuy nhiên, kỹ thuật thu hoạch mật ong cần được nâng cao để đảm bảo chất lượng mật ong như thu hoạch mật ong đúng thời điểm, kỹ thuật lọc mật ong. Mật ong Thanh Hối khá dễ bán trên thị trường, tuy nhiên mật ong chủ yếu được đựng trong chai thủy tinh và nút bằng



Sustainable Natural Resource Management Project

nút tự chế nên khó vận chuyển đi xa và giảm chất lượng mật ong nếu để trong thời gian dài; bao bì, mẫu mã cho sản phẩm mật ong không được chú trọng đầu tư đúng mức.

Trên cơ sở thực tế nuôi ong tại địa phương và tham khảo nhu cầu của người dân, Dự án đã thực hiện hoạt động hỗ trợ nuôi ong tại Thanh Hối nhằm nâng cao kiến thức cho người dân, phát triển đàn ong góp phần tăng thu nhập hộ gia đình đồng thời nâng cao ý thức bảo vệ phát triển rừng.

c. Các hoạt động thí điểm thực hiện

Trước khi triển khai các hoạt động phát triển nuôi ong tại xã Thanh Hối, Dự án đã tiến hành họp các hộ nuôi ong tham gia vào hoạt động nhằm thu thập thông tin về tình hình nuôi ong tại xã và sơ bộ thu thập nhu cầu hộ nuôi ong. Theo đó, căn cứ vào nhu cầu về cải thiện kỹ thuật nuôi ong, nhu cầu hỗ trợ giống và vật tư, và hạn chế về tổ chức tiêu thụ mật ong đã thực hiện rất nhiều các hoạt động hỗ trợ như: (1) hỗ trợ kỹ thuật nuôi ong thông qua tham quan học tập, tập huấn kỹ thuật; (2) cung cấp giống và một số vật tư ngành ong cho hộ nuôi ong; (3) tổ chức và hình thành nhóm sở thích nuôi ong; (4) hỗ trợ tiếp cận thị trường cho sản phẩm mật ong.

• Hoạt động hỗ trợ kỹ thuật nuôi ong

Dự án đã thực hiện cải thiện kỹ thuật nuôi ong cho các hộ nuôi ong thông qua hình thức tham quan học tập kinh nghiệm và tổ chức tập huấn kỹ thuật. Dự án đã chọn các địa điểm tham quan phù hợp với với nhu cầu của người dân như tham quan nhóm nuôi ong tại huyện Mỹ Đức (Hà Nội), tham quan hộ nuôi ong theo hướng VietGAP tại Thành phố Hòa Bình và tham quan Trung tâm Nghiên cứu ong và Nuôi ong nhiệt đới



Ảnh 8: Tham quan học tập kinh nghiệm nuôi ong

(thuộc Đại học Nông nghiệp Hà Nội). Khi tham quan đến các địa điểm này, người nuôi ong của xã Thanh Hối đã có cơ hội để trao đổi và học hỏi về kỹ thuật nhân đàn, chăm sóc, phòng trừ dịch hại và khai thác sản phẩm mật ong và các sản phẩm ngoài mật, cùng như những công cụ/vật tư cần thiết phục vụ cho hoạt động nuôi ong. Bên cạnh đó, Dự án cũng đã tổ chức 3 khóa tập huấn về kỹ thuật nuôi ong cho các hộ nuôi ong của xã Thanh Hối. Các khóa tập huấn này được giảng dạy bởi những giảng viên có chuyên môn và giàu kinh nghiệm thực tế đến từ Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Do vấn đề phức tạp của kỹ thuật nuôi ong nên Dự án đã thiết kế một chương trình đủ dài (3 ngày/khóa) cũng như nội dung và phương pháp tập huấn phù hợp (tập trung vào thực hành) để đảm bảo cung cấp cho học viên những kỹ thuật căn bản nhất của nghề nuôi ong như kỹ thuật đóng thùng ong cái



Sustainable Natural Resource Management Project

tiến theo tiêu chuẩn; kỹ thuật tạo chúa đơn giản và tạo chúa di trùng; kỹ thuật quản lý đàn ong bao gồm quản lý dịch bệnh; cách thức nhân đàn ong và kỹ thuật thu hoạch mật ong. Sau khóa tập huấn, Dự án còn thực hiện các hoạt động kèm cặp để hỗ trợ và thúc đẩy các hộ nuôi ong áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế. Kết quả, đã có khoảng 87 hộ nuôi ong được tập huấn kỹ thuật và làm chủ được những kỹ thuật căn bản của nghề nuôi ong.

- **Cung cấp giống và một số vật tư ngành ong cho hộ nuôi ong**

Sau khi hộ nuôi ong được tập huấn kỹ thuật nuôi ong và làm chủ được những kiến thức căn bản về nuôi ong, Dự án đã tiến hành cung cấp giống và một số vật tư ngành ong cho các hộ. Mỗi hộ nuôi ong cung cấp 3 đàn ong (3 cầu ong/đàn) với giá trị là 1.950.000 VNĐ/3 đàn ong. Các hộ nuôi ong phải đóng góp tối thiểu 30% giá trị các đàn ong giống vào Quỹ xóm tương đương 540.000 VNĐ/hộ. Trong quá trình vận chuyển ong việc hỗ trợ kỹ thuật về phương pháp ổn định đàn ong sau khi di chuyển, cách đặt đàn ong, và kiểm tra tình trạng đàn ong giống ngay sau khi bàn giao có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với hộ nuôi ong, đặc biệt là với những hộ mới tham gia hoạt động nuôi ong để đảm bảo những đàn ong mà Dự án hỗ trợ phát triển ổn định. Tổng số đã có 249 đàn ong được Dự án hỗ trợ cho các hộ. Bên cạnh đó, một số vật tư cơ bản cho nuôi ong được cung cấp cho hộ gia đình nhằm thúc đẩy hoạt động nuôi ong hộ. Một số vật tư nuôi ong được cấp cho từng hộ gia đình bao gồm: mũ trùm chống ong đốt; chân tảng, dao cắt vít nắp, phấn hoa, máng cho ong ăn bổ sung, bình hun khói/hộ, chai đựng mật ong.... Một số vật tư được cấp theo nhóm hộ, theo xóm như: thùng quay mật, máy đo thủy phân mật ong....

Bên cạnh các hỗ trợ về giống và vật tư từ Dự án, một số hộ nuôi ong đã tự đầu tư để mua giống và các vật tư cần thiết như tảng chân, phấn hoa, kim di trùng và mũ trùm chống ong đốt. Điều này cho thấy những thúc đẩy và hỗ trợ của Dự án đã mang lại những tác động tích cực nhằm phát triển nghề nuôi ong bền vững lâu dài, giảm thiểu sự phụ thuộc vào hỗ trợ từ bên ngoài.

- **Thành lập các Nhóm sở thích nuôi ong**

Hoạt động nuôi ong tại xã Thanh Hối đã và đang mang lại thu nhập đáng kể cho người dân, tuy nhiên tất cả các hộ nuôi ong theo hộ cá thể. Khả năng tiếp cận vật tư đầu vào còn hạn chế, và tiêu thụ mật ong thường bị thương lái ép giá khi vào vụ thu hoạch mật ong. Kỹ thuật nuôi ong không đồng đều giữa các hộ nuôi ong dẫn tới ong béc bay tại một số hộ mới nuôi ong, điều này đòi hỏi một cần có một tổ chức của người nuôi để các hộ nuôi ong có thể hỗ trợ lẫn nhau về kỹ thuật cũng như tiêu thụ mật ong. Để khắc phục những vấn đề nêu trên Dự án đã thúc đẩy để thành lập các nhóm sở thích của người nuôi ong tại xã Thanh Hối. Nhóm sở thích có vai trò tăng khả năng tiếp cận nguồn vật tư đầu vào – điều này đặc biệt có ý nghĩa khi xã Thanh Hối ở xa nguồn cung cấp vật tư ong và số lượng



Sustainable Natural Resource Management Project

đàn ong trung bình/hộ là không lớn; tạo lập vùng sản xuất và tăng cường khả năng tiếp cận những thị trường tiềm năng cho sản phẩm mật ong và tạo lợi thế trong việc đàm phán giá bán sản phẩm; tăng khả năng áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Dựa trên vị trí địa lý, đặc điểm dân cư, số lượng hộ nuôi ong và lịch sử hình thành thôn xóm, đã có 3 nhóm sở thích nuôi đã thành lập với tổng số 87 thành viên tham gia. Các nhóm đều có nội quy hoạt động riêng và tổ chức sinh hoạt định kỳ theo nhu cầu của mỗi nhóm. Bên cạnh đó, các nhóm sở thích cũng hình thành Quỹ nhóm đến từ nguồn đóng góp của các thành viên trong nhóm để sử dụng cho mục đích duy trì hoạt động của nhóm và cho các thành viên trong nhóm vay vốn quay vòng để phát triển nghề nuôi ong.

- **Hỗ trợ tiếp cận thị trường cho sản phẩm mật ong**

Song song với việc hỗ trợ khâu sản xuất, Dự án cũng hết sức chú trọng hỗ trợ người nuôi ong tại xã Thanh Hối trong việc tổ chức tiêu thụ mật ong để thu được lợi nhuận một cách bền vững. Bên cạnh việc thành lập các nhóm sở thích của các hộ nuôi ong như đã nêu ở trên để thúc đẩy việc tiêu thụ mật ong một cách có tổ chức, Dự án còn tổ chức một chuyến tham quan học tập kinh nghiệm về tổ chức tiếp cận thị trường cho sản phẩm mật ong. Qua chuyến tham quan này, người nuôi ong đã nắm bắt được các thông tin thị trường như các xu hướng, thị hiếu và nhu cầu của thị trường đối với mật ong và các sản phẩm liên quan, tổ chức giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm... Những kinh nghiệm học hỏi được từ chuyến tham quan có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với người nuôi ong tại xã Thanh Hối trong cách tư duy về phát triển sản phẩm và làm thế nào để đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Dự án sẽ tiếp tục hỗ trợ và thúc đẩy các nhóm sở thích nuôi ong trong thời gian tới để củng cố những thành quả đã đạt được và phát triển hoạt động nuôi ong theo hướng bền vững.

d. Theo dõi và giám sát

Trong năm 2017 có 43 hộ đã được Dự án hỗ trợ ong giống với tổng số 129 đàn ong đã được cung cấp cho các hộ (3 đàn/hộ), nhờ làm chủ được kỹ thuật nhân đàn đã có 48 đàn ong được tạo mới từ số đàn ong mà Dự án hỗ trợ. Theo thống kê tổng số đàn ong của các hộ nuôi ong tại xã Thanh Hối năm 2017 là 591 đàn. Theo kết quả khảo sát tại 59 hộ nuôi ong trong năm 2017 cho thấy, tổng sản lượng mật thu được trong năm là 1.559 lít, trong đó lượng mật đã bán là 1.414 lít (chiếm 91% tổng sản lượng mật). Giá bán mật ong bình quân là 211.200 đồng/lít, tổng thu nhập từ hoạt động nuôi ong là 298.550.000 đồng, doanh thu bình quân là 5.068.800 đồng/hộ/năm.

Bảng 10: Hiệu quả kinh tế đầu tư nuôi ong năm 2017

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị (đồng)
-----	----------	-----	----------------



Sustainable Natural Resource Management Project

A	Chi phí sản xuất (TC)		947.130,5
1	Giống	đồng/năm/hộ	393.559,3
2	Vật tư ngành ong (phấn hoa, đường, chân tảng, chai đựng...)	đồng/năm/hộ	553.571,2
3	Chi phí khác (thuê đất, lệ phí...)	đồng/năm/hộ	-
4	Khấu hao tài sản cố định (A)	đồng/năm/hộ	-
B	Kết quả đầu tư		
1	Sản lượng (lít)	lít/năm/hộ	24,0
2	Giá bán	đồng/lít	211.200,0
3	Doanh thu	đồng/năm/hộ	5.068.800,0
4	Giá trị gia tăng (VA)	đồng	4.121.669,5
5	Thu nhập (MI)	đồng/năm/hộ	4.121.669,5

Hoạt động nuôi ong mang lại hiệu quả kinh tế khá cao cho người nông dân với lợi nhuận ròng bình quân đạt 4.121.669,5 đồng/hộ/năm. Đầu tư đầu vào cho hoạt động nuôi ong khá thấp do hộ không mất chi phí thuê mặt bằng, chi phí cho lao động, hộ chỉ đầu tư đầu vào cho một số vật tư ngành ong như chân tảng, phấn hoa, đường và giống ong. Lợi nhuận từ sản phẩm mật ong gấp 4,4 lần so với chi phí đầu tư ban đầu.

e. Những vấn đề gặp phải và giải pháp

Xã Thanh Hối khá xa các nguồn cung cấp đầu vào cho ngành ong như tảng chân, phấn hoa và mũ trùm chống ong đốt nên việc mua thêm vật tư của hộ hiện nay chủ yếu dựa vào cầu nối là Cán bộ Dự án. Tuy nhiên, để đảm bảo sự phát triển bền vững và giảm sự phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ bên ngoài, Dự án đã thúc đẩy để các nhóm sở thích nuôi ong cử ra một thành viên chịu trách nhiệm làm đầu mối mua sắm các vật tư cần thiết cho nhóm.

Ở giai đoạn đầu, một số hộ mới nuôi ong lần đầu do quản lý đàn không tốt và chưa có kỹ thuật nuôi ong dẫn tới ong bị bốc bay trong mùa thiếu thức ăn, do đó Dự án đã cùng với các trưởng nhóm sở thích nuôi ong và cán bộ thúc đẩy viên dự án bàn bạc tìm ra phương án hỗ trợ hiệu quả cho các hộ này. Theo đó, các hộ mới nuôi ong cần được chia nhóm riêng để tập huấn và nên được phân công một hộ có kinh nghiệm nuôi ong trong nhóm sở thích nuôi ong phụ trách hỗ trợ kỹ thuật.

f. Bài học kinh nghiệm



Sustainable Natural Resource Management Project

Việc thành lập nhóm sở thích nuôi ong có tác dụng tích cực đối với sự phát triển của hoạt động nuôi ong, mua vật tư đầu vào, trao đổi kinh nghiệm nuôi ong giữa các hộ trong nhóm nuôi ong và tạo tiền đề cho sự phát triển vùng sản xuất hàng hóa theo quy mô lớn sau này. Thực tế cho thấy, nhóm sở thích nuôi ong đã gắn kết các thành viên trong nhóm nuôi ong không chỉ trong việc chia sẻ kỹ thuật nuôi ong mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình thông qua việc góp quỹ nhóm và cho thành viên vay đầu tư cho nuôi ong cũng như các hoạt động sản xuất khác.

8. Hỗ trợ trồng cỏ cho chăn nuôi

a. Giới thiệu

Nhằm hỗ trợ phát triển sinh kế thông qua chăn nuôi trâu bò và giảm tác động không mong muốn của việc chăn thả trâu bò trong rừng, đặc biệt là rừng trồng còn non (nhỏ hơn 3 năm tuổi) Dự án đã hỗ trợ các giống cỏ cho các hộ gia đình để trồng làm thức ăn gia súc.

b. Bối cảnh

Trâu bò là hai loại gia súc được chăn thả phổ biến tại Thanh Hải với mục tiêu lấy sức kéo, bán giống và lấy thịt; phân trâu bò là nguồn phân hữu cơ được hộ sử dụng cho mía, bưởi thay thế cho phân lợn. Tuy nhiên, việc chăn thả trâu bò và một số loại gia súc nhỏ như dê trên khu vực rừng quản lý chung của xóm hoặc rừng của xóm khác dẫn tới gia súc gây phá hại ở những diện tích trên và khu vực rừng mới trồng. Do đó, trồng cỏ là hoạt động rất có ý nghĩa trong việc ổn định nguồn thức ăn trong chăn nuôi gia súc đặc biệt là trong mùa rét; hạn chế việc chăn thả gia súc như trâu, bò, dê trong khu vực rừng quản lý chung của xóm hoặc rừng của xóm khác; giảm thời gian lấy cỏ và chăn thả trâu bò và góp phần nâng cao thu nhập hộ gia đình. Trồng cỏ là hoạt động rất cần thiết đặc biệt trong bối cảnh số lượng đàn trâu, bò và dê có tốc độ tăng trưởng bình quân từ 40% trở lên trong một số năm gần đây.

Bảng 11: Số lượng đàn gia súc trong 4 năm 2013 – 2016 tại xã Thanh Hải

Stt	Loại vật nuôi	Số lượng (con)				Tốc độ tăng trưởng bình quân (%)
		2013	2014	2015	2016	
1	Trâu	1.250	1.200	994	1.200	44,2
2	Bò	720	700	520	550	40,5
3	Dê	70	110	210	210	64,9

c. Các hoạt động đã thực hiện

Trước khi chuyển giống cỏ về cho hộ gia đình, Dự án đã cùng với Ban QLDA xóm và



Sustainable Natural Resource Management Project

các thúc đẩy viên dự án thống nhất thỏa thuận hỗ trợ giống cỏ với các hộ sau khi các hộ đăng ký tham gia hoạt động. Theo đó, dựa vào điều kiện khí hậu đất đai và nhu cầu của các hộ gia đình Dự án cung cấp cho các hộ 3 giống cỏ là VA06, Lạc đại LD99 (*Arachis pintol*) và Cỏ sả lá lớn (*Guinea Mombasa*). Những giống cỏ này được đánh giá là có năng suất và hàm lượng dinh dưỡng cao, chịu được khí hậu lạnh vào mùa đông và phù hợp cho chăn nuôi trâu, bò và dê. Bên cạnh việc cung cấp giống cỏ, Dự án cũng đã thực hiện tập huấn cho người dân về kỹ thuật trồng và chăm sóc các giống cỏ này để đảm bảo được trồng và chăm sóc đúng kỹ thuật.



Ảnh 9: Hỗ trợ trồng cỏ cho chăn nuôi

Giống cỏ VA06: là giống cỏ lai giữa cỏ Voi và cỏ đuôi sói của Mỹ; là loại cỏ lâu năm, thân đứng cao 2,5 – 3 m; tỷ lệ lá/thân chiếm 53%; Năng suất 150 - 350 tấn/ha/năm, nếu đất tốt, thâm canh cao năng suất có thể đạt 400- 500 tấn/ha; giống cỏ VA06 chịu rét, chịu hạn tốt thích ứng nhiệt độ từ 18 – 40°C; có bộ rễ phát triển mạnh, mọc tập trung; được trồng làm hàng rào xung quanh vườn quả; trồng ven đê, ven hồ để chống xạt lở, trồng ở vùng đất cát để giữ cát và là cây phủ xanh đất trồng đồi trọc.

Giống lạc đại LD99 (*Arachis pintol*): là cây cố định đạm nên có tác dụng che phủ đất, chống xói mòn, bảo vệ và cải tạo đất đồng thời cũng là cây thức ăn gia súc; phát triển nhanh hơn khi được trồng dưới cây to; thân lá lạc sau khi cắt đem phủ vào gốc cây ăn quả, hoặc làm thức ăn cho chăn nuôi.

Giống cỏ Guinea Mombasa còn có tên gọi khác là cỏ sả lá lớn: là loài cây hòa thảo, cỏ mọc từng bụi như bụi sả; cỏ có vị ngọt, ăn ngon, giá trị dinh dưỡng cao nên rất thích hợp cho các loại gia súc cũng như gia cầm; nguồn gốc xuất xứ từ Thái Lan; dễ trồng, dễ chăm sóc, chịu hạn tốt, có thể chịu bóng của các loại cây ăn quả cũng như cây công nghiệp; có thể sinh trưởng ở nhiều vùng đất khác nhau; chịu được đất mặn nhẹ và không chịu được đất ẩm kéo dài; mỗi năm có thể thu hoạch từ 8-10 lứa, sản lượng đạt từ 100-200 tấn/ha/năm; hàm lượng protein thô trung bình từ 8-14 %.

d. Theo dõi và giám sát

Tổng số lượng hom và hạt cỏ cấp cho xã Thanh Hải là 16.524 kg cỏ cho 98 hộ dân, với diện tích cỏ trồng khoảng 5,0 ha. Trong đó, 2.510kg lạc đại LD99, 14.000kg giống VA06 và 14 kg giống cỏ sả lá lớn.

Tỷ lệ sống và hiệu quả sử dụng của từng loại cỏ được đánh giá thông qua phỏng vấn trực tiếp hộ gia đình và gắn liền với việc kiểm tra thăm đồng thường xuyên. Kết quả khảo sát cho thấy: (1) Cỏ VA06 có tỷ lệ sống cao nhất, đạt mức 95%. Cỏ có kỹ thuật trồng đơn



Sustainable Natural Resource Management Project

giản, dễ chăm sóc và cho thu hoạch nhanh với khối lượng sinh khối lớn. Cỏ VA 06 cho thu hoạch lần 1 vào thời điểm 60 ngày sau trồng và cho thu hoạch các lần tiếp theo vào khoảng 40 - 45 ngày sau cắt. Từ tháng 6 tới tháng 12 năm 2017, tổng số lần thu hoạch cỏ VA06 đạt từ 3 – 4 lần. (2) Cỏ sả lá lớn (Mombasa Ghine) có tỷ lệ sống đạt 80%, cỏ yêu cầu làm đất kỹ và đủ ẩm để nảy mầm. Sau nảy mầm có phát triển nhanh và cho thu hoạch lần 1 khoảng 60 ngày sau gieo. Cỏ sả lá lớn được các hộ đánh giá là giống cỏ chất lượng cao. Lá cỏ mềm, ít lông, chiều cao cỏ đạt khoảng 70 – 100cm nên dễ thu hoạch và sử dụng được cho nhiều loại vật nuôi như gà, dê, trâu và bò. Cỏ cho thu lần 2 vào khoảng 30 – 40 ngày sau lần cắt thứ nhất. Từ tháng 6 tới tháng 12 năm 2017, tổng số lần thu hoạch cỏ sả lá lớn đạt từ 4 – 5 lần. (3) Lạc đại LD99 là giống cỏ tỷ lệ sống đạt 40-60%, giống yêu cầu làm đất kỹ, và yêu cầu có phân bón để cỏ có thể phát triển tốt. Cỏ được trồng trong các vườn cây ăn quả của gia đình với mục đích che phủ đất và làm thức ăn tại chỗ cho lợn và gà. Do yêu cầu kỹ thuật trồng và chăm sóc phức tạp hơn so với 2 giống còn lại nên tỉ lệ sống của loại cỏ này không cao như kỳ vọng. Tuy nhiên, từ nguồn hỗ trợ ban đầu Dự án sẽ tiếp tục thúc đẩy để nhân rộng giống cỏ này trên diện tích lớn hơn.

e. Những vấn đề gặp phải và giải pháp

Việc tuân thủ kỹ thuật và thời gian reo trồng các giống cỏ của một số hộ gia đình chưa tốt cộng thêm với việc bảo quản giống trước khi trồng chưa đảm bảo điều này dẫn đến việc tỉ lệ sống của một số giống cỏ không cao, đặc biệt là đối với giống cỏ lạc đại LD99. Để khắc phục tình trạng này, Cán bộ Dự án đã phối hợp chặt chẽ với Ban QLDA xóm và các cộng tác viên dự án để thường xuyên đôn đốc và thúc giục các hộ thường xuyên, tuy nhiên kết quả đạt được chưa như mong muốn. Do vậy, đối với những hộ không tuân thủ quy trình kỹ thuật và thời gian reo trồng các giống cỏ trồng, Dự án sẽ xem xét để không hỗ trợ các hộ này đối với tất cả các hoạt động của Dự án trong thời gian tới.

f. Bài học kinh nghiệm

Do yêu cầu kỹ thuật trồng và chăm sóc mỗi giống cỏ có sự khác biệt, một số giống yêu cầu kỹ thuật trồng và chăm sóc rất đơn giản như giống VA06 và giống cỏ sả lá lớn, nhưng có giống đòi hỏi kỹ thuật trồng và chăm sóc phức tạp hơn như giống cỏ lạc LD99. Đối với giống cỏ lạc LD99 nó đòi hỏi việc chuẩn bị đất kỹ lưỡng trước khi trồng và chăm bón sau trồng đúng quy trình kỹ thuật. Bên cạnh đó, do am hiểu những thói quen và tập quán canh tác của người dân địa phương nên Dự án chỉ thử nghiệm với số lượng nhỏ giống cỏ lạc LD99 để đảm bảo không lãng phí nguồn lực nếu kết quả thử nghiệm không được như mong muốn.

9. Phát triển Năng lượng tiết kiệm củi

a. Giới thiệu



Sustainable Natural Resource Management Project

Hai hoạt động tiết kiệm năng lượng được thực hiện tại xã Thanh Hối bao gồm hỗ trợ bếp cải tiến tiết kiệm củi và hỗ trợ xây dựng/lắp đặt hệ thống bioga với mục tiêu giảm lượng củi sử dụng cho các hoạt động hộ gia đình như đun nấu thức ăn gia súc, nấu thức ăn trong gia đình, nấu rượu..., hạn chế tình trạng chặt phá rừng làm củi đun và góp phần vào công tác bảo vệ phát triển rừng. Ngoài ra, việc tiết kiệm lượng củi tiêu thụ dẫn tới tiết kiệm thời gian lấy củi của hộ gia đình và có tác động gián tiếp trong việc phát triển kinh tế hộ gia đình.

b. Bối cảnh

Hiện nay tại xã Thanh Hối, bên cạnh việc sử dụng bếp gas để nấu ăn hàng ngày hầu hết các hộ gia đình vẫn sử dụng bếp củi cho các mục đích như nấu rượu, nấu ăn hoặc nấu thức ăn gia súc... Củi được các hộ chủ yếu thu hái từ rừng tự nhiên, từ hoạt động tía thưa rừng trồng hoặc tận dụng phụ phẩm sau thu hoạch keo như vỏ thân cây keo, cành và ngọn keo (1 ha keo sau thu hoạch cho ra khối lượng phụ phẩm trung bình khoảng 5.5 m³ củi tương đương với 5.5 tấn củi). Việc giảm lượng củi tiêu thụ sẽ tiết kiệm thời gian lấy củi của hộ gia đình đồng thời hạn chế việc khai thác củi từ khu vực rừng phòng hộ và rừng tự nhiên quản lý bởi xóm và UBND xã, góp phần vào công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Bên cạnh đó, chăn nuôi là ngành kinh tế thế mạnh của địa phương, ngoài việc mang lại thu nhập cho các hộ nó còn tạo ra lượng chất thải sử dụng cho sản xuất nông nghiệp và làm khí sinh học – biogas. Hiệu quả kinh tế mang lại từ lợn chăn nuôi lợn và có các điều kiện thuận lợi để phát triển, do đó, số lượng đàn lợn tại xã Thanh Hối tăng lên nhanh trong 4 năm từ 2013 tới 2016. Năm 2013, số lượng lợn tại Thanh Hối là 2.560 con; năm 2014 số lượng lợn tăng lên 2.750 con; năm 2015 số lượng lợn tăng lên 3.420 con; năm 2016 số lượng lợn đạt 4.112 con; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 52,1%. Khảo sát cho thấy, người dân tại Thanh Hối không có thói quen đưa các đệm lót chuồng như rơm rạ vào chuồng lợn để làm phân hữu cơ và giảm ô nhiễm môi trường. Người dân có thói quen để phân lợn chảy tràn lan trong chuồng lợn hoặc được thải trực tiếp ra khu vực vườn nhà và chỉ được lá ra bón cho cây trồng từ 1-2 lần/năm dẫn tới ô nhiễm môi trường nông thôn. Do đó, việc phát triển biogas ngoài việc góp phần giảm lượng củi tiêu thụ cho các hộ nó còn đóng góp vào tiết kiệm sức lao động cho việc lấy củi và vệ sinh môi trường sống của người dân. Nước thải từ hệ thống bioga còn được sử dụng như nguồn phân bón an toàn cho rau và cây ăn quả quanh vườn nhà.

Bảng 12: Đặc tính và hiệu suất sinh khí của một số loại nguyên liệu thường gặp.

STT	Vật nuôi		Hàm lượng chất khô (%)		Hiệu suất sinh khí (lít/kg)



Sustainable Natural Resource Management Project

		Lượng phân tươi (kg/con/ngày)		Tỷ lệ Các-bon/nitơ (C/N)	nguyên liệu thô/ngày).
1	Bò	15 - 20	18 - 20	24 - 25	15 - 32
2	Trâu	18 - 25	16 - 18	24 - 25	15 - 32
3	Lợn	1,2 – 4,0	24 - 33	12 - 13	40 - 60
4	Gia cầm	0,02 – 0,05	25 - 50	5 - 15	50 - 60

Hiệu suất sinh khí từ phân lợn là cao nhất so với các loại gia súc, gia cầm khác ở mức 40 – 60 lít khí/1kg nguyên liệu thô/ngày. Do đó, với số lượng lợn thịt hoặc lợn lái từ 5 con khối lượng từ 50kg trở lên thì hộ gia đình hoàn toàn có thể đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào cho hệ thống khí sinh học bioga.

c. Các hoạt động đã thực hiện

- **Hỗ trợ bếp cải tiến tiết kiệm củi**

Nhằm giới thiệu cho người dân những mẫu bếp tiết kiệm củi vừa phù hợp với nhu cầu và tập quán đun nấu của người dân vừa có hiệu suất tiết kiệm củi cao, Dự án đã khảo sát nhiều mẫu bếp hiện có trên thị trường để tìm ra mẫu bếp phù hợp nhất. Sau quá trình khảo sát, Dự án quyết định chọn mẫu bếp tiết kiệm củi TK90 để giới thiệu cho người dân trong các cuộc họp xóm xóm lập kế hoạch hoạt động của Dự án. Bên cạnh đó, sâu khi giới thiệu mẫu bếp TK90 tới người dân, Dự án đã thảo luận với người dân về cơ chế hỗ trợ của Dự án để đảm bảo tính bền vững và hiệu quả. Theo đó, mỗi gia đình tại các xóm mục tiêu của Dự án sẽ được hỗ trợ tối đa 2 bếp cải tiến TK90 (tùy theo kích thước và kiểu dáng) và hộ phải



Ảnh 10: Hỗ trợ bếp cải tiến TK90 cho hộ gia đình

đóng góp vào Quỹ xóm 50% giá trị tiền mua bếp. Riêng những hộ nhận hỗ trợ bếp xây cố định được Dự án hỗ trợ bù đắp bếp làm bằng đất sét chịu lửa và vật liệu xây dựng bếp như xi măng, gạch và cát, nhưng các hộ cũng phải đóng góp 50% giá trị các vật tư đã được hỗ trợ vào Quỹ xóm. Sau khi các hộ đã hoàn thành việc đóng góp vào Quỹ xóm, Dự án đã cung cấp bếp và vật tư cho các hộ theo đúng cơ chế đã thống nhất. Trong quá trình cấp bếp, cán bộ kỹ thuật của cơ sở sản xuất bếp tiết kiệm củi TK90 trực tiếp hướng dẫn



Sustainable Natural Resource Management Project

bà con cách sử dụng và kỹ thuật bảo trì bếp. Dung dịch bảo trì buồng bếp và tờ rơi hướng dẫn sử dụng bếp được chuyển kèm theo mỗi bếp. Tổng số, đã có 1.998 bếp cải tiến được cung cấp hoặc hỗ trợ vật tư để xây dựng với tổng số hộ được hỗ trợ là 1.053 hộ thuộc 13 xóm mục tiêu của Dự án, trung bình mỗi hộ nhận khoảng 2 bếp cải tiến.

- **Hỗ trợ xây dựng khí sinh học - biogas**

Sau khi các hộ có nhu cầu đăng ký với Ban QLDA xóm, Cán bộ Dự án kết hợp với các thúc đẩy viên dự án và Ban QLDA xóm thực hiện khảo sát số đầu vật nuôi hộ và mặt bằng xây dựng và lắp đặt biogas đối với từng hộ trước khi tiến hành ký thỏa thuận hỗ trợ với hộ gia đình. Sau khi xem xét hộ có đủ các tiêu chuẩn phù hợp về số lượng đầu vật nuôi và khả năng sẵn sàng đóng góp vào Quỹ dự, Ban QLDA xóm tiến hành ký thỏa thuận hỗ trợ với hộ gia đình dưới sự giám sát của UBND xã và Dự án. Theo cơ chế đã được Dự án thống nhất với người dân và các bên liên quan, Dự án hỗ trợ vật liệu xây dựng (gạch, xi măng, sắt thép...) tương đương 6.000.000 đồng/bê xây hoặc kinh phí 6.000.000 đồng để mua bê nhựa composite. Hộ gia đình khi nhận hỗ trợ sẽ phải góp lại Quỹ xóm 1.000.000 đồng tương đương với 17% giá trị hỗ trợ từ Dự án. Sau khi hộ xây dựng/lắp đặt xong hệ thống biogas, Cán bộ Dự án cùng với Ban QLDA xóm và thúc đẩy viên dự án sẽ tiến hành nghiệm thu và đánh giá hoạt động của mỗi hệ thống biogas. Tổng số đã có 20 hệ thống biogas được Dự án hỗ trợ xây lắp tại 20 hộ gia đình của xã Thanh Hối.

d. Theo dõi và giám sát

Kết quả khảo sát tại các hộ gia đình đã sử dụng bếp cải tiến TK90 mà Dự án hỗ trợ cho thấy, bếp cải tiến TK90 giúp tiết kiệm 40 – 60% lượng củi so với bếp truyền thống, ngoài ra nó còn dễ sử dụng, dễ vệ sinh buồng bếp và dễ di chuyển (đối với những loại bếp di động), ít khói, sử dụng đa mục đích và tận dụng được lượng nhiệt để đun được 2 nồi với lượng củi ít (với những loại bếp 2 nồi).

Đối với bếp biogas, kết quả khảo sát cũng cho thấy, các hộ xây dựng bê biogas có số lượng đầu lợn trung bình là 12 con/hộ, thể tích xây dựng/lắp đặt bê biogas trung bình là 16.6 m³. Số tiền đầu tư cho 1 hệ thống biogas là khoảng 19.000.000 đồng/hệ thống. Hệ thống biogas giúp tiết kiệm đến 90% lượng củi sử dụng cho nấu ăn hàng ngày của các hộ gia đình (không kể nấu thức ăn cho gia súc và nấu rượu).

e. Những vấn đề gặp phải và giải pháp

Một số hộ gia đình không thực hiện đúng các khâu bảo trì do nhà cung cấp khuyến cáo dẫn tới tình trạng một số bếp xuất hiện các nứt nhỏ trong buồng bếp. Do vậy, Dự án đã thường xuyên giám sát và thúc đẩy để đảm bảo người dân sử dụng và bảo trì bếp cải tiến đúng quy trình kỹ thuật, ngoài ra Dự án cũng yêu cầu nhà cung cấp bếp cung cấp bổ sung dung dịch bảo trì bếp cho các hộ.



Sustainable Natural Resource Management Project

Kinh phí xây dựng/lắp đặt hệ thống biogas khá lớn so với thu nhập của hộ gia đình. Hộ thường sử dụng nguồn thu sau khi bán lợn để xây dựng hệ thống biogas. Tuy nhiên, trong năm 2017 giá bán lợn giảm khoảng 40% so với trước đây điều này ảnh hưởng đến khả năng đầu tư của các hộ để làm bếp biogas. Cán bộ Dự án đã thương xuyên khuyến khích động viên các hộ để xây dựng các hệ thống biogas theo như kế hoạch.

f. Bài học kinh nghiệm

Do bếp cải tiến TK90 là loại bếp mới chưa được người dân biết đến đến khi được Dự án giới thiệu, do vậy nhu cầu ban đầu của các hộ về loại bếp này rất hạn chế chỉ có 108 hộ đăng ký nhận bếp. Nhận thấy điều này, bên cạnh việc giới thiệu mẫu bếp đến bà con trong các cuộc họp xóm Dự án còn cung cấp một số mẫu bếp để cho người dân tìm hiểu và sử dụng thử. Nhờ việc này, sau khi dùng thử người dân nhận thấy các mẫu bếp TK90 mà Dự án giới thiệu rất phù hợp với nhu cầu của người dân nên họ đã tuyên truyền cho nhau về các mẫu bếp này nên nhu cầu về các loại bếp TK90 đã tăng vọt. Bài học rút ra là khi giới thiệu cho người dân những sản phẩm mới, cần có phương pháp phù hợp để khơi dậy được nhu cầu của người dân đối với các sản phẩm thực sự hữu ích và phù hợp với nhu cầu của người dân.



Sustainable Natural Resource Management Project

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Danh sách BQLDA xóm

TT	Tên xóm	Họ và tên	Chức danh	Nữ giới
1	BÀO 1	Bà Bùi Thị Ghi	Trưởng ban	x
2		Ông Bùi Văn Đỉnh	Phó ban	
3		Bà Bùi Thị Hiến	Thư ký (kiêm Thủ quỹ)	x
4	BÀO 2	Ông Bùi Văn Thái	Trưởng ban	
5		Bà Bùi Thị Nghi	Phó ban	x
6		Ông Bùi Văn Minh	Thư ký (kiêm Thủ quỹ)	
7	NHÓT	Ông Bùi Văn Năng	Trưởng ban	
8		Ông Bùi Văn Thắng	Phó ban	
9		Bà Bùi Thị Nguyệt	Thủ quỹ	x
10		Ông Bùi Văn Cầu	Thành viên	
11		Ông Bùi Văn Khoa	Thành viên	
12	SUNG 1	Ông Bùi Văn Đông	Trưởng ban	
13		Ông Bùi Văn Ặng	Phó ban (kiêm Kế toán)	
14		Ông Bùi Văn Thanh	Thủ quỹ	
15		Bà Bùi Thị Thơm	Thư ký	x
16	SUNG 2	Ông Đình Văn Hậu	Trưởng ban	
17		Ông Bùi Văn Nhấp	Phó ban	
18		Ông Bùi Văn Phòng	Kế toán	
19		Bà Bùi Thị Khánh	Thư ký	x
20	TAM 1	Ông Bùi Văn Nhật	Trưởng ban	
21		Ông Bùi Văn Nhiên	Phó ban	
22		Ông Bùi Văn Ân	Phó ban (kiêm Kế toán)	
23		Bà Bùi Thị Khuyên	Thư ký (kiêm Thủ quỹ)	x
24	TAM 2	Ông Bùi Văn Khanh	Trưởng ban	
25		Ông Bùi Văn Toàn	Phó ban (kiêm Kế toán)	
26		Bà Quách Thị Định	Thư ký (kiêm Thủ quỹ)	x
27	TAM 3	Ông Bùi Văn Huệ	Trưởng ban	
28		Ông Bùi Văn Đăng	Phó ban thường trực	



Sustainable Natural Resource Management Project

29		Bà Bùi Thị Hẹm	Phó ban (kiêm Kế toán)	x
30		Bà Bùi Thị Mịch	Thư ký (kiêm Thủ quỹ)	x
31	TAM 4	Ông Bùi Văn Đam	Trưởng ban	
32		Ông Bùi Tiến Nhỏ	Phó ban	
33		Ông Bùi Văn Kháng	Phó ban (kiêm Kế toán)	
34		Bà Bùi Thị Nga	Thư ký (kiêm Thủ quỹ)	x

Phụ lục 2: Danh sách Tổ TTbVR

STT	Tên Tổ TTbVR	Họ và tên	Xóm	Chức danh
1	BÀO 1	Ông Bùi Văn Điệp	xóm Bào 1	Tổ trưởng
2		Ông Bùi Văn Đang	xóm Bào 1	Tổ phó
3	NHÓT	Ông Bùi Văn Lon	Xóm Nhót	Tổ trưởng
4		Ông Bùi Văn Tuấn	Xóm Nhót	Tổ phó
5		Ông Bùi Văn Bảy	Xóm Nhót	Tổ viên
6		Ông Bùi Văn Năng	Xóm Nhót	Tổ viên
7	LIÊN XÓM SUNG 1, SUNG 2	Ông Bùi Văn Thịnh	xóm Sung 2	Tổ trưởng
8		Ông Bùi Văn Nhiệt	xóm Sung 1	Tổ phó
9		Ông Bùi Văn Thư	xóm Sung 2	Tổ phó
10		Ông Bùi Văn Minh	xóm Sung 1	Tổ viên
11	LIÊN XÓM TAM 1, TAM 2, TAM 3, TAM 4	Ông Bùi Văn Nhiên	xóm Tam 1	Tổ trưởng
12		Ông Bùi Văn Khánh	xóm Tam 4	Tổ phó
13		Ông Bùi Văn Tuấn	xóm Tam 3	Tổ phó
14		Ông Bùi Văn Biện	xóm Tam 3	Tổ viên
15		Ông Bùi Văn Quyền	xóm Tam 2	Tổ viên
16		Ông Bùi Văn Nợi	xóm Tam 4	Tổ viên
17		Ông Bùi Văn Tùng	xóm Tam 1	Tổ viên



Sustainable Natural Resource Management Project

Phụ lục 3: Chỉ số giám sát đối với xây dựng bản đồ lưu vực rừng

Hoạt động	Điểm lấy nước	Diện tích xác định (lưu vực rừng)	Bản đồ xây dựng được
Xây dựng bản đồ rừng/lưu vực	20 mỏ nước sinh hoạt, 14 hồ đập	Lưu vực 1: 844,62 ha; Lưu vực 2: 145,63 ha; Lưu vực 3: 958,84 ha	4 bản đồ (Bản đồ chung toàn xã, bản đồ lưu vực 1, bản đồ lưu vực 2, bản đồ lưu vực 3)

Phụ lục 4: Tổng hợp về diện tích rừng đang được bảo vệ bởi Tổ TT BVR

TT	Tên xóm	Diện tích theo từng loại rừng (ha)				Tổng (ha)
		Rừng PH	Rừng SX	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	
1	Tam 1, 2, 3, 4	472.5			472.5	472.5
2	Sung 1, 2		21.56		21.56	21.56
3	Bào 1	27.5			27.5	27.5
4	Nhót		239.34	229.45	9.89	239.34
	Total	500	260.9	229.45	531.45	760.9

Phụ lục 5: Tổng hợp về trồng rừng

TT	Xóm	Số cây giống	Loài cây	Diện tích trồng (ha)		
				RSX	RPH	Tổng
1	Nen 1	24,972	<i>Keo, xoan, lát, trám, sao đen</i>	14.20	0	14.20
2	Nen 3	10,154	<i>Keo, xoan, trám, sao đen</i>	5.92	0	5.92
3	Nhót	13,728	<i>Keo, xoan, lát, trám, sao đen</i>	8.20	0	8.20
4	Đông 2	14,968	<i>Keo, xoan, lát, trám, sao đen, sáu giổi</i>	10.39	0	10.39



Sustainable Natural Resource Management Project

5	Bào 1	42,193	<i>Keo, xoan, lát, trám</i>	27.42	0	27.42
6	Bào 2	19,423	<i>Keo, xoan, trám, lát, giổi</i>	3.78	7.5	11.28
7	Sung 1	5,452	<i>Keo, trám, sao đen</i>	3.20	0	3.20
8	Sung 2	7,126	<i>Keo, trám, sấu, giổi, sao đen</i>	4.05	0	4.05
9	Tam 1	8,592	<i>Keo, lát, trám</i>	0.00	5	5.00
10	Tam 3	24,791	<i>Keo, xoan, lát, trám, sao đen, giổi</i>	2.42	13.41	15.83
11	Tam 4	66,855	<i>Keo, xoan, lát, trám, sấu, giổi, sao đen, sa nhân</i>	26.20	11.75	37.95
12	Tam 2	2,641	<i>Kheo, lát</i>	0.80	1.12	1.92
13	Tân Hương 2	1,847	<i>Keo, sao đen, giổi</i>	1.05	0	1.05
	Tổng	242,742		107.63	38.78	146.41

Phụ lục 6: Tổng hợp các khóa tập huấn về quản lý rừng

TT	Tên khóa tập huấn	Học viên				Xóm mục tiêu
		Người dân	Khác	Nam	Nữ	
1	Tập huấn về kỹ năng quản lý và vận hành Ban QLDA xóm	34	3	26	11	Bào 1, Bào 2, Đông 2, Nen 1, Nen 3, Nhót, Sung 1, Sung 2, Tam 1, Tam 2, Tam 3, Tam 4, Tân Hương 2
2	Tham quan học hỏi về trồng rừng	35	5	36	4	Bào 1, Bào 2, Đông 2, Nen 1, Nen 3, Nhót, Sung 1, Sung 2, Tam 1, Tam 2, Tam 3, Tam 4, Tân Hương 2
3	Tập huấn về tổ chức	33	1	33	1	Bào 1, Nhót, Sung 1,



Sustainable Natural Resource Management Project

	tuần tra rừng cho Tổ TTBVR					Sung 2, Tam 1, Tam 2, Tam 3, Tam 4,
4	Tập huấn về kỹ thuật trồng rừng cho các hộ trồng rừng năm 2017	154	3	116	41	Bào 1, Bào 2, Đông 2, Nen 1, Nen 3, Nhót, Sung 1, Sung 2, Tam 1, Tam 3, Tam 4
5	Tham quan học hỏi kinh nghiệm về tuần tra bảo vệ rừng	27	6	33	0	Bào 1, Nhót, Sung 1, Sung 2, Tam 1, Tam 2, Tam 3, Tam 4
6	Tập huấn về kỹ thuật trồng rừng cho các hộ trồng rừng năm 2018	43	3	41	5	Bào 1, Nhót, Sung 2, Tam 1, Tam 2, Tam 3, Tam 4
7	Tập huấn về PCCCR cho Tổ TTBVR và các bên liên quan	31	7	35	3	Bào 1, Bào 2, Đông 2, Nen 1, Nen 3, Nhót, Sung 1, Sung 2, Tam 1, Tam 3, Tam 4
8	Tập huấn về chăm sóc rừng cho các hộ trồng rừng năm 2017	87	11	82	16	Bào 1, Bào 2, Đông 2, Nen 1, Nen 3, Nhót, Sung 1, Sung 2, Tam 1, Tam 3, Tam 4, Tam 2
9	Tham quan học hỏi kinh nghiệm về quản lý quỹ xóm	21	12	25	8	Bào 1, Bào 2, Đông 2, Nen 1, Nen 3, Nhót, Sung 1, Sung 2, Tam 1, Tam 3, Tam 4, Tam 2



Sustainable Natural Resource Management Project

Phụ lục 7: Chỉ số giám sát hoạt động phát triển sinh kế

Stt	Hoạt động	Tổ chức tập huấn/cung cấp tài liệu	Số người/hộ gia đình thụ hưởng	Kỹ thuật áp dụng	Tác động của việc nâng cao hiệu quả (gia tăng sản xuất/tiết kiệm nhiên liệu)	Ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế (tạo thu nhập/tiết kiệm lao động)	Tình hình tổ chức cộng đồng (Hiện trạng nhóm hộ nông dân)	Tác động của tổ chức cộng đồng (marketing, mua sắm theo nhóm, tiếp cận tài chính)
1	<p>Hỗ trợ trồng rau</p> <p>1) Hỗ trợ kỹ thuật</p> <p>2) Hỗ trợ đầu vào</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạt giống rau - Màng phủ nông nghiệp <p>3) Hỗ trợ tiếp cận thị trường</p>	<p>1) Tài liệu tập huấn (bài trình bày (powerpoint), video, tài liệu phát tay).</p> <p>2) Hạt giống rau vụ hè và vụ đông cho hộ</p> <p>3) Màng phủ nông nghiệp (nilon đen che phủ luống)</p> <p>4) Tham quan tiếp cận thị trường rau an toàn</p>	<p>1) Tập huấn kỹ thuật (80 hộ)</p> <p>2) 19,56 kg giống rau vụ hè và vụ xuân được cấp cho 81 hộ.</p> <p>3) Màng phủ nông nghiệp (49 hộ)</p> <p>4) Tham quan tiếp cận thị trường (25 hộ sản xuất, 3 cán bộ xã và huyện)</p>	<p>1) Kỹ thuật canh tác rau an toàn.</p> <p>2) Phương pháp sử dụng thuốc BTVT hiệu quả và an toàn</p> <p>3) Sử dụng màng phủ nông nghiệp trong canh tác rau.</p> <p>4) Sử dụng giống rau chất lượng cao cho sản xuất rau</p>	<p>1) Tỷ lệ các hộ áp dụng kỹ thuật trồng trọt theo kiến thức đã được tập huấn</p> <p>2) Tỷ lệ hộ sử dụng màng phủ nông nghiệp cho các loại rau giá trị cao.</p> <p>3) Tạo nguồn quỹ Dự án xóm từ hoạt động hỗ trợ màng phủ nông nghiệp</p>	<p>1) Hiệu quả kinh tế hộ trồng rau</p> <p>2) Tỷ lệ hạn chế lượng thuốc BTVT dùng cho các sản phẩm rau ăn quả từ đó tăng thêm thu nhập cho người dân.</p>	<p>1) Người dân đã tự thành lập tổ hợp tác sản xuất rau an toàn xóm Sung với 73 thành viên. Tổ hợp tác mới thành lập từ tháng 07.2017. Tổ hợp tác đã bắt đầu đi vào hoạt động và thử nghiệm bán một số sản phẩm rau an toàn xóm</p>	<p>1) Quy mô bao nhiêu vùng sản xuất rau an toàn; Quy chế nhóm sản xuất, quy định về chất lượng sản phẩm và sử dụng thuốc trừ sâu.</p> <p>2) Vai trò của tổ hợp tác liên kết các hộ trong việc tiêu thụ sản phẩm rau</p>



Sustainable Natural Resource Management Project

Stt	Hoạt động	Tổ chức tập huấn/cung cấp tài liệu	Số người/hộ gia đình thụ hưởng	Kỹ thuật áp dụng	Tác động của việc nâng cao hiệu quả (gia tăng sản xuất/tiết kiệm nhiên liệu)	Ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế (tạo thu nhập/tiết kiệm lao động)	Tình hình tổ chức cộng đồng (Hiện trạng nhóm hộ nông dân)	Tác động của tổ chức cộng đồng (marketing, mua sắm theo nhóm, tiếp cận tài chính)
					cho hộ có thể vay vốn tín dụng nhỏ để phát triển sản xuất		Sung.	an toàn (tổ hợp tác phụ trách khâu nào; sản lượng tiêu thụ...)
2	<p>Hỗ trợ trồng cây ăn quả</p> <p>1) Hỗ trợ kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật trồng bưởi - Tập huấn kỹ thuật trồng cây ăn quả <p>2) Hỗ trợ giống cây ăn quả</p>	<p>1) Tài liệu tập huấn (tài liệu phát tay).</p> <p>2) 5 loại cây giống cây ăn quả: Nhãn chín sớm, Mít Thái, Mít dai, Na Thái và Táo Đài Loan</p>	<p>1) Tập huấn kỹ thuật (112 học viên: 108 nông dân và 4 cán bộ khuyến nông)</p> <p>2) Giống cây ăn quả (250 hộ)</p>	<p>1) Chuyển giao kỹ thuật thiết kế vườn bưởi sử dụng thước chữ A nhằm hạn chế xói mòn đất.</p> <p>2) Kỹ thuật cắt tỉa cho cây ăn quả trong thời kỳ thiết kế cơ bản</p> <p>3) Kỹ thuật kiểm soát sự ra hoa cây ăn quả (khoanh vỏ, thúc hoa...)</p> <p>4) Kỹ thuật nhân</p>	<p>1) Tỷ lệ hộ thực hiện thiết kế, cắt tỉa và áp dụng kỹ thuật khoanh vỏ để kiểm soát sự phân hóa mầm hoa</p> <p>2) Số hộ tiến hành ghép thử nghiệm trên một số loại cây ăn quả.</p>	<p>1) Khối lượng thuốc BTVT sử dụng nếu thực hiện cắt tỉa tạo hình đúng kỹ thuật.</p> <p>2) Hiệu quả kinh tế của một số loại cây ăn quả chính thuộc hộ.</p>	-	-



Sustainable Natural Resource Management Project

Stt	Hoạt động	Tổ chức tập huấn/cung cấp tài liệu	Số người/hộ gia đình thụ hưởng	Kỹ thuật áp dụng	Tác động của việc nâng cao hiệu quả (gia tăng sản xuất/tiết kiệm nhiên liệu)	Ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế (tạo thu nhập/tiết kiệm lao động)	Tình hình tổ chức cộng đồng (Hiện trạng nhóm hộ nông dân)	Tác động của tổ chức cộng đồng (marketing, mua sắm theo nhóm, tiếp cận tài chính)
				<p>giống cây ăn quả: kỹ thuật chiết và ghép.</p> <p>5) Sử dụng cây ăn quả ghép nhằm cải tạo chất lượng vườn cây ăn quả.</p> <p>6) Đa dạng hóa chủng loại cây trong vườn cây ăn quả của hộ.</p>	3) Tạo nguồn quỹ Dự án xóm từ hoạt động hỗ trợ giống cây ăn quả cho hộ có thể vay vốn tín dụng nhỏ để phát triển sản xuất			
3	Hỗ trợ trồng cỏ	<p>1) Tờ rơi hướng dẫn kỹ thuật trồng cỏ</p> <p>2) Hỗ trợ kỹ thuật trồng cỏ trực tiếp khi chuyển giống cỏ</p> <p>3) Hỗ trợ 3 giống cỏ cho chăn nuôi: hom</p>	<p>1) Hướng dẫn kỹ thuật cho 30 học viên.</p> <p>2) 16.601 kg cỏ cho chăn nuôi được cấp cho 106 hộ dân, với diện tích</p>	1) Kỹ thuật trồng và chăm sóc cỏ trong thời kỳ đầu sau trồng và sau khi thu hoạch cỏ.	1) Số lượng thời gian tiết kiệm được từ hoạt động cắt cỏ cho trâu bò thay vì lấy cỏ trên rừng hoặc chăn thả	<p>1) Hiệu quả kinh tế từ hoạt động chăn nuôi.</p> <p>2) Quỹ thời gian tăng thêm cho hộ gia đình từ</p>	-	-



Sustainable Natural Resource Management Project

Stt	Hoạt động	Tổ chức tập huấn/cung cấp tài liệu	Số người/hộ gia đình thụ hưởng	Kỹ thuật áp dụng	Tác động của việc nâng cao hiệu quả (gia tăng sản xuất/tiết kiệm nhiên liệu)	Ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế (tạo thu nhập/tiết kiệm lao động)	Tình hình tổ chức cộng đồng (Hiện trạng nhóm hộ nông dân)	Tác động của tổ chức cộng đồng (marketing, mua sắm theo nhóm, tiếp cận tài chính)
		cỏ VA06, hạt cỏ sả lá lớn (Mombasa Ghine) và hom cỏ lạc dại	cỏ trồng khoảng 4,3 ha.		trâu bò. 2) Giảm tỷ lệ chết trâu bò trong mùa đông (%)	đó hộ có thể tham gia các hoạt động tạo thu nhập khác		
4	Hỗ trợ hoạt động nuôi ong	1) Tham quan học tập kinh nghiệm nuôi ong 2) Tài liệu tập huấn (bài trình bày (powerpoint), video, tài liệu phát tay). 3) Hỗ trợ giống ong, vật tư ngành ong 4) Tham quan tiếp cận thị trường cho các sản phẩm mật ong. 5) Quy chế nhóm sở	1) Tham quan học tập kinh nghiệm nuôi ong: 23 người, trong đó có 21 hộ nuôi ong và 2 cán bộ cấp xã. 2) Hỗ trợ kỹ thuật nuôi ong: + Tập huấn	1) Kỹ thuật nuôi ong cơ bản bao gồm: kỹ thuật đóng thùng ong cải tiến đúng kích cỡ và các yêu cầu kỹ thuật; kỹ thuật tạo chúa, nhân đàn; kỹ thuật cho ong ăn bổ sung trong mùa thiếu mật và phân; phương pháp nhận biết và phòng trừ bệnh hại	1) Tỷ lệ % số hộ nuôi ong áp dụng theo kiến thức học được sau khóa tập huấn, tham quan học tập. 2) Tỷ lệ hộ biết xử lý một số bệnh trên ong như thối ấu trùng tuổi	1) Hiệu quả kinh tế hộ nuôi ong: trung bình một hộ nuôi ong có thu nhập ròng từ hoạt động nuôi ong là 4,2 triệu đồng/hộ/năm.	1) Thành lập nhóm sở thích nuôi ong với 76 thành viên nhằm tăng khả năng hỗ trợ kỹ thuật trong nhóm nuôi ong, tăng khả năng tiếp cận đầu vào	1) Nhóm sở thích nuôi ong có quy chế và quỹ nhóm sở thích riêng và là nguồn quỹ tín dụng cho hộ nuôi ong trong nhóm có thể vay vốn để mở rộng sản xuất. 2) Theo dõi



Sustainable Natural Resource Management Project

Stt	Hoạt động	Tổ chức tập huấn/cung cấp tài liệu	Số người/hộ gia đình thụ hưởng	Kỹ thuật áp dụng	Tác động của việc nâng cao hiệu quả (gia tăng sản xuất/tiết kiệm nhiên liệu)	Ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế (tạo thu nhập/tiết kiệm lao động)	Tình hình tổ chức cộng đồng (Hiện trạng nhóm hộ nông dân)	Tác động của tổ chức cộng đồng (marketing, mua sắm theo nhóm, tiếp cận tài chính)
		thích nuôi ong	<p>nuôi ong cơ bản: 50 hộ nuôi ong</p> <p>+ Hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp (thăm ong tại nhà): 26 hộ</p> <p>+ Tập huấn kỹ thuật dưỡng ong qua đông: 60 hộ nuôi ong</p> <p>3) Hỗ trợ 129 đàn ong giống và 7 loại vật tư ngành ong cho 55 hộ gia đình.</p> <p>4) Tham quan tiếp cận thị trường: 37</p>	<p>trên đàn ong; Kỹ thuật chống rét cho ong...</p> <p>2) Hướng dẫn sử dụng một số loại vật tư ngành ong vào việc nuôi ong của nông hộ: chân tảng, bình hun khói, máng cho ong ăn...</p> <p>3) Phương pháp bao gói sản phẩm và nâng cao chất lượng mật ong.</p> <p>4) Kỹ thuật nhằm hạn chế số lượng đàn ong bốc bay vào mùa khan hiếm phấn và mật hoa; và hạn chế chết ong vào mùa đông</p>	<p>lớn, tuổi nhỏ và sâu ăn sáp.</p> <p>3) Số lượng đàn ong tăng thêm qua khóa tập huấn</p> <p>4) Hình thành nguồn quỹ Dự án xóm từ hoạt động hỗ trợ giống và vật tư cho ong. Nguồn quỹ Dự án xóm được cho các hộ dân vay để phát triển sản xuất.</p>	<p>2) Tỷ lệ hộ có ong bốc bay năm 2017</p> <p>3) Tỷ lệ hộ tham gia hoạt động nuôi ong năm 2018</p>	<p>và tăng cơ hội tiếp cận thị trường.</p> <p>2) Cần theo dõi số lượng thành viên tham gia họp nhóm và tham gia tích cực vào các hoạt động của nhóm</p>	<p>việc mua sắm vật tư đầu vào cho các hộ nuôi ong thông qua người phụ trách của nhóm.</p>



Sustainable Natural Resource Management Project

Stt	Hoạt động	Tổ chức tập huấn/cung cấp tài liệu	Số người/hộ gia đình thụ hưởng	Kỹ thuật áp dụng	Tác động của việc nâng cao hiệu quả (gia tăng sản xuất/tiết kiệm nhiên liệu)	Ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế (tạo thu nhập/tiết kiệm lao động)	Tình hình tổ chức cộng đồng (Hiện trạng nhóm hộ nông dân)	Tác động của tổ chức cộng đồng (marketing, mua sắm theo nhóm, tiếp cận tài chính)
			<p>người trong đó 35 hộ dân và 2 cán bộ xã.</p> <p>5) Hỗ trợ thành lập nhóm sở thích nuôi ong với tổng số 76 thành viên.</p>		5) Sự ảnh hưởng của ngành nuôi ong tới việc hộ dân quyết định đa dạng hóa cây trồng (cây ăn quả, cây rừng bản địa) để phục vụ hoạt động nuôi ong			
5	Tiết kiệm năng lượng							
5.1	Bếp cải tiến tiết kiệm củi	<p>1) Tờ rơi hướng dẫn kỹ thuật sử dụng bếp cải tiến</p> <p>2) Hướng dẫn kỹ thuật xây bếp cải tiến cố định và cách sử dụng</p>	1) 991/1059 hộ đã nhận bếp cải tiến tiết kiệm củi.	<p>1) Buồng bếp kín nên tăng hiệu quả sử dụng củi và tăng khả năng giữ nhiệt cho bếp</p> <p>2) Bếp dễ di chuyển,</p>	1) Hiệu quả tiết kiệm củi tới 50% so với bếp truyền thống nên tiết kiệm thời gian lấy củi	1) Tăng quỹ thời gian cho hộ gia đình từ đó hộ có thể tham gia các hoạt động tạo	-	-



Sustainable Natural Resource Management Project

Stt	Hoạt động	Tổ chức tập huấn/cung cấp tài liệu	Số người/hộ gia đình thụ hưởng	Kỹ thuật áp dụng	Tác động của việc nâng cao hiệu quả (gia tăng sản xuất/tiết kiệm nhiên liệu)	Ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế (tạo thu nhập/tiết kiệm lao động)	Tình hình tổ chức cộng đồng (Hiện trạng nhóm hộ nông dân)	Tác động của tổ chức cộng đồng (marketing, mua sắm theo nhóm, tiếp cận tài chính)
		và bảo trì bếp trực tiếp khi giao bếp. 3) Hỗ trợ bếp cải tiến tiết kiệm củi		ít khói và sử dụng được đa mục đích	cho hộ gia đình. 2) 79% nguồn quỹ Dự án xóm từ hoạt động sinh kế được hình thành dựa trên đóng góp của hộ gia đình nhận bếp cải tiến tiết kiệm củi. Nguồn quỹ Dự án xóm được cho các hộ dân vay để phát triển sản xuất.	thu nhập khác		
5.2	Xây dựng/lắp đặt hệ thống bioga	1) Tài liệu xây bể bioga (tài liệu tham khảo sự	1) 20 hệ thống bioga đã được	1) Xây dựng hệ thống bioga bằng	1) Giảm lượng củi tiêu thụ	1) Giảm thời gian lấy củi	-	-



Sustainable Natural Resource Management Project

Stt	Hoạt động	Tổ chức tập huấn/cung cấp tài liệu	Số người/hộ gia đình thụ hưởng	Kỹ thuật áp dụng	Tác động của việc nâng cao hiệu quả (gia tăng sản xuất/tiết kiệm nhiên liệu)	Ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế (tạo thu nhập/tiết kiệm lao động)	Tình hình tổ chức cộng đồng (Hiện trạng nhóm hộ nông dân)	Tác động của tổ chức cộng đồng (marketing, mua sắm theo nhóm, tiếp cận tài chính)
		án của SNV)	xây dựng và lắp đặt.	gạch hoặc lắp đặt bể bioga composite. 2) Tận dụng nguồn phân lợn làm nguyên liệu cho hệ thống bioga	của hộ gia đình.	của hộ gia đình từ đó hộ có thể tham gia các hoạt động tạo thu nhập khác		



Sustainable Natural Resource Management Project

Phụ lục 8: Tổng hợp các khóa tập huấn về sinh kế

TT	Tên khóa tập huấn	Học viên					Xóm mục tiêu
		Tổng	Theo đối tượng		Theo giới		
			Nông dân	Khác	Nam	Nữ	
1	Tập huấn về kỹ thuật canh tác bưởi	114	108	5	71	43	Tam 1, Bao 1, Bao 2, Sung 1, Sung 2 and Nhot villages
2	Tập huấn về kỹ thuật trồng rau	78	78	0	21	57	Bao 2, Sung 1, Sung 2 villages
3	Tham quan học tập kinh nghiệm nuôi ong	23	21	2	23	0	Tam 1, Tam 2, Tam 3, Tam 4, Bao 1, Sung 1, Sung 2 and Nhot villages
4	Tập huấn về kỹ thuật nuôi ong	50	50	0	50	0	Tam 1, Tam 2, Tam 3, Tam 4, Bao 1, Sung 1, Sung 2 and Nhot villages
5	Tham quan học tập về kỹ thuật nuôi ong	38	35	3	38	0	Tam 1, Tam 2, Tam 3, Tam 4, Bao 1, Sung 1, Sung 2 and Nhot villages
6	Tập huấn về chăm sóc ong trong mùa đông	61	59	2	59	0	Tam 1, Tam 2, Tam 3, Tam 4, Bao 1, Sung 1, Sung 2 and Nhot villages
7	Tham quan học tập kinh nghiệm tiêu thụ rau	29	25	4	10	19	Bao 2, Sung 1, Sung 2 villages
8	Tập huấn về kỹ thuật trồng cây ăn quả	334	216	18	219	115	Tam 1, Tam 2, Tam 3, Tam 4, Bao 1, Sung 1, Sung 2 and Nhot villages
9	Tập huấn về kỹ thuật nuôi ong	97	87	10	90	7	Tam 1, Tam 2, Tam 3, Tam 4, Bao 1, Sung 1, Sung 2 and Nhot villages



Sustainable Natural Resource Management Project

Phụ lục 9: Tổng hợp về các hoạt động về hỗ trợ phát triển sinh kế

TT	Hoạt động	Xóm	Số hộ	Hỗ trợ vật tư	Loại	Hình thức
1	Hỗ trợ trồng rau	3	80	- 550 kg màng phủ - 20.52 kg giống rau	<i>Rau muống, bí xanh, súp lơ, bắp cải, su hào</i>	Hỗ trợ kỹ thuật và vật tư
2	Hỗ trợ cây ăn quả	9	250	5,947 cây giống	<i>Nhãn, táo, mít, na</i>	Hỗ trợ kỹ thuật và cây giống
3	Tập huấn trồng bưởi	6	108	NA	NA	Hỗ trợ kỹ thuật
4	Nuôi ong	9	87	- 249 thùng ong giống - 56 bình hun khói - 55 dao cắt nắp - 1,245 chân tảng - 111 mũ chống ong đốt - 17 thùng quay mật - 195 máng ăn - 20 kg phấn hoa - 3 máy đo thủy phân	NA	Hỗ trợ kỹ thuật, ong giống và vật tư
5	Trồng cỏ	9	98	- 2.510 kg hom giống cỏ lạc - 14,000 kg giống cỏ VA06 - 14 kg hạt giống cỏ sả	<i>Arachis pintol, VA06, Guinea Mombasa</i>	Hỗ trợ kỹ thuật và cỏ giống
6	Bếp cải tiến	13	1,053	1,988 bếp cải tiến	<i>Bếp xây và bếp di chuyển</i>	Hỗ trợ kỹ thuật, vật tư và bếp
7	Biogas	9	20	20 biogas systems		Hỗ trợ vật tư



Sustainable Natural Resource Management Project

Phụ lục 10: Quy chế hoạt động của Ban QLDA xóm Nhót

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hối, ngày 25 tháng 11 năm 2016

QUI CHẾ HOẠT ĐỘNG

Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế xóm Nhót

xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

CHƯƠNG I: BAN QUẢN LÝ RỪNG VÀ PHÁT TRIỂN SINH KẾ

Điều 1. Tên gọi

Tên chính thức của Ban Quản lý dự án xóm là: “Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế xóm Nhót” (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý dự án xóm);

Điều 2. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Quản lý dự án xóm

1. Ban Quản lý dự án xóm có 05 thành viên, gồm:

- + Trưởng ban: Ông Bùi Văn Năng
- + Phó ban: Ông Bùi Văn Thắng
- + Thủ quỹ: Ông Bùi Thị Nguyệt
- + Thành viên: Ông Bùi Văn Cầu
- + Thành viên: Ông Bùi Văn Khoa

2. Thời hạn của một nhiệm kỳ là 02 năm.

3. Thành viên của Ban Quản lý dự án xóm là những người được bầu thông qua họp xóm. Cuộc họp xóm được coi là họp lệ chỉ khi có trên 1/2 số hộ trong xóm tham dự.

4. Mọi thành viên của cộng đồng từ 18 tuổi trở lên và có đủ năng lực về trí tuệ và sức khỏe, không phân biệt nam giới hoặc nữ giới, là công dân Việt Nam cư trú thường xuyên tại xóm đều được tham gia ứng cử vào Ban quản lý dự án xóm.

5. Thành viên Ban Quản lý dự án xóm phải được UBND xã ra quyết định phê chuẩn mới được coi là họp lệ.

6. Trường hợp có thành viên trong Ban quản lý dự án xóm không còn được cộng đồng xóm tín nhiệm hoặc không thể tiếp tục đảm nhiệm công việc vì một lý do bất khả kháng thì cộng đồng xóm bầu người thay thế thông qua họp xóm. Việc thay đổi nhân sự trong



Sustainable Natural Resource Management Project

Ban quản lý dự án xóm cũng phải được UBND xã phê duyệt mới có hiệu lực.

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án xóm

1. Huy động và triệu tập các hộ gia đình tham gia cuộc họp xóm và các hoạt động cộng đồng về Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của xóm. Thông báo kết quả của các cuộc họp, kết quả các hoạt động cộng đồng cho cộng đồng dân cư của thôn được biết thông qua các cuộc họp xóm hay các bản tin về công tác quản lý rừng và phát triển sinh kế.
2. Chỉ đạo, điều phối, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của xóm theo kế hoạch đã được phê duyệt, bao gồm cả hoạt động của Tổ Tuần tra Bảo vệ Rừng của xóm. Đảm bảo việc thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của xóm được thực hiện tốt.
3. Quản lý, sử dụng Quỹ Dự án xóm hiệu quả, bền vững theo quy định;
4. Phối hợp với các bên có liên quan xử lý các trường hợp vi phạm Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng của xóm, thu các khoản tiền bồi thường thiệt hại từ các đối tượng vi phạm Quy ước bảo vệ và phát triển rừng của xóm trong phạm vi chức trách của mình, bổ sung vào Quỹ Dự án xóm theo quy định của Quy ước bảo vệ và Phát triển rừng của xóm;
5. Xử lý các trường hợp vi phạm cam kết thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của xóm, thu các khoản tiền bồi thường thiệt hại từ các đối tượng vi phạm cam kết trong phạm vi chức trách của mình, bổ sung vào Quỹ Dự án xóm. Đảm bảo các nguồn lực để thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của xóm được sử dụng hiệu quả;
6. Lập và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các văn bản về Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của cộng đồng xóm khi cần;
7. Tổ chức và giám sát các hoạt động của Tổ Tuần tra Bảo vệ Rừng của xóm; đảm bảo tài nguyên rừng của xóm được quản lý, phát triển, sử dụng đúng quy định theo Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng cũng như Kế hoạch quản lý phát triển rừng 5 năm và hàng năm của xóm và các quy định khác của Nhà nước.
8. Định kỳ 1 lần/tháng, Ban quản lý xóm có trách nhiệm biên tập 01 bản tin về công tác quản lý rừng và phát triển sinh kế và phối hợp với Trưởng thôn đọc bản tin này trên hệ thống loa truyền thanh của thôn vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Điều 4. Cơ chế ra quyết định và thực hiện của Ban Quản lý dự án xóm

1. Ban Quản lý dự án xóm họp định kỳ 1 lần/tháng và họp bất thường khi thấy cần thiết.
2. Ban Quản lý dự án xóm có thể ra quyết định xử lý một vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của mình nếu có nhiều hơn 1/2 số thành viên trong Ban Quản lý dự án xóm đồng ý.



Sustainable Natural Resource Management Project

3. Tất cả các cuộc họp Ban Quản lý dự án xóm cần phải được ghi lại đầy đủ nội dung bằng văn bản, ký xác nhận của người chủ trì (Trưởng ban hoặc người được ủy quyền) và thư ký cuộc họp; lưu trữ biên bản tại Ban Quản lý dự án xóm.
4. Trưởng ban Ban quản lý dự án xóm có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các hoạt động đã được tập thể thống nhất. Các thành viên còn lại của Ban Quản lý dự án xóm chịu sự chỉ đạo, phân công công việc của Trưởng ban Ban quản lý dự án xóm.
5. Các thành viên của Ban Quản lý dự án xóm có trách nhiệm giải trình trước các thành viên khác về các hoạt động của mình

Điều 5. Thù lao cho các thành viên của Ban quản lý dự án xóm

1. Hoạt động của các thành viên Ban Quản lý dự án xóm là hoạt động tự nguyện vì cộng đồng.
2. Thù lao của các thành viên Ban Quản lý dự án xóm nếu có sẽ được chi trả từ Quỹ Dự án xóm. Mức thù lao cụ thể sẽ được cộng đồng xóm thống nhất và được UBND xã phê duyệt sau khi Quỹ Dự án xóm được thành lập.

CHƯƠNG II: QUỸ DỰ ÁN XÓM

Điều 6. Nguồn kinh phí hình thành Quỹ Dự án xóm

Quỹ xóm được hình thành từ các nguồn tài chính sau:

1. Nguồn thu ban đầu của Quỹ Dự án xóm là các khoản đóng góp (đối ứng) từ các nhóm sở thích và các hộ gia đình đã nhận hỗ trợ từ Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên bền vững (SNRM) để thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế.
2. Nguồn thu là lãi suất cho vay từ hoạt động tín dụng nhỏ bằng nguồn tài chính của Quỹ Dự án xóm để thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của các hộ dân trong xóm.
3. Nguồn thu từ bồi thường các vi phạm Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng của xóm; bồi thường các vi phạm các quy định của Quy ước trong thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của Dự án.
4. Các khoản tài trợ và hỗ trợ khác từ Nhà nước, các cơ quan tài trợ, các dự án, các tổ chức phi chính phủ và các đơn vị, cá nhân khác cho các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế xóm; tiền đóng góp tự nguyện của cộng đồng (nếu có).
5. Các nguồn thu từ việc chi trả cho các hoạt động như: Khoán quản lý bảo vệ rừng; chi trả dịch vụ môi trường rừng, tham gia thị trường các-bon; các dịch vụ du lịch hay các loại hình chi trả khác theo quy định của Nhà nước áp dụng cho diện tích rừng do cộng đồng xóm quản lý (nếu có).



Sustainable Natural Resource Management Project

6. Nguồn thu từ khai thác lâm sản ngoài gỗ trong rừng cộng đồng; kinh doanh các loại lâm sản khi có điều kiện gây trồng và thu hoạch từ khu rừng cộng đồng (Rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ).

Điều 7. Các khoản kinh phí được phép chi từ Quỹ Dự án xóm

Việc xác định các khoản chi phải tuân theo nguyên tắc sử dụng Quỹ Dự án xóm do cộng đồng thống nhất tại cuộc họp xóm và được UBND xã phê duyệt, bao gồm các khoản được phép chi sau đây:

1. Cho vay tín dụng nhỏ dành cho hộ dân trong xóm để thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế.
2. Chi trả thù lao cho các thành viên Ban quản lý dự án xóm, Thành viên Tổ Tuần tra Bảo vệ rừng của xóm;
3. Chi cho các hoạt động thường xuyên của Ban quản lý dự án xóm (tài liệu, in ấn, văn phòng phẩm, chè nước...);
4. Chi thưởng cho người có thành tích theo quy định trong Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng;
5. Chi tiền chè nước cho các cuộc họp, hội nghị, các hoạt động chung của cộng đồng xóm về Quản lý rừng và Phát triển sinh kế như: hoạt động chăm sóc, khoanh nuôi, phục hồi, phát triển rừng do cộng đồng quản lý...
6. Chi cho các hoạt động công ích khác theo thỏa thuận của cộng đồng;

Điều 8. Định mức chi

1. Định mức chi phí cho các hoạt động theo quy định do cộng đồng thôn tự thỏa thuận;
2. Căn cứ để xây dựng định mức chi là số tiền có trong Quỹ Dự án xóm vào ngày đầu kỳ lập kế hoạch; Định mức chi tiêu cụ thể sẽ được cộng đồng thôn thống nhất sau khi Quỹ Dự án xóm được thành lập.
3. Cuối mỗi quý, cuối năm nguồn kinh phí tồn dư và nguồn kinh phí bổ sung (nếu có) được chuyển sang nguồn kinh phí chi của kế hoạch sử dụng Quỹ Dự án xóm của quý tiếp theo và năm sau.

Điều 9. Cơ chế vận hành Quỹ Dự án xóm

Ban Quản lý dự án xóm trực tiếp quản lý và vận hành Quỹ Dự án xóm, bao gồm:

1. Huy động cộng đồng thành lập và phát triển nguồn Quỹ Dự án xóm;
2. Chỉ đạo thực hiện các khoản thu, chi theo quy định. Lập kế hoạch và cân đối thu, chi và báo cáo kết quả trước cộng đồng thông qua họp thôn định kỳ;



Sustainable Natural Resource Management Project

3. Lưu giữ các hoá đơn, chứng từ theo các quy định về quản lý tài chính đảm bảo mọi khoản thu chi đều có bằng chứng và ghi chép rõ ràng trong Sổ thu chi
4. Triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng Quỹ Dự án xóm;
5. Đảm bảo sự minh bạch trong việc thu, chi từ các nguồn tài chính hình thành Quỹ Dự án xóm;
6. Tạo mối liên kết với các hoạt động tín dụng và dịch vụ khác.
7. Hàng năm, Ban Quản lý dự án xóm lập Kế hoạch sử dụng Quỹ Dự án xóm dựa trên cơ sở các hoạt động trong kế hoạch Quản lý rừng và Phát triển sinh kế hàng năm của cộng đồng đã được UBND xã và Dự án phê duyệt.
8. Lập kế hoạch sử dụng Quỹ phải tiến hành đồng thời với lập kế hoạch Quản lý rừng và Phát triển sinh kế, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, tuân theo các bước sau đây:
 - Xác định nguồn vốn hiện có và các nguồn thu tiềm năng trong năm;
 - Cân đối thu chi, từ đó chọn lựa các hoạt động chính thức để đưa vào kế hoạch theo thứ tự ưu tiên;
9. Kế hoạch sử dụng Quỹ Dự án xóm theo năm phải được thông qua cộng đồng dân cư và trình UBND xã phê duyệt mới có hiệu lực thực hiện. Kế hoạch này sẽ được điều chỉnh vào quý 3 hàng năm nếu có sự thay đổi lớn về nguồn vốn bổ sung nộp vào Quỹ. Kế hoạch sử dụng Quỹ theo năm điều chỉnh cũng phải được thông qua cộng đồng dân cư và trình UBND xã phê duyệt.

Điều 10. Trách nhiệm của cộng đồng và các hộ gia đình

1. Thực hiện nghĩa vụ đóng góp tài chính theo các quy định tại Điều 6 của Quy chế này;
2. Tham gia đóng góp ý kiến lập kế hoạch sử dụng Quỹ Dự án xóm;
3. Phát huy tinh thần làm chủ tập thể trong giám sát hoạt động Quỹ Dự án xóm và kịp thời đề nghị Ban Quản lý dự án xóm, UBND xã, Dự án và cộng đồng kiểm tra, làm rõ những hoạt động có biểu hiện trái với các quy định trong Quy chế Quản lý Quỹ Dự án xóm;

Điều 11. Giám sát quá trình sử dụng Quỹ Dự án xóm

1. Quỹ phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Dự án, của UBND xã định kỳ 2 quý/1 lần hoặc bất thường khi cần.
2. Danh mục thu, chi phải được xây dựng kịp thời và chính xác. Hàng tháng Kế toán phải tổng hợp kết quả các khoản thu, chi. Trưởng ban Ban quản lý cùng với Kế toán phải ký



Sustainable Natural Resource Management Project

tên vào bảng cân đối thu, chi tiêu hàng tháng để làm cơ sở cho việc kiểm tra định kỳ;

3. Sáu tháng một lần, Ban Quản lý dự án xóm có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản chi tiết các hoạt động thu, chi của Quỹ Dự án xóm trước cộng đồng và kế hoạch hoạt động và chi tiêu trong quý tiếp theo. Báo cáo phải được lưu giữ đầy đủ cùng biên bản họp thôn tại Ban Quản lý để phục vụ công tác quản lý và kiểm tra giám sát.

Điều 12. Hỗ trợ của chính quyền địa phương đối với Quỹ Dự án xóm

1. UBND xã có trách nhiệm xem xét và phê duyệt kịp thời kế hoạch sử dụng Quỹ Dự án xóm của cộng đồng căn cứ vào biên bản họp xóm.

2. UBND xã có trách nhiệm hỗ trợ cộng đồng xóm trong trường hợp xử lý những vi phạm các Quy định quản lý và sử dụng Quỹ ngoài khả năng giải quyết của Ban Quản lý dự án xóm.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành, thực hiện và điều chỉnh

1. Ban Quản lý dự án xóm chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp, đồng thời của UBND xã và của Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên bền vững (sau đây gọi tắt là Dự án) về các hoạt động của Dự án và quản lý Quỹ Dự án xóm. Có trách nhiệm báo cáo và chịu sự giám sát của UBND xã và của Dự án trong suốt quá trình hoạt động.

2. Quy chế này đã được cộng đồng xóm Nhót nhất trí thông qua theo biên bản họp xóm về xây dựng Quy chế hoạt động của Ban quản lý rừng và Phát triển sinh kế.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được UBND xã phê chuẩn.

4. Các thành viên Ban quản lý rừng và Phát triển sinh kế và cộng đồng dân cư xóm Nhót, xã Thanh Hối căn cứ quy chế này để thực hiện.

5. Mọi điều chỉnh hoặc bổ sung về nội dung của Quy chế này phải được thông qua cuộc họp xóm và được UBND xã phê duyệt bổ sung.

Trưởng xóm

Phê chuẩn của UBND xã



Sustainable Natural Resource Management Project

Phụ lục 11: Nội quy hoạt động của Tổ TTBVR liên xóm Sung 1 và Sung 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hối, ngày 24 tháng 11 năm 2016

NỘI QUY HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ TUẦN TRA BẢO VỆ RỪNG

LIÊN XÓM SUNG 1 VÀ SUNG 2

I. Cơ cấu tổ chức và vận hành

1. Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm có 4 thành viên, trong đó có 1 tổ trưởng, 1 tổ phó và 2 tổ viên. Số thành viên này được các xóm bầu theo cơ cấu số lượng đã được thống nhất giữa trưởng xóm của 2 xóm, theo đó mỗi xóm sẽ có 02 thành viên tham gia Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm Sung 1 và Sung 2.
2. Các thành viên của Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm được bầu chọn thông qua họp xóm. Sau đó các thành viên được bầu sẽ họp để phân công nhiệm vụ và chức danh cho mỗi thành viên. Kết quả bầu chọn phải được phê chuẩn bởi UBND xã Thanh Hối.
3. Nhiệm kỳ hoạt động của Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm là 2 năm, trong trường hợp cần thiết có thể thực hiện thay thế hoặc bổ sung các thành viên của Tổ thông qua họp xóm. Kết quả bầu chọn người thay thế và kiện toàn nhân sự Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm phải được phê chuẩn bởi UBND xã Thanh Hối.
4. Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm hoạt động dưới sự quản lý, giám sát trực tiếp của Ban Quản lý Dự án xóm Sung 1 và xóm Sung 2.

II. Chức năng và nhiệm vụ của Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm

5. Xây dựng kế hoạch bảo vệ diện tích rừng chung của 2 xóm theo tháng, theo quý và theo năm.
6. Thực hiện tuần tra 1-2 lần/tháng diện tích rừng do cộng đồng thôn quản lý chung của 2 xóm, ngoài ra khi cần thiết có thể tiến hành tuần tra bổ sung theo nhu cầu thực tế.
7. Hàng tháng Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm nộp báo cáo biến động về rừng của 2 xóm cho cán bộ kiểm lâm địa bàn và Ban Quản lý Dự án của 2 xóm.
8. Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý Dự án 2 xóm, cán bộ kiểm lâm địa bàn và các bên liên quan khác để xử lý các trường hợp vi phạm bảo vệ rừng.



Sustainable Natural Resource Management Project

9. Mọi thành viên trong Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng cộng đồng của 2 xóm các quy định khác về quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước.
10. Mỗi thành viên trong Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm phải tuân thủ chỉ đạo và phân công của Tổ trưởng trong việc tuần tra bảo vệ rừng.
11. Các thành viên trong Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm họp định kỳ 1 tháng một lần để giao ban về tình hình bảo vệ rừng của tổ và xử lý các vấn đề phát sinh gặp phải.

III. Quyền lợi

12. Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm hoạt động trên tinh thần vì cộng đồng và tự nguyện để đóng góp trách nhiệm vào công tác bảo vệ rừng chung của 2 xóm.
13. Các thành viên của Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm được tập huấn về cách đọc và sử dụng bản đồ, cách lập báo cáo diễn biến rừng, cách thức xử lý các trường hợp vi phạm bảo vệ rừng.
14. Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm được trang bị bản đồ và các trang thiết bị cần thiết khác để phục vụ cho việc tuần tra bảo vệ rừng.
15. Các thành viên của Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm được ưu tiên hưởng lợi từ các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế của Dự án QLTNTN bền vững.
16. Trong trường hợp Quỹ Dự án xóm cho phép, các thành viên của Tổ tuần tra bảo vệ rừng liên xóm sẽ được hỗ trợ phụ cấp cho phần công việc tuần tra bảo vệ rừng do cộng đồng xóm quản lý, mức hỗ trợ phụ thuộc vào khả năng của Quỹ Dự án xóm và phải được Ban Quản lý Dự án của 2 xóm thông qua. Mức hỗ trợ được quy định chi tiết trong Quy chế Quản lý Quỹ Dự án xóm của mỗi xóm.

IV. Khen thưởng và kỷ luật

1. Các thành viên hoạt động tích cực đóng góp hiệu quả vào công tác bảo vệ rừng của 2 xóm sẽ được khen thưởng và biểu dương. Kinh phí chi khen thưởng sẽ được trích từ Quỹ Dự án xóm, mức khen thưởng sẽ do Ban Quản lý Dự án 2 xóm quyết định.
2. Các thành viên hoạt động không tích cực sẽ không được hưởng những quyền lợi nêu trên và sẽ được xem xét để thay thế bằng những thành viên mới do xóm bầu chọn.

Trưởng xóm

Phê chuẩn



Sustainable Natural Resource Management Project

Phụ lục 12: Quy chế quản lý Quỹ xóm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....***.....

QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG

QUỸ QUẢN LÝ RỪNG VÀ PHÁT TRIỂN SINH KẾ XÓM

Điều 1. Nguồn kinh phí hình thành Quỹ Quản lý rừng và Phát triển sinh kế (Quỹ dự án xóm)

Quỹ dự án xóm được hình thành từ các nguồn tài chính sau:

1. Nguồn đóng góp (đối ứng) từ các nhóm sở thích và các hộ gia đình đã nhận hỗ trợ từ Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên bền vững (SNRM) để thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế.
2. Nguồn thu là lãi suất cho vay từ hoạt động tín dụng nhỏ bằng nguồn tài chính của Quỹ dự án xóm để thực hiện các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của các hộ dân trong xóm.
3. Nguồn thu từ bồi thường do vi phạm Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng của xóm
4. Nguồn thu bồi thường do vi phạm các Thỏa thuận đã ký kết giữa các hộ hưởng lợi khi tham gia các hoạt động của Dự án.
5. Các khoản tài trợ và hỗ trợ khác từ Nhà nước, các cơ quan tài trợ, các dự án, các tổ chức phi chính phủ và các đơn vị, cá nhân khác cho các hoạt động Quản lý rừng và Phát triển sinh kế xóm
6. Các nguồn thu từ việc chi trả cho các hoạt động như: Khoán quản lý bảo vệ rừng; chi trả dịch vụ môi trường rừng, tham gia thị trường các-bon; các dịch vụ du lịch hay các loại hình chi trả khác theo quy định của Nhà nước áp dụng cho diện tích rừng do cộng đồng xóm quản lý (nếu có).
7. Nguồn thu từ khai thác lâm sản ngoài gỗ trong rừng cộng đồng; kinh doanh các loại lâm sản khi có điều kiện gây trồng và thu hoạch từ khu rừng cộng đồng (Rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ).
8. Nguồn thu từ đóng góp của cộng đồng cho hoạt động quản lý bảo vệ rừng.

Điều 2. Trách nhiệm quản lý Quỹ Quản lý rừng và Phát triển sinh kế xóm

Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế (Quản lý dự án xóm) và Ban Quản lý xóm (đối với các xóm không thành lập BQL dự án xóm), chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và vận hành Quỹ Quản lý rừng và Phát triển sinh kế xóm (sau đây được gọi tắt là Quỹ dự án



Sustainable Natural Resource Management Project

xóm), cụ thể như sau:

1. Xây dựng kế hoạch thu – chi hàng năm của Quỹ dự án xóm với sự tham gia của các hộ gia đình trong xóm và được UBND xã phê chuẩn. Kế hoạch này sẽ được điều chỉnh vào đầu quý 3 hàng năm nếu có sự thay đổi lớn về nguồn vốn bổ sung nộp vào Quỹ. Kế hoạch sử dụng Quỹ theo năm điều chỉnh cũng phải được thông qua cộng đồng dân cư và trình UBND xã phê chuẩn.
2. Thực hiện thu – chi các khoản vào và từ Quỹ dự án xóm theo kế hoạch đã xây dựng.
3. Làm báo cáo thu – chi của Quỹ dự án xóm theo từng quý (6 tháng/lần)
4. Lưu giữ các hoá đơn, chứng từ theo các quy định về quản lý tài chính đảm bảo mọi khoản thu chi đều có bằng chứng và ghi chép rõ ràng trong Sổ thu chi.
5. Đảm bảo sự minh bạch trong việc thu - chi của Quỹ dự án xóm.
6. Đảm bảo sự phối hợp, lồng ghép việc quản lý và sử dụng Quỹ dự án xóm với các quỹ khác của xóm.

Điều 3: Nguyên tắc quản lý Quỹ dự án xóm dành cho Thủ quỹ/Kế toán

1. Không sử dụng Quỹ dự án vào việc riêng
2. Không cho vay mượn mang tính cá nhân
3. Ghi chép ngay khi có phát sinh
4. Ghi chép chính xác, rõ ràng và khoa học từng khoản thu chi
5. Không để chung tiền mặt của Quỹ dự án xóm với tiền của cá nhân
6. Đảm bảo tiền mặt của Quỹ dự án xóm được cất giữ an toàn
7. Lưu giữ hóa đơn, chứng từ các khoản chi cẩn thận
8. Hàng tháng thực hiện kiểm kê tiền mặt của Quỹ dự án xóm
9. Thực hiện thu chi đúng quy định, không thực hiện thu chi nếu không có chỉ đạo của Ban Quản lý dự án xóm hay Ban Quản lý xóm.

Điều 4. Các khoản kinh phí được phép chi và định mức chi

STT	Mục chi	ĐVT	Định mức (Đồng)
1	Hỗ trợ phụ cấp cho các thành viên Tổ Tuần tra Bảo vệ rừng cộng đồng của xóm.	Người/tháng	50.000



Sustainable Natural Resource Management Project

2	Hỗ trợ phụ cấp cho các thành viên Ban QLDA xóm hoặc Trưởng xóm ở những xóm không thành lập BQLDA xóm.	Người/tháng	50.000
3	Hỗ trợ tiền in ấn tài liệu, văn phòng phẩm, chè nước... cho các hoạt động của Ban quản lý dự án xóm và Tổ TTBVR	Xóm/năm	240.000
4	Chi thường cho người có thành tích theo quy định trong Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng của xóm.	Xóm/năm	100.000
5	Cho vay tín dụng nhỏ		
5.1	Đối với các xóm: Bào 1; Bào 2; Nhót; Sung 2; Tam 1; Tam 2; Tam 3 và Tam 4	HGD/lượt vay	Không quá 5 triệu.
5.2	Đối với các xóm: Đông 2; Nen 1; Nen 3; Sung 1 và Tân Hương 2 (nếu số dư cho phép	HGD/lượt vay	Không quá 2 triệu.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý cho vay tín dụng nhỏ

1. Khoản tiền dùng cho vay tín dụng nhỏ là phần còn lại của Quỹ dự án xóm sau khi đã trừ các khoản hỗ trợ phụ cấp và chi thường xuyên khác... theo kế hoạch.
2. Vốn vay từ Quỹ dự án xóm chỉ được sử dụng vào các hoạt động bảo vệ phát triển rừng (trồng, chăm sóc rừng...) và phát triển sinh kế (trồng trọt, chăn nuôi, phát triển kinh doanh nhỏ...) một cách hợp pháp của hộ gia đình.
3. Quy trình vay vốn bao gồm i/ Hộ gia đình đăng ký vay vốn với Ban QLDA xóm hoặc Ban quản lý xóm, ii/ Xét duyệt vay vốn, iii/ Ký thỏa thuận vay vốn và giải ngân vốn vay.
4. Hộ được vay, số tiền được vay sẽ do BQL dự án xóm hoặc Ban quản lý xóm thống nhất quyết định căn cứ phương án sử dụng vốn vay của hộ. Nếu có nhiều hộ gia đình có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn nhưng phần quỹ dự án xóm dành cho vay tín dụng nhỏ không đủ đáp ứng được nhu cầu vay vốn thì hộ gia đình được vay vốn được xác định theo hình thức bốc thăm.
5. Chỉ những hộ dân trong xóm mới được vay tiền từ Quỹ dự án xóm; Ưu tiên hộ nghèo, hộ có thành tích trong công tác bảo vệ rừng, ưu tiên hộ chưa được vay... Hộ vi phạm Quy ước BV_PTR của xóm hay xóm lân cận sẽ không được xem xét cho vay.



Sustainable Natural Resource Management Project

6. Hộ vay vốn phải ký Thỏa thuận vay vốn tín dụng nhỏ với Ban QLDA xóm hoặc Ban Quản lý xóm. Thỏa thuận phải được ký bởi cả vợ và chồng, trừ những trường hợp bất khả kháng (vợ hoặc chồng đã mất, vợ hoặc chồng mất năng lực hành vi dân sự).
7. Thời hạn một lượt vay: không quá 12 tháng.
8. Lãi suất của khoản vay là 0,7%/tháng (tương đương 8,4%/năm).
9. Hình thức trả lãi theo từng tháng. Tiền lãi từ các khoản vay do hộ gia đình trả được nộp vào Quỹ dự án xóm.
10. Trả gốc vay một lần vào cuối kỳ vay vốn. Có thể trả một phần hoặc toàn bộ gốc vốn vay trước thời hạn. Tiền lãi hàng tháng chỉ tính theo số tiền gốc còn lại của tháng đó.
11. BQL dự án xóm, hoặc Ban quản lý xóm có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc hộ gia đình vay vốn sử dụng đúng mục đích và hiệu quả nguồn vốn vay từ Quỹ dự án xóm. Nếu hộ gia đình cố tình không sử dụng đúng mục đích và hiệu quả nguồn vốn vay, BQL dự án xóm hoặc Ban quản lý xóm có quyền yêu cầu hộ gia đình hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay (cả gốc và lãi tính tới thời điểm hoàn trả).
12. Nếu có phát sinh các tranh chấp về vốn vay (hộ gia đình trây ỳ không trả tiền lãi, gốc; hoặc cố tình chiếm dụng vốn vay...) mà các bên liên quan không thể tự giải quyết được thì BQL dự án xóm hoặc Ban quản lý xóm phải báo cáo UBND xã để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Báo cáo và giám sát

1. Quỹ dự án xóm phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Dự án và UBND xã định kỳ 2 quý/1 lần hoặc bất thường khi cần.
2. Danh mục thu, chi phải được xây dựng kịp thời và chính xác. Hàng tháng Thủ quỹ/Kế toán phải tổng hợp kết quả các khoản thu, chi. Trưởng ban Ban quản lý dự án xóm cùng với Thủ quỹ/Kế toán hoặc Trưởng xóm (đối với các xóm không thành lập BQL dự án xóm), phải ký tên vào bảng cân đối thu, chi hàng tháng để làm cơ sở cho việc kiểm tra định kỳ.
3. Sáu tháng một lần, Ban Quản lý dự án xóm hoặc Trưởng xóm có trách nhiệm báo cáo chi tiết các hoạt động thu, chi của Quỹ dự án xóm cùng Kế hoạch hoạt động và chi tiêu trong 6 tháng tiếp theo trước cộng đồng xóm. Báo cáo phải được gửi cho UBND xã 01 bản, 01 bản lưu giữ tại Ban Quản lý dự án xóm và BQL xóm để phục vụ công tác quản lý và kiểm tra giám sát.

Điều 7. Hiệu lực thi hành và điều chỉnh



Sustainable Natural Resource Management Project

1. Quy chế này đã được thông qua tại cuộc họp các thành phần chủ chốt của các xóm tham gia dự án SNRM tại xã Thanh Hối ngày 10/5/2017;
2. Mọi điều chỉnh hoặc bổ sung về nội dung của Quy chế này phải được thông qua cuộc họp xóm và được UBND xã phê chuẩn.
3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được UBND xã phê chuẩn.
4. Ban Quản lý dự án các xóm; Trưởng xóm (đối với các xóm không thành lập BQL rừng và Phát triển sinh kế xóm) cùng cộng đồng dân cư các xóm tham gia dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên bền vững xã Thanh Hối căn cứ quy chế này để thực hiện.

Trưởng xóm

Phê chuẩn của UBND xã



Sustainable Natural Resource Management Project

Phụ lục 13: Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng xóm Sung 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ƯỚC

BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Xóm Sung 2, xã Thanh Hải, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

Rừng và đất rừng của xóm Sung 2, xã Thanh Hải, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá của các hộ dân trong cộng đồng xóm. Rừng cho lâm sản phục vụ trực tiếp đời sống nhân dân, Rừng bảo vệ nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất, Rừng cho không khí trong lành, mát mẻ; Rừng góp phần giữ cho khí hậu ôn hòa, giảm thiểu tác hại của gió bão, lũ lụt, biến đổi khí hậu... Rừng có khả năng tái tạo và là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái trong khu vực, có giá trị to lớn đối với sự phát triển kinh tế và gắn liền chặt chẽ với đời sống của dân trong xóm. Xuất phát từ tầm quan trọng của nguồn tài nguyên này, toàn bộ nhân dân trong xóm Sung 2 nhận thức được rằng “công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng” là nhiệm vụ của không riêng ngành Kiểm lâm mà còn là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người dân trong cộng đồng dân cư xóm.

Với ý nghĩa đặc biệt quan trọng của rừng đối với đời sống của cộng đồng dân cư xóm thì công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cần được thực hiện thật tốt. Để bảo vệ và phát triển được rừng, ngoài việc thực thi Luật bảo vệ và phát triển rừng cùng với các quy định của Nhà nước và của ngành Lâm nghiệp đã quy định, cần phải xây dựng Quy ước bảo vệ và phát triển rừng của xóm để mọi người dân trong xóm tự giác thực hiện có hiệu quả hơn nữa công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nói riêng và thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và môi trường của cộng đồng nói chung.

Bản quy ước bảo vệ và phát triển rừng đã được nhân dân xóm Sung 2 tự nguyện tham gia xây dựng và cam kết thực hiện đúng với chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; các quy định về Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và các quy định khác có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Phát huy được những truyền thống và tập quán tốt đẹp của địa phương trong hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

CĂN CỨ XÂY DỰNG QUY ƯỚC

- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 (Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ 6 thông



Sustainable Natural Resource Management Project

qua ngày 03/12/2004).

- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.
- Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.
- Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế quản lý rừng Phòng hộ.
- Quyết định số 49/2016/QĐ-TTg ngày 01/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế quản lý rừng Sản xuất.
- Quyết định số 106/2006/BNN-PTNT về việc xây dựng và quản lý sử dụng rừng cộng đồng.
- Biên bản cuộc họp xóm Sung 2 về việc thông qua Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng xóm Sung 2 đã được biểu quyết thông qua ngày 04 tháng 4 năm 2017.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu Bảo vệ và phát triển rừng:

1. Đảm bảo tài nguyên rừng ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, tính đa dạng sinh học ngày càng được nâng cao.
2. Rừng và đất rừng của xóm Sung 2 được quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt những quy định của Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng và các quy định khác có liên quan của Nhà nước.
3. Tăng cường các thiết chế truyền thống và các kiến thức bản địa trong quản lý bền vững rừng và đất rừng.

Điều 2. Đối tượng chịu sự điều chỉnh của Quy ước bao gồm toàn bộ người dân xóm Sung 2 và các đối tượng khác (người dân ngoài xóm, ngoài xã) khi vi phạm Quy ước cũng chịu sự xử lý theo Quy ước này.

Điều 3. Đối tượng Bảo vệ và phát triển rừng bao gồm tất cả các loại rừng và đất rừng của xóm Sung 2:

1. Rừng tự nhiên do cộng đồng dân cư xóm quản lý và bảo vệ;
2. Rừng trồng của các hộ gia đình.



Sustainable Natural Resource Management Project

3. Động vật hoang dã và các lâm sản ngoài gỗ trong các khu vực rừng và đất rừng của các hộ gia đình và rừng tự nhiên do cộng đồng dân cư xóm quản lý và bảo vệ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Những việc khuyến khích người dân và cộng đồng thực hiện

1. Mọi người dân cần tích cực tham gia công tác bảo vệ và phát triển rừng của hộ gia đình.
2. Khi vệ sinh sau khai thác rừng trồng hoặc phát dọn và đốt thực bì cần tuyệt đối tuân thủ những quy định của chính quyền các cấp về công tác phòng cháy chữa cháy rừng.
3. Khuyến khích người dân và cộng đồng trồng đa dạng các loại cây rừng (cây lâu năm, cây mọc nhanh) khi thực hiện trồng rừng trên diện tích đất rừng của hộ gia đình.
4. Mọi người dân trong xóm cần nâng cao ý thức phòng cháy, chữa cháy rừng. Khi phát hiện có cháy rừng phải kịp thời báo cho Trưởng xóm, Chính quyền địa phương, Kiểm lâm địa bàn biết để thông báo và tổ chức chữa cháy...
5. Khi khai thác gỗ củi cần tận dụng triệt để cành nhánh cây khô. Không được làm ảnh hưởng đến sinh trưởng tầng lớp cây tái sinh dưới tán rừng.
6. Đối với các loại lâm sản ngoài gỗ như rau, hoa rừng, mật ong, thuốc nam... chỉ được khai thác chọn, không được phép khai thác kiệt để các loại cây con còn lại có thể sinh trưởng tốt và cung cấp sản phẩm bền vững.
7. Mọi người dân cần tham gia bảo vệ và phát triển diện tích rừng tự nhiên do xóm đang quản lý và bảo vệ thông qua các hoạt động khoanh nuôi tái sinh và làm giàu rừng.
8. Khuyến khích người dân áp dụng và lồng ghép các kinh nghiệm địa phương và khoa học kỹ thuật phù hợp trong chăm sóc, tu bổ và trồng rừng.

Điều 5. Những việc không được làm

Những việc không được làm	Xử lý vi phạm và bồi thường
<p>Nhóm 1.</p> <p>1. Chặt phá rừng, khai thác rừng trái phép.</p> <p>2. Săn, bắn, bắt, bẫy động vật rừng trái phép.</p>	<p>Hộ gia đình, tổ chức, cá nhân vi phạm các điều không được làm thuộc Nhóm 1 trong Quy ước này sẽ bị đồng thời xử lý theo các hình thức sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông báo cơ quan chức năng có thẩm quyền (Kiểm lâm và UBND xã) để xử lý theo quy định của pháp luật đồng thời trưởng xóm sẽ thông báo cho người dân trong xóm biết biết về hành vi vi phạm vừa bị phát hiện; 2. Buộc phải bồi thường thiệt hại cho chủ rừng bị thiệt theo thỏa



Sustainable Natural Resource Management Project

3. Vi phạm các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng.	thuận giữa hai bên trên cơ sở pháp luật của nhà nước đã quy định. 3. Buộc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm trong phạm vi cộng đồng như sau:
4. Lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng rừng trái phép.	- Nếu vi phạm lần thứ nhất thì nộp vào Quỹ dự án xóm 200.000 đồng; - Nếu vi phạm lần thứ 2 thì nộp vào Quỹ dự án xóm 400.000 đồng; không được ưu tiên hưởng lợi từ các hoạt động của Dự án; - Nếu vi phạm lần thứ 3 trở lên thì nộp vào Quỹ dự án xóm 500.000 đồng; không được ưu tiên hưởng lợi từ các hoạt động của Dự án; không được xem xét bình bầu công nhận Gia đình Văn hóa.
Nhóm 2	Hộ gia đình, tổ chức, cá nhân vi phạm các điều không được làm thuộc Nhóm 2 trong Quy ước này sẽ bị đồng thời xử lý theo các hình thức sau đây:
1. Chăn thả gia súc trong trong diện tích rừng non (chưa được 3 năm tuổi kể từ khi trồng).	1. Thông báo cơ quan chức năng có thẩm quyền (Kiểm lâm và UBND xã) để xử lý theo quy định của pháp luật đồng thời trường xóm sẽ thông báo cho người dân trong xóm biết biết về hành vi vi phạm vừa bị phát hiện;
2. Khai thác trái phép tài nguyên khoáng sản và các loại tài nguyên thiên nhiên khác trong diện tích rừng của các hộ gia đình và rừng tự nhiên do xóm quản lý và bảo vệ.	2. Buộc phải bồi thường thiệt hại cho chủ rừng bị thiệt theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở pháp luật của nhà nước đã quy định. 3. Buộc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm trong phạm vi cộng đồng như sau: - Nếu vi phạm lần thứ nhất thì nộp vào Quỹ dự án xóm 100.000 đồng; - Nếu vi phạm lần thứ 2 thì nộp vào Quỹ dự án xóm 200.000 đồng; không được ưu tiên hưởng lợi từ các hoạt động của Dự án;
3. Phá hoại các công trình phục vụ việc bảo vệ và phát triển rừng.	- Nếu vi phạm lần thứ 3 trở lên thì nộp vào Quỹ dự án xóm 300.000 đồng; không được ưu tiên hưởng lợi từ các hoạt động của Dự án; không được xem xét bình bầu công nhận Gia đình Văn hóa.

Chương III

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 6. Khen thưởng – Kỷ luật

1. Đối với những cá nhân, hộ gia đình có thành tích trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, thực hiện đúng quy ước bảo vệ và phát triển rừng thì được biểu dương, khen thưởng vào cuối năm bằng tiền hoặc hiện vật (nguồn thưởng trích từ Quỹ dự án xóm).
2. Người phát hiện hành vi vi phạm Quy ước mà không báo cho người có trách nhiệm để xử lý; hoặc người có hành vi che dấu, bao che cho hành vi vi phạm nếu bị phát hiện sẽ bị



Sustainable Natural Resource Management Project

nhắc nhở hoặc cảnh cáo trước cộng đồng và không được ưu tiên hưởng lợi từ Dự án.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trưởng xóm chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy ước này.

Điều 8. Mọi người dân và các tổ chức đoàn thể xã hội trong xóm có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý, bảo vệ và khai thác rừng theo Quy ước bảo vệ và phát triển rừng của xóm và các quy định của pháp luật.

Điều 9. Số tiền buộc người vi phạm hoặc chủ gia súc vi phạm thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm trong phạm vi cộng đồng được xử lý như sau:

1. Nếu đối tượng bị vi phạm thuộc quyền quản lý, sử dụng của cá nhân và hộ gia đình thì số tiền nói trên được nộp vào quỹ dự án xóm nơi cá nhân, hộ gia đình đó cư trú;
2. Nếu đối tượng bị vi phạm thuộc quyền quản lý, bảo vệ chung của cộng đồng liên xóm Sung 1 và Sung 2 thì số tiền nói trên được chia đều làm 02 phần nộp vào quỹ dự án của 02 xóm;

Điều 10. Bản quy ước này thay thế cho các văn bản khác nếu có trước đây của xóm Sung 2 về Bảo vệ và phát triển rừng. Bản quy ước này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngày tháng năm 2017

Trưởng xóm

UBND xã phê duyệt



Sustainable Natural Resource Management Project

Phụ lục 1 của Phụ lục 13: Mẫu biên bản vi phạm

UBND XÃ THANH HỒI

Xóm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....
Số:/20....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm 20....

BIÊN BẢN VI PHẠM

QUY ƯỚC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Hôm nay ngày....., tại (địa điểm vi phạm)

Đại diện Tổ tuần tra bảo vệ rừng bao gồm:

1. Ông/bà.....
2. Ông/bà.....
3. Ông/bà.....

Và Người phát hiện (hoặc nhân chứng)

Lập biên bản vi phạm Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng xóm đối với những đối tượng sau:

STT	Họ và tên	Tuổi	Nghề nghiệp	Địa chỉ

Về việc:.....

Tang vật bao gồm:.....

Phương tiện vi phạm bao gồm :.....

Tất cả tang vật và phương tiện vi phạm sẽ được đưa về xóm để xử lý theo Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng của xóm và theo các quy định của Nhà nước.

Biên bản này được lập thành 3 bản, đọc công khai và có chữ ký của các bên.



Sustainable Natural Resource Management Project

Biên bản được lập lúch....., ngày.....

Người vi phạm	Người phát hiện	Tổ Tuần tra	Trưởng xóm
	(nhân chứng)	Bảo vệ rừng	

Phụ lục 2 của Phụ lục 13: Mẫu biên bản nộp tiền vi phạm

UBND XÃ THANH HỐI **Xóm** CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 Số:/20....
 ngày..... tháng năm 20....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN BUỘC THỰC HIỆN
 NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG KHI VI PHẠM
 QUY ƯỚC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**

- Căn cứ Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng của xóm đã được UBND xã Thanh Hối phê duyệt ngày.....

- Căn cứ Biên bản vi phạm số..... ngày..... đối với ông/bà

.....
 đã vi phạm.....

Đại diện Quản lý xóm bao gồm:

1. Ông/bà.....
2. Ông/bà.....
3. Ông/bà.....

Yêu cầu những người vi phạm có tên trên thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm cộng đồng do vi phạm Quy ước Bảo vệ, phát triển rừng của xóm với số tiền trị giá.....đồng.

Những tang vật bao gồm.....

..... và phương tiện vi phạm bao gồm sẽ được xử lý bởi các cấp có thẩm quyền (Kiểm lâm và UBND xã).



Sustainable Natural Resource Management Project

Những người vi phạm phải thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm cộng đồng do vi phạm Quy ước Bảo vệ, phát triển rừng của xóm cho Ban Quản lý xóm trong vòng 03 ngày kể từ khi lập Biên bản này.

Biên bản được lập lúch....., ngày.....

Người vi phạm

Ban QLDA xóm



Sustainable Natural Resource Management Project

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo đánh giá cuối kỳ Dự án KfW7 tại tỉnh Hòa Bình;
2. Các báo cáo hàng tháng của Văn phòng tư vấn dự án SNRM tỉnh Hòa Bình;
3. Kết quả phỏng vấn hộ gia đình tham gia dự án tháng 12/2017.
4. Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;
5. Ngày 27/11/2006, Bộ Nông nghiệp và PTNT ra Quyết định số: 106/2006/QĐ-BNN về việc Ban hành bản Hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn. Đây được coi là cẩm nang hướng dẫn về quản lý và bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng.
6. Quyết định số 1641 QĐ/BNN-HTQT, ngày 05/6/2006, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án “Chương trình thí điểm lâm nghiệp cộng đồng 2006-2007”.
7. Quyết định số 373-QĐ-TCLN-KL, ngày 25/8/2016, của Tổng cục Lâm nghiệp về việc ban hành Hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng Dự án “Bảo vệ và quản lý tổng hợp các hệ sinh thái rừng thuộc các tỉnh Quảng Nam, Kon Tum và Gia Lai” (Dự án KfW10).
8. Số liệu hệ thống giám sát dự án năm 2017.
9. Theo dõi diễn biến Tài nguyên rừng - Hướng dẫn dành cho người quản trị (phiên bản 2.0).
10. Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2015, 2016, 2017 của xã Thanh Hối.
11. Báo cáo đánh giá điều kiện tự nhiên – kinh tế – xã hội xã Thanh Hối năm 2016 (báo cáo tư vấn).
12. Các báo cáo hàng tháng của Văn phòng tư vấn dự án SNRM tỉnh Hòa Bình.
13. Kết quả phỏng vấn hộ gia đình trồng rừng dự án năm 2017 tại xã Thanh Hối.
14. Số liệu hệ thống giám sát dự án năm 2017.
15. Kết quả khảo sát kinh tế xã hội xã Thanh Hối, 2016
16. Báo cáo kinh tế - xã hội xã Thanh Hối năm 2013
17. Báo cáo kinh tế - xã hội xã Thanh Hối năm 2014
18. Báo cáo kinh tế - xã hội xã Thanh Hối năm 2015
19. Báo cáo kinh tế - xã hội xã Thanh Hối năm 2016
20. Quy ước bảo vệ phát triển rừng xóm Bào 1, xã Thanh Hối
21. Tài liệu dùng để tập huấn cho kỹ thuật viên về khí sinh học, Tổ chức phát triển Hà Lan – SNV, 2011.
22. Tài liệu tham khảo từ internet:
 - 1) <http://baohoabinh.com.vn/PrintPreview/56816>
 - 2) <http://baohoabinh.com.vn/PrintPreview/56816>
 - 3) <http://www.adda.vn/index.php/vi/tin-tuc/ban-tin/1/313-hiep-hoi-nong-nghiep-huu-co-va-to-chuc-adda-tham-mo-hinh-rau-huu-co-tai-luong-son-tan-lac>